

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HOA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút: NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn: 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ 4 — BỘ MỚI SỐ 49 — 1-1-1961

1.— Noël	Nguyễn-Vỹ	6
2.— Thư-thiệp con người Văn-Nghệ	Trọng Long	7— 9
3.— Tiếng đọc sách trong rừng khuya	Trần Hoài	10— 15
4.— Biên chiêu (thơ)	Hàn lệ Thu	16
5.— Nhơn ngày lễ Giáng-sinh, tìm hiểu Chúa Jêsus	Thiếu Sơn	17— 20
6.— Giấc ngủ đêm Noël (thơ)	Lữ Quỳnh	21
7.— Á Giang-hồ và viễn Đại-Ưu (chuyện ngoại quốc)	Từ-Trâm-Lệ	22— 30
8.— Cuộc đời của các nhà tỷ-phủ	Trọng - Tấu	31— 35
9.— Hận Bến Hải	Nguyễn-Quang	36— 41
10.— Văn sĩ thi sĩ tiền chiến	Nguyễn Vỹ	42— 46
11.— Đêm đông (thơ)	Thiên Hương	47

12.— Những người đàn bà lưng danh	Nguyễn-tử-Quang	48— 55
13.— Lược-khảo về ngôn-ngữ và văn lự Chăm	Jaya-Pa-Nrang	56— 59
14.— Thuyền neo bến cũ (truyện ngắn)	Hoàng Thắng	60— 64
15.— Những cuộc tình duyên say mê	Tân-Phong	65— 71
16.— Kỷ-niệm ngày Chúa Jêsus giáng sinh	Nguyễn Triệu	72— 75
17.— Một đời người (hồi ký)	Thiếu Sơn	76— 79
18.— Những áng thơ hay	Bàng-Bá-Lân	80— 85
19.— Đêm giáng-sinh Vào đông (thơ)	Hoàng Hương Trang, Liễu Thiên Tư	86— 87
20.— Minh ơi !	Diệu Huyền	88— 94
21.— Tao đàn Phổ-Thông	P. T.	95— 96
22.— Người lữ-hành cô độc (truyện dịch)	Hoàng Thắng	97— 108
23.— La guerre (thơ ngoại quốc)	Lương Trọng Minh	109— 110
24.— Mồ hôi nước mắt (truyện dài)	Nguyễn Vỹ	111— 117
25.— Đáp bạn bốn phương	Diệu Huyền	118— 130

✳ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Bà Tèo, Tạp chí PHỔ THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai-cảo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
✳ Bài lai cảo không đăng, không trả lại.

• Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp - chí PHỔ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG, và đừng viết tắt.
• Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
• Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam

NOËL

ĐỐI với những người theo đạo Gia-tô, Noel là lễ lớn nhất, trọng-thể nhất trong năm, mừng ngày Chúa Jésus Christ Giáng - sinh. Đối với những người không có đạo Gia-tô, Noel có thể được coi

như một ngày lễ tượng-trưng cho hy vọng Hòa-bình của nhân-loại. Vì, trên 500 năm sau Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là người đã truyền đạo Từ-Bi Bác-Ái, Chúa Jésus Christ ra đời giảng dạy cho loài người tình thương Huynh-đệ.

Để tôn-giáo ra một bên, chúng ta chỉ đứng trên phương-diện luân lý và tinh thần, thì Chúa Jésus Christ đã chịu dày dọạ và đau khổ để cứu loài người. Cũng như Thích-Ca Mâu Ni đã tự mình dày dọạ để tìm cho chúng sinh phương pháp giải thoát ngoài vòng đau khổ.

Chúng ta, tất cả chúng sinh, dù theo Đạo này hay Đạo khác, hoặc không theo đạo nào, đều là những con người đau khổ. Chúng ta đang sống giữa một thời-đại không yên-ổn, bị chiến-tranh đã gây ra bao nhiêu hoang-tàn tang-tốc, và còn đang âm-de-dọa khắp nơi. Chúng ta thiết tha cầu nguyện sao cho tiếng chuông Nhà-thờ cũng như tiếng chuông Chùa sẽ thấu đến Chúa và vang động đến mười phương Chư-Phật, để Hòa-bình, Tự-do, Nhân-đạo, sẽ được trở về mau chóng trên cõi Đất và trong tất cả lòng người.

Lạy các Đấng Thiêng-Liêng hãy cứu những con dân vô tội



TRỌNG-LANG

THỰC-THỂ

CON NGƯỜI

VĂN-NGHỆ

(Trích một đoạn trong bài thuyết-trình của Nhà-văn TRỌNG - LANG, đọc tại Viện Quốc-gia Âm - nhạc tối 18-12-1960).

NGƯỜI công dân, con người của cuộc sống phổ-biến, bình-dị, con người của Thực-tại nhiên-nhiên, hình-ảnh của Thượng-đế, con người ấy cần tự-do dân-chủ từng giây, từng phút, như cần cơm, cần không-khí, cần tình-yêu, nguyên động lực của Tự-do và dân-chủ. Văn-ngệ sĩ là con người của Nghệ-thuật, mà Nghệ-thuật lại là : " con người thêm vào Thiên nhiên " (*l'Art, c'est l'homme ajouté à la nature*, theo lời BACON). Con người Văn-ngệ không phải chỉ là người có nhiều tư-cách thích ứng với nhu-cầu hoạt động hàng ngày trong thực tại thiên - nhiên, nhưng Văn - nghệ sĩ khai-thác và bổ-túc Thực-tại Thiên-nhiên, và dẫn giắt được nhiều tư-cách, trước Thượng-đế, trước lương-tâm, trước loài người, trước máu mủ. Anh khổ trước người khổ, và vui sau người vui, để thi-

hành-nhiệm-vụ lý-tưởng của anh là phát minh ra một thực-tại trong thực-tại, một Thế-giới Tân kỳ, chấp-thuận được giúp cho con người vui được nỗi buồn nhân-sinh trong thực-tại. Anh đã phải phân-biệt rõ muôn vạn màu-sắc, cái chất cách-biệt, dị-đồng của nhiều nếp sống, mà con người đang muốn quên đi bằng những ước lệ tay đôi, giữa người với người.

Đứng trên phương-diện giá-trị tinh-thần mà xét ta thấy có hai tư - chất trong con người Văn - nghệ tả trên : tư - chất con người huyền-bí (*le mystique*) tức là con người của siêu hình tinh-cảm, siêu hình ý-chí, siêu hình trí-tuệ, con người cao-quý, linh-diệu, đa tình, thành-thực hăng-hái. Và tư-chất con người « xảo công » (*le mystificateur*), như một ảo thuật gia, khi phải dùng đến phương pháp, kỹ-thuật, mảnh lời nghề nghiệp, bí quyết thành công.

Người huyền bí sáng tạo. Người xảo công khai thác sáng tạo. Huyền - bí và xảo - công ghép lại, sẽ cho ta một ý niệm về thực thể con người văn nghệ.

Đau khổ, vui sướng tinh thần ở các mức không thường, là dị-đồng, cách - biệt của nếp sống, là chất kích - thích cho con người huyền-bí.

Cũng như đối với một chiến sĩ, ví phòng đường đời đều bằng phẳng cả, thì làm gì còn lẽ sống cho người chiến sĩ ?

Nếu đau khổ là điều kiện cho con người để xây dựng một việc rất thiện và vĩ-đại, thì đau khổ, của người cũng như của mình, là điều - kiện chính cho Văn - nghệ sĩ để xây dựng một tác - phẩm rất thiện và vĩ-đại.

Từ Đông sang Tây, ta đã thấy có một AƯ-DƯƠNG-TU với câu : « Cùng nhi hậu công », ý nói nhà thơ có cùng khổ thì thơ mới hay. Nhà văn Nga TCHÉKOV, đồng thời với Tolstoï và Bounine, đã có nói : « Nhà văn phải nghèo. Anh ta phải làm vào cái cảnh làm cho anh rõ là nếu anh không viết, nếu anh lười, thì anh sẽ chết đói. » Ông ta lại có câu nữa : « Tài năng, trong cố-gắng của nó để nảy nở, phải chịu sự dày vò, đau khổ triền-miên. »

Khi thì bị giặc bắt, khi thì suýt chết đói và luôn luôn đói quá để mà tối hậu chết vì bội - thực với món thịt bò, suốt một đời 60 năm đau khổ liên-miên, có lẽ mà chỉ có Thi Thánh ĐỒ-PHỦ.

Cụ PHAN-SÀO-NAM đã để lại những lời thơ đầy huyết tính trong tập *Ngục trung thư*. Cũng vì nằm trong ngục Bastille chờ giờ lên đoạn đầu đài, mà ANDRÉ CHÉNIER, đã để lại cho dân tộc Pháp bài thơ bất hủ « *La Jeune Captive* », (thiếu nữ bị giam), ám chỉ nàng Charlotte Corday cháu của thi hào Corneille, và được Lamartine gọi là « Thiên thần sát nhân » (*l'Ange du crime*) vì nàng đã tự-động ám-sát tên khát máu Marat của Cách-mạng Pháp.

Còn ai được tự do hơn ANDRÉ GIDE ? Thế mà ông ta lại là một văn gia có chủ trương tự tìm cho mình những ràng-buộc, cưỡng-chế, và cho rằng Tự-do chỉ cần khi nào mình thấy mình bịnh hoạn, yếu đuối.

Ta vẫn còn nhớ trường hợp của những Phan-Khôi, Hoàng-Cầm, Phùng-Quán, Trần-Dần, Lê-Đạt, của một Thụy-An, ở miền Bắc.

Chính nhờ có đau khổ, mà hồn nghệ sĩ đã bùng lên mãnh liệt, qua những tác phẩm, báo chí gào thét đòi quyền được sống tự do, không đau khổ.

Chính trong cái không khí tù hãm của hoàn cảnh, chế độ mà họ đã tỏ ra là những người tự-do, biết rõ giá trị của tự do hơn ai hết — trong giai đoạn Việt Cộng—để nói lên để đời, tiếng nói của tình người, của Nghệ thuật và đạo đức, chất căn-bản của Tự-do.

Những con người ấy, của nhóm *Nhân văn Giai phẩm* nhắc nhở ta cái tinh thần thiên phú của con người Tự-do, cái tinh thần được triết-gia Platon xác định qua câu này :

« Tự-do không phải là vấn-đề luật-pháp và hiến-pháp. Chỉ tự do, kẻ nào thực hiện được trật-tự thiêng-liêng trong nội-tâm mình và chấp thuận làm của mình những quy-luật chính-xác làm cho con người có thể tự mình chế ngự được mình. »

Họ nhắc nhở ta rằng con người chỉ tự do, khi nào đã chịu theo cái định luật tinh thần gồm có : nhân-đạo, lòng trắc ẩn, vị-tha và nhiều đức tính khác không từ ngoài bắt buộc phải có, nhưng mà là do cá-nhân mình đã tự-do lựa chọn, những đức tính giúp cho loài người có thể sống chung được.

Họ có sẵn đau khổ, điều kiện căn bản để làm thiện, nhưng một-chế độ tàn-nhân lại khai thác điều kiện ấy để buộc họ phải làm ác. Và họ đã dám vùng lên.

TIẾNG ĐỌC SÁCH

TRONG RỪNG KHUYA

★ TRẦN HOÀI

NƯỚC ta, vào cuối thời Tự - Đức, giặc cướp nổi lên tứ tung, dân chúng sống rất là khó khăn khốn đốn. Quan quân cũng vì thế mà phải đánh dẹp mãi không thôi...

★

Thuở ấy ở tỉnh Bình-Thuận, có gã họ Đào, tuổi ngoài 40, nhà nghèo, góa vợ, sống bằng nghề khuân thuê, vác mướn. Tang tảng sáng, y đã ra đến chợ tìm việc làm, đến chiều rượu chè chút ít, kiếm ăn qua loa ba miếng no lòng y mới trở về căn nhà xiêu vẹo của y ở mé rừng, cạnh đường cái quan, cách tỉnh lỵ Bình-Thuận độ hơn vài ngàn thước...

Một buổi chiều kia, sau khi kiếm được khá tiền, y ghé quán nhậu say túy-lúy rồi mới bước chân ra về. Áo vắt vai, đầu xoa khăn xéo, y gật-gù bước ra đường cái quan nhằm hướng thẳng về nhà. Mãi nhậu say nên hôm nay y về trễ hơn mọi khi. Mặt trời tắt đã lâu và ánh trăng cũng đã hiện ra, sáng chói trên nền trời thăm-thẳm...

Hết trăng rồi lại qua rừng, đã đến giờ tị y mới bắt đầu vào một con đường lớn để về đến nhà...

Trăng hôm nay sáng hơn mọi khi, bước vào đầu rừng, bị gió lạnh lùa, y rừng mình mấy cái, đoạn lấy áo trên vai xuống mặc vào, hơi lạnh, đường xa làm cho y tỉnh lẫn... Ánh trăng chiếu thẳng xuống

TIẾNG ĐỌC SÁCH TRONG RỪNG KHUYA

những mặt lá đọng sương sáng chiếu như ánh-bạc, đầu đây tiếng ó ma - lai rú lên nghe rùng-rợn...

Qua khỏi nửa rừng, trong tiếng nhạc dế của rừng khuya, bỗng y nghe vọng từ trong xa, phía bên tả, một giọng đọc sách sang-sảng.

Y lấy làm lạ, vì trên con đường này y thuộc nằm lòng từng gốc cây phiến đá, từ trước đến nay không có một gian - nhà nào cả, mà sao hôm nay lại có tiếng đọc sách.

Có chăng, họa là một gian nhà sàn của người sơn cước, nhưng họ đã bỏ mà đi tự lâu rồi, mái tranh đã xiêu vẹo... Vậy ai đã dời về đây ở mà y chẳng hay biết?

Tiếng đọc sách lại vang lên sang sảng :

« Quan quan thư cru

Tại hà chi chu

Yêu-diệu thực-nữ

Quân tử hảo cầu »

Quả là người kia đang đọc Kinh-thi, vốn từ nhỏ y có vẽ vẽ dăm ba câu chữ nho nên nay nhận ra được tiếng đọc sách của con nhà gia-giáo. Giọng đọc chững-chạc và trong-trẻo, tựa như của một anh học trò tuổi vừa đôi tám, hai mươi...

Nhìn sâu vào rừng, chỗ có tiếng đọc sách, y lấy làm lạ mà chẳng thấy có một ánh đèn nào, duy chỉ có ánh trăng lượn quanh trên cành lá... Vốn người dạn - dĩ, nhưng y cũng cảm thấy rùn-mình. Ma quỷ chăng? Có lẽ nào vì đã biết bao lần y qua đây, có khi còn khuya hơn hôm nay mà y chưa hề gặp gì lạ...

Người chăng? Cũng có lẽ, biết đâu ai đó, vì muốn tìm cảnh tịch-mịch đã dời nhà về đây, trong lúc y không hay biết, để được an-nhàn đọc sách lên kinh ứng-thí?

Nhưng đọc sách ở đâu? Trong đêm tối không một ánh đèn làm thế nào để đọc?

Bao nhiêu câu hỏi dồn - dập trong đầu óc mà y giải - quyết không ra. Y nhớ lại kinh-nghiệm nhiều người thường bảo : Đi rừng muốn nhìn cho kỹ những vật từ đằng xa, phải nằm rạp xuống đất, y bèn bước tới mấy bước, chọn một chỗ ít cây có thể trông thấy tới xa, lom-khom nằm xuống.

Lạ thay, y vừa nằm rạp mắt nhìn kỹ tới trước thì bỗng tiếng đọc sách vọng im và nghe bảo :

— Em Ngọc ơi ! lại đây bảo, chúng ta rất may mắn, đã gặp được người giúp đỡ chúng ta rồi !

Kể nghe giọng một người con gái từ đằng xa vọng lại, tiếng trong và êm êm.

— Dạ, em sẽ đến liền...

Liền khi đó, trước mặt y, hơi xa xa một ánh sáng xanh vụt loé lên rồi sáng hẳn. Đó là ánh sáng của một chiếc lồng đèn hình lục giác, có treo tụi, thứ đèn của các nhà vương giả dùng thường treo trong thư phòng...

Người con gái tay cầm chiếc đèn, trạc vừa hai tám, đầu búi tóc vòng cung, mi thanh mục tú, mình mặc áo màu lam, cổ viền, tay rộng mà dài ra dáng con nhà quyền quý.

Nàng uyển-chuyển thoăn thoắt đi tới, gót sen bước nhẹ như lướt trên mặt cỏ mà không một tiếng động.

Đến chỗ có tiếng đọc sách, bỗng nghe tiếng nói của chàng thanh-niên.

— Mau đi em, chúng ta hãy xốc áo, nghiêm - chỉnh ra đón ân-nhân.

Vừa nghe, y bỗng vụt thấy một chàng thanh-niên, có dáng thư-sinh tuổi vừa đôi mươi, mình mặc áo dài màu xanh đầu đội mũ tú-tài, cùng nàng thiếu-nữ, hai người thoăn-thoắt bước về hướng chàng

đang núp...

Y vừa sợ vừa lo, không biết họ là ai mà đi tìm ân-nhân? Có lẽ họ đã thấy ta rồi chăng? Đâu có lẽ, mà ân-nhân của họ là ai? Ta chẳng? Ta có làm gì mà giúp họ để được gọi là ân-nhân?

Còn đang bán tính bán nghi thì hai người đã đến trước mặt chàng, xốc áo vái dài mà thưa rằng:

— Thưa ân-nhân, xin người đứng dậy, chúng tôi chờ một người đã mấy năm mà chưa gặp, hôm nay duyên may hạnh-ngộ xin phiền người giúp đỡ.

Đào rất lấy làm lạ, không biết tại sao y nằm rạp xuống rất kỹ mà họ còn thấy mình.

Bất đắc dĩ mà y phải đứng dậy. Lúc này hơi rượu đã tan. Y tỉnh hẳn...

Vừa đứng dậy vừa phủi bụi dính cùng quần áo, y hỏi:

— Chẳng hay công-tử và tiểu thư có việc chi mà hỏi đến tôi? Tại sao lại chờ tôi đã lâu rồi?

Chàng thiếu-niên buồn-rầu đáp:

— Chẳng giấu chi người, tôi tuổi vừa đúng 20, vốn người tỉnh Khánh-hòa, đậu Tú-tài đã lâu. Mấy năm trước, kinh-đô có mở cuộc thi hội tôi cùng một đứa tùy

tùng ra kinh định ứng-thí, thầy trò qua đây, bỗng gặp bọn cường-sa cướp đảng giết chết tôi, cướp tất cả hành-lý, tiền bạc đem xác vùi trong đám rừng trước mặt, còn tên tớ trai thì chúng dẫn đi biệt-tích, hơn 4 năm qua, tôi ở đây hương-tàn khói-lạnh, chiếc thân cô độc, chẳng một ai lưu-luyến đoái hoài... thắm thương thay thân cha mẹ già, cảnh đau lòng bấy giờ chẳng biết ra sao.

Nói xong chàng đưa tay gạt mấy giọt lệ đang lăn tròn trên đôi gò má xanh xao.

Người con gái liền tiếp lời:

— Còn tôi, mẹ đã qua đời từ lúc tôi còn tám bé, cha tôi tục huyền, gặp phải người di ghẻ ác độc và tham lam. Tôi đã lớn lên trong nước mắt.

Mấy năm trước đây dì tôi bắt ép tôi đem bán làm tiểu-thiếp cho một công tử trong vùng. Tôi không kúmg, bị bà hành hạ đủ điều. Một hôm giận dữ bà đã lỡ tay đánh tôi mất mạng và sai bọn gia nhân đem vùi xác tôi cạnh mộ Trần-quân.

Trần-Sinh — tên chàng thiếu-niên — tiếp lời:

— Từ ấy đến nay, sống trong cô quạnh, cùng chung nhau

trong hoàn cảnh đau thương, không gia đình, quyền thuộc. Biết nhau, chúng tôi đã yêu nhau nhưng không dám vượt qua vòng lễ - giáo, chúng tôi chờ ngày có người tác - hợp. Biết rằng khó mà chờ được lệnh mẹ-cha, chúng tôi chờ một người đứng tuổi.

Hôm nay, may mắn gặp được người, xin vui lòng vì chúng tôi mà tác-hợp.

Thấy Đào còn đang đứng sững-sờ suy - nghĩ chưa biết ăn nói ra sao, thì Trần-Sinh đã vội tiếp.

— Xin người vui lòng đem cánh hoa - tiên này đốt tại miếu thành - hoàng bản tỉnh. Trong ấy tôi có ghi rõ niên canh của đôi bên và xin phép thần - linh cho chúng tôi làm hôn-phối.

Nói xong, Sinh lần trong tay áo xanh lấy ra một cánh-thiếp trao lại cho Đào và nói tiếp:

— Tiện xin nhờ thêm người thêm chút việc. Số là khi bọn cướp bắt giết tôi để cướp hành-lý, chúng không xét kỹ, nên tôi đã giấu trước mấy lạng vàng trong lưng, may phước nay lại còn.

Xin nhờ người mua 2 cỗ quan-tài nhờ người phụ-lực đồng tống táng 2 chúng tôi gần nhau, để cho đôi năm xương tàn được phần ấm

áp. Không bao giờ chúng tôi lại dám quên ơn tái tạo...

Nói xong quả Trần-Sinh lấy ra hai lạng vàng dấu trong áo, trân trọng đưa cho Đào...

Vốn người gan dạ lại có tánh tham nên Đào tiếp tay lãnh 2 lạng vàng trên tay Trần-Sinh.

Trần-Sinh lại ân cần dặn tiếp:

— Người đến chỗ quẹo của khúc đường này, dòm sang phía trái, thấy có cây bạch dương, đó là chỗ mộ tôi, còn mộ nàng Ngọc — tên người thiếu-nữ — thì ở cách đó vài mươi bước, chỗ có khóm Bạch-lan...

Nói xong hai người nghiêng mình từ tạ, trông lại thì Đào chẳng còn thấy một ai, duy chỉ có tiếng dế rừng than rĩ rả và đầu đay mấy tiếng ó ma-lai rít dài nghe não nuột.

★

Đào đi một mạch về nhà, nhét đại mảnh hoa-tiên vào kẹt vách, xem lại 2 lạng vàng, thấy quả đó là thứ vàng ròng đúng giá, bỏ vào bao cất kỹ, đoạn lên giường đánh một giấc đến sáng...

Bữa sau khi ra đến chợ, y suy nghĩ: * Chuyện ma quỷ mộng-mị hơi đầu mà lo. Chết rồi mà còn

đòi cưới hỏi ! »

Lâu nay mình sống kham-khó quá, nay sẵn tiền hãy sung sướng một phen, xem lại 2 lạng vàng vẫn thấy còn y như hôm trước y bèn rủ bọn quen trong phố cùng nhau chè-chén ly-bì mà không nghĩ gì đến việc cải-táng cho 2 người xấu-số...

Ăn-nhậu với bè bạn được hơn mười hôm số vàng mẽ gần phần nửa thì bỗng một buổi sáng kia có mấy tên nha-lại hùng hồ vào chợ tìm bọn phu khuân-vác hỏi thăm tên Đào.

Gặp y, nha-lại liền đưa xích sắt ra trói đôi tay y lại...

Y cần - nhẫn kêu oan thì nha-lại bảo:

— Muốn biết nhà người có tội gì hãy đến cửa quan rồi sẽ biết...

★

Huyện quan họ Hà mới đòi về Bình-Thuận hơn một năm nay. Đó là một ông quan thanh-liêm chính-trực hằng chú-ý đến việc sinh-sống của dân chúng mà nhứt là ông rất sáng suốt trong các việc tranh-tụng...

Trong vòng một tuần gần đây, mỗi đêm khi ngủ ông thường thấy một đôi trai - gái đến nha - đường tố - cáo tên họ Đào bội ước lấy

vàng mà mãi đề đôi năm mờ họ chịu cảnh hoang-tàn lạnh-lẽo.

Hỏi kỹ, đôi thiếu-niên kia tả rõ hình dáng họ Đào và thuật rõ sự việc đã qua trong rừng vào một đêm trăng lạnh.

Thấy chuyện kỳ quái, buổi sáng kia ông bèn đăng-đường sai nha-lại ra chợ Bình-Thuận để tìm tên phu khuân - vác họ Đào về dinh tra hỏi.

Trước mặt quan huyện, với số vàng bỗng dưng mà y có, Đào không thể chối cãi mà phải thú thật tất cả đầu đuôi.

Cùng nha-lại về nhà lấy mảnh hoa tiên nhàu nát để trình quan huyện thì ra đó là một cáo trạng có ghi rõ tên mấy đứa côn đồ đã hạ sát Trần-Sinh để cướp của.



★ BỘ ĐỒ PYJAMA.

Ông giám - đốc một sở Thú, nhốt chung một con ngựa-vằn đực với một con lừa cái, để thí-nghiệm xem kết quả sẽ ra sao. Đợi mãi một tháng mà con lừa cái vẫn không chịu con ngựa-vằn đực, ông giám-đốc sở thú mới vuốt-ve con lừa, hỏi nó:

— Sao ? Mày không bằng lòng lấy thằng Ngựa-vằn hả ?

Lừa cái bẽn-lên trả lời:

— Dạ, bằng lòng..., nhưng tôi chờ anh ấy... cởi pyjama ra đã chứ !

RENÉE CARLES.



Biển chiều

Em đi thơ-thần trên bờ cát
 Gương mắt u-buồn ngắm biển khơi ;
 Từng ngọn gió nồm uơm thắm mát,
 Vành môi mẫn-mặn nước đưa hơi.

Sóng liếm chân em làm ón lạnh,
 Ràng mình em xích bước vào trong.
 Em ngồi trên cát, sầu cô quạnh
 Nghe sóng hòa-âm điệu nhớ mong !

Kề em — ai cũng ngồi im lặng —
 Chiếc áo phong sương đã bạc màu ;
 Bên vai một túi thơ đầy nặng,
 (Không nói nhưng mà cảm mến nhau...)

— Thì ra anh cũng là thi-sĩ
 Đi tìm hoàng-hôn, lạc đến đây ?
 Mi ướt long-lanh tràn ngập ý...
 (Đường đời đã gặp lắm chua cay !!)

Mở túi thơ ra : tìm vị đắng !
 Bày thơ trên cát : nếm đau thương !
 Cảm-thông — sóng nhạc như trầm lắng—
 Đêm phủ từ-từ chốn viễn-phương... (!)

HÀN-LỆ-THU (Kiều-Lệ)
 (Bệnh-viện Qui-hòa, Qui-nhon)

Nhân ngày lễ
 giáng sinh
 tìm hiểu :



★ THIẾU - SƠN

CHÚA JÉSUS

công-nhận quyền lực của chúa và không bao giờ người ta lại tấn-công một người chết một cách hăm-hở như thế...

Nếu chúa còn là cây cò của những cuộc tranh-biện của chúng ta là bởi chúa vẫn là một cái gì linh-động nhất trong thế-giới tư-tưởng... »

NẾU chúa Gla-Tô hỏi chúng ta như Chúa đã từng hỏi những đồ-đệ đầu tiên của chúa : « Người ta nói tôi như thế nào ? » thì chúng ta có quyền trả lời chúa như sau : « Họ nói rằng chúa là người vĩ-đại nhất giữa loài người. Không có một tên nào thay được tên chúa, đầu từ bao thế-kỷ tên chúa đã bị dao-động giữa lời nguyên-rũa và sự tôn-sùng... Ngay tới sự cảm-thù của kẻ nghịch cũng

Những lời nói trên này tôi đã trích-dịch trong bài diễn-văn có giá-trị của nhà văn Edmond de Pressensé đọc tại Hội-nghị Tin-Lành ở Valence ngày 23-10 năm 1.866. Ông đã nêu ra được những điểm đặc-biệt về người đã khai-sanh ra đạo Gia-Tô. Người là một nhân-vật vĩ-đại nhất giữa chúng ta. Tên tuổi Người bị nguyên-rũa đã đời rồi được tôn-sùng triệt-đề. Người chết rồi mà

thiên hạ vẫn không để cho Người được yên-ôn vì Người đã để lại một cái gì linh - động như, « sống » nhưt trong tư - tưởng giới của Nhân-loại. Đúng như thế. Ở đây tôi không nói gì tới những lễ thần bí hay những phép nhiệm mầu. Tôi chỉ nói đến vai tuồng của Chúa Jésus đối với nhơn sinh, nhơn loại, đến quyền lực của Người về phương-diện tinh - thần và tư - tưởng. Chúa Jésus Giáng-sinh vào lúc loài người còn chưa thoát khỏi vòng mê-tín dị-đoan, chưa thoát khỏi ảnh-hưởng của những ngẫu-tượng và chế-độ đa-thần, còn sống trong cảnh hỗn-loạn với những thành-kiến, những hủ-tục, những công-thức của đời Thượng-cô. Chúa đã chỉ cho người ta một con đường mới với những chân trời mới lạ. Chúa bảo người ta đừng làm những cái người ta đã quen làm và bảo người ta nên làm những cái người ta chưa bao giờ làm. Thứ nhưt là Chúa đã bắt người ta phải suy-nghĩ về những lời nói và hành-động của Chúa. Những người suy-nghĩ kịp thì tin tưởng Chúa, tôn-sùng Chúa và dám hy-sinh vì Chúa. Những kẻ không suy-nghĩ kịp thì công-kích chúa mặt-sát chúa, nguyên-rủa chúa

hành-hạ chúa và ngược-đãi những người đã theo Chúa. Chúa đã chết trên thánh-giá mà những cuộc xung đột còn kéo dài và những tín-đồ của Chúa còn cứ bị tấn-công và ngược-đãi, tạo nên những trương-đảm máu trong lịch-sử loài người.

Đau đớn nhưt và chua xót nhưt là những cuộc tàn-sát tín - đồ Công-giáo dưới triều-đại của Hoàng-đế La Mã Marc-Aurèle. Ông này là một đảng anh-quân và một nhà hiền-triết. Trong những sách vở ông để lại ta thấy nhiều câu châm-ngôn đượm lòng nhơn-ái mà ta có thể so sánh với những lời răn dạy của Chúa Gia-tô. Một người như vậy mà nỡ xuống lệnh hạ sát tín-đồ công-giáo thật là đáng tiếc biết bao nhiêu. Nhưng Marc-Aurèle đã chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh, của thành kiến, của những công-thức trong thời-đại của ông. Ông có những lý-lẽ mà hồi đó người ta cho là chánh-đáng. Ông có những tình-cảm tôn-giáo, tinh-thần và ái-quốc của thời-đại và xứ-sở của ông. Ông cho rằng ông đã làm phải chứ ông không ngờ rằng ông đã làm quấy. Nhưng điều phải hôm trước có thể là điều quấy hôm sau, sau

khí nhơn-loại đã nhận ra tất cả cái giá-trị tinh-thần của Gia-tô giáo, sau khi người ta đã thấu hiểu được lòng thành, đức tin và cái quyền-lực vô-song của người đã khai-sáng đạo. Thế rồi một giáo phái tối-tăm bị người đời ngược-đãi càng ngày càng trở nên vững mạnh được khắp cả đế-quốc La-Mã tôn-sùng và ngày nay còn lan-truyền sâu rộng hơn nữa.

Nhưng tất cả các học-thuyết và các tôn giáo đều chung nhau một số-phận là buổi đầu thì chứa đầy nhựa sống đối với những kẻ sáng-tạo và những đồ-đệ trực-tiếp của họ.

Càng phải tranh đấu với những học-thuyết và tôn giáo khác nó càng được trui rèn và càng thêm vững mạnh. Nhưng một khi nó đã đánh ngã được đối-phương và hết còn phải đương đầu với kẻ nghịch thì nó cũng trở nên yếu ớt và mất sanh-khí bọn bàng. Những đồ-đệ hoặc tín-đồ của nó cảm thấy như họ đã được « giải ngũ » và không còn tinh thần chiến đấu như xưa. Chẳng những họ không còn được cái hùng-tâm tráng-khí của người trước mà ngay đến cả những giáo-lý của Chúa, những châm-ngôn của Thầy, họ cũng

không chịu tìm hiểu một cách sâu-rộng và áp-dụng một cách trung-thành. Đạo Nho hồi nguyên-thủy hùng-mạnh như thế nào và chiến thắng một cách rực-rỡ những học-thuyết đương đầu với nó. Nhưng sau khi đã được sự che-chỡ của chánh quyền phong-kiến nó càng ngày càng tàn úa và đã sản-xuất ra biết bao nhiêu bọn hủ-nho.

Tín-đồ công-giáo ngày nay theo số lượng thì nhất-định là phải đông hơn trước, nhưng thật-sự cũng có rất nhiều người Gia-tô giáo thiếu hẳn những đức-tánh của những tín-đồ trong giờ phút khó khăn đã đứng sau lưng Chúa. Họ nghe lời Chúa một cách chăm chỉ, noi gương Chúa một cách trung-thành. Chúa bảo: « Các con hãy thương yêu nhau » thì họ thương yêu nhau thật-tình và ngay trong khi họ bị khùng-bổ toi bởi họ cũng vẫn giữ trọn tình đoàn kết làm cho chính những kẻ thù của họ cũng phải kính-phục họ.

Ngày nay chúng ta cũng vẫn đọc những lời của Chúa một cách kính-cần. Chúa bảo: « Những kẻ nghèo-hèn bị áp-bức sẽ được ban phúc lành — Đường lên Thiên đàng không phải là đường đi của kẻ giàu có — Phải yêu đồng-loại

như yêu mình — Khi người ta dứt cái áo ngoài của mình thì hãy cho luôn cái áo trong — Nếu muốn hoàn-toàn thì phải bán hết cả sự-nghiệp để bố-thí cho kẻ nghèo, v.v...

Ta đọc những lời đó một cách hết sức kính cẩn nhưng ta chỉ cần nghe cái âm thanh mà không bận lòng gì đến ý nghĩa. Vì ta không bận lòng đến ý nghĩa nên ta cũng không nghĩ tới chuyện thực-hành.

Dưới chân Chúa ta có một tâm trạng rất thành-khăn, nhưng ra khỏi thánh-đường ta lại sống đời sống trần-tục của ta, ta nghĩ đến những quyền-lợi của ta nhiều hơn là nghĩ tới đồng-loại. Ta cũng có thể nghĩ đến những chuyện hại người để làm lợi cho mình. Ta vẫn mong được ban phước lành, nhưng ta đã quên hết lời Chúa dạy.



Những nhận-xét trên đây không phải riêng gì đối với tín-đồ công-giáo mà là chung cho tất cả mọi người, những đồ-đệ và tín-đồ của tất cả các học-thuyết và tôn-giáo đã chiếm được địa-vị độc-tôn hay đã biến thành công thức. Nhà văn-hào Anh Stuart Mill đã nói : «Cái khuynh-hướng tai hại của nhơn-loại là đối với cái gì mình không

hoài nghi nữa thì cũng không thêm nghĩ tới nó nữa ». Cổ-nhiên là ta không nên hoài nghi những giáo-lý của Chúa, nhưng ta không được phép ngưng suy nghĩ về nó, ta không có quyền coi nó như những giáo lý chết rồi mà phải luôn luôn tìm hiểu cái ý nghĩa, cái nội dung, cái tinh túy của một tôn giáo đã ghi lại bằng máu cuộc tranh đấu vĩ đại trong thế giới tư tưởng của loài người, cuộc tranh đấu giữa tự do và công-thức, giữa giải phóng và nô lệ, giữa tình bác-ái vô-biên và lòng ích-kỷ đen tối của loài người. Ngày Chúa Jêsus giáng-sanh phải là ngày mà tín-đồ của Chúa phải tưởng-niệm tới người tuấn-giáo ở thành Jérusalem và bao nhiêu những người tuấn-giáo khác đã chết để làm cho đạo được sống.

Họ đã chiến đấu, họ đã hy-sinh, họ đã đau khổ không phải là cốt để lại cho ta những giáo-lý mà ta chỉ tụng niệm ngoài môi để nghe những âm thanh quen thuộc.

Đầu không phải là tín-đồ Gia-tô-giáo ta cũng ở trong loài người và không được có thái độ bàng-quan đối với một người vĩ-dại đã hết lòng thương yêu nhơn-loại và đã đau khổ vì đồng loại của mình.

Chúa vẫn là đề-tài cho chúng ta học-tập và là tấm gương sáng cho tất cả mọi người.

GIÁC NGỦ

Đ
Ê
M
N
O
Ë
L



*Tôi mơ thấy một kinh thành khói lửa.
Lòng người đau, tôi khóc lệ như mưa ;
Giết nhau chi, hai trận chiến chưa vừa ?
Loài người hỡi, máu bao giờ ngừng chảy ?
Nào gạch vụn của lâu-đài mấy dãy,
Nào xác người của thành-phố đông dân.
Nào âm-thanh của tiếng gió hút ngàn.
Còn chi nữa ? Hết rồi ! Còn chi nữa !
Tôi vẫn cúi đầu đi trong khói lửa,
Lòng cô-đơn như mây áng mây buồn.
Tôi quay về con đường cũ sầu vương
Và gục mặt, không dám nhìn trở lại.*



*Tôi bình tình tâm thần còn sợ hãi.
Mưa mùa đông rơi lác đác ngoài hiên.
Chuông giáo đường thanh thoát đã vang rền.
Năm áp gối, mắt còn vương vấn lệ ;
Tôi sợ nhớ hôm nay là ngày lễ,
Noel về giữa những ánh mưa sa.
Buồn làm sao cho mấy kẻ không nhà !
Hồn thành-kinh, tôi van-nài Thượng Đế.
Xin Ngài hãy ban hòa bình Nhân Thế,
Ban loài người những nếp sống an-vui
— Tránh sầu đau, và nhất chớ hận thù. —
Tôi cầu nguyện đến khi gà gáy sáng ;
Và tự nghĩ : đời bắt đầu chói rạng.
Trong ánh hồng, trong những tiếng chuông khuya.*

LỮ-QUỲNH (Huế)

Ả GIANG - HỒ

VÀ VIÊN ĐẠI - ÚY (Noël 1635...)

* Camille Fromentin
TỪ-TRẦM-LỆ phỏng dịch



Sylvaine đứng lên. Nàng đưa tay kéo tấm màn che cửa sổ ra, đôi bàn tay nhỏ nhắn, có vẻ gầy yếu, xanh xao. Nàng nhìn xuống bên dưới, chiếc Cầu Mới đang là sân - khấu cho một số đồng đảo người lui tới, lao nhao. Ngày đã tắt. Tim nhói lên như một vết thương bị chạm vào, Sylvaine nhắm đôi mắt lại thật mạnh để khỏi phải khóc.

lòng hai bàn tay gục đầu xuống thành cửa sổ, với hình ảnh của Robert de Capdenac ngập tràn trong tâm tưởng...

Cầu-Mới, chiều Noël 1621 ấy. Khi các người gặp gỡ nhau. Lúc bấy giờ, tuyết rơi. Nàng đang vũ. Trong đám công chúng vây quanh không ngớt reo lên tán-thưởng tài nghệ, nhất là sắc đẹp của nàng, viên đại-úy đứng thẳng người, sừng sững, cảm lạnh nhìn nàng mà răng thì cắn mạnh vào môi.

Khi Sylvaine gặp gỡ Robert, bấy giờ là Noël. Lúc Robert chết đi trong một cuộc đấu gươm mưu-lừa đốn mặt, cũng vào dịp Noël.

Hôm nay là Noël 1635. Chồng nàng chết đã được hai năm rồi. Trong cùng lò sưởi, lửa kêu lên những tiếng lách tách đồ rục. Nơi giữa phòng, chiếc bàn chơ vơ với mấy cái ghế như đợi chờ, nhưng không có ai đến cả. Lòng đau như cắt, nàng úp mặt vào

Đối với Sylvaine, kỷ-niệm là ghép vắn lên thành tiếng 24 décembre và nó khoác sắc trắng của tuyết lẫn màu đen của đêm. Tuyết, màu trắng, sắc ấy nhắc nàng nhớ lại những hoan lạc của cuộc ân tình giữa hai người. Đêm, sắc đen, màu ấy nhắc nàng rằng chàng đã chết rồi, mà nàng thì chẳng bao giờ quên chàng được cả.

Ba cái Noël, của hạnh-phúc, của tương-lai và của tưởng-niệm, xen vào đó những năm dài của một tình hôn - phối ấm êm, say đắm.

Nàng đứng lên, dáng dấp bơ phờ, đã rượi. Dĩ-vãng kéo nhau đổ xô đến, dày xéo lên lòng nàng nhưng nàng không chống trả. Nàng hoàn toàn nhận lấy sự dẫm dầy kia vì, cùng lúc, nó như sưởi ấm lòng nàng với những hình-ảnh kỷ-niệm của ngày qua...

Trên tường, thanh gương dài của Robert treo kể bên một tấm thảm nhung, thanh gương chức-vị Đại-úy vệ-binh, mà, khi xưa, nó lừng lừng đánh vào đôi mắt chàng khi chàng đi, trông rất là hiên ngang. Đôi mắt chàng lẫn lộn đáng ngáy thơ và man dại, mũi chàng gầy vì bị chúng đánh bẻ hồi tuổi trẻ, cái mỉm cười của

chàng đầy nét dịu dàng, hiền-hậu. Chàng trông vừa sức lực vừa mạnh khảnh, giàu hảo-tâm và dân dị, làm sao nàng có thể quên cho được ?

Giờ đây, gương mặt thuần-phác, trung-hậu và dáng dấp cứng nhắc của chàng, như hiện ra trước mắt nàng trong đêm Noël này. Sylvaine cảm thấy nơi lòng hiện lên một nỗi xót xa bối rối. Nó như hồi - hận trong niềm tự thẹn. Hai người đã yêu nhau, đúng vậy, nhưng nàng đã không thể nào nói được với chồng nàng rằng cái tình của hai người là bắt đầu với một sự toan - tính thấp hèn. Robert chẳng hề biết được Sylvaine, cô gái giang hồ, trong lúc đầu, đã nuôi kế-hoạch căm-dổ chàng để có thể tránh thoát tù tội. Bởi vì, vào thời ấy, Sylvaine, mới 18 tuổi, và nàng lấy nghề múa hát ở Cầu - Mới để sanh sống qua ngày.

Tuyết rơi nhiều. Phải, hôm ấy — buổi chiều Noël 14 năm về trước ấy — trời rét như cắt da. Giữa đám đồng đảo người tụ tập ở Cầu - Mới, những kẻ thừa nhân du ngoạn ấy, người nào cũng mặc đồ ấm, dày cộm. Chốc chốc họ lại xoa

hai bàn tay vào nhau và thổi vào cho ấm. Họ vây theo mấy anh chàng bán thuốc rong lớn tiếng quảng cáo khoác lác hàng mình, và mấy tay đoán số nói dĩ vãng, vạch tương lai cho họ bằng cách nhìn vào lòng bàn tay của họ xoè ra, chỗ khác một anh chàng vừa kết thúc món trò ảo thuật với con bô-nong màu ngà-ngà xanh lục trên cánh tay, đang cao rao một món thuốc chắm vào răng nhổ ra không đau. Trên một cái bục dựng sơ sài, một cô gái trẻ đẹp đang uyển-chuyển tung mình trong một lối vũ. Khán giả rất đông, đứng chen chúc nhau trầm trồ, cổ võ nàng. Trong đám ấy có một số quân nhân, nét vui tươi hiện rõ trên mặt. Bọn họ lớn tiếng hơn hết, reo lên ca ngợi sắc đẹp của người vũ nữ: « Sylvaine tiên nữ ! Vạn tuế Sylvaine ! ». Sau khi hai gã cùng bọn với nàng, đứng ra giới thiệu nàng trình bày một vũ điệu. Những bước chân lả lướt, một vóc mình thon thon uốn theo trông rất uyển-chuyển, người vũ nữ đôi khi rời bục xen vào đám khán giả trong lúc vẫn tiếp tục múa, và lướt quanh nhóm quân nhân thích thú reo hò. Nơi một góc,

một quân nhân mặc đồ kỵ mã đứng sững sờ, cảm lặng nhìn nàng rặng cần mạnh lấy môi. Sylvaine thấy lại tất cả ! Những ngày đông dài năm 1921 ấy và con người mặc sắc phục ấy đã làm vẻ như không để ý đến nàng cùng những đồng bạn của trời biển mắt rất chóng, và giòng sông Seine đoạn sắc đen thẫm dưới cầu. Trên mấy đường phố nhỏ, đông đúc người xuôi ngược với những cây thông và đồ vật thực trên tay. Người ta chơi trống ở khắp các góc đường. Một cụ già lẩm cẩm dắt một con khỉ buộc ở đầu một giày xích sắt khua lên rộn rã, khiến lũ trẻ chạy bu theo ghẹo phá. Buổi trình diễn đã chấm dứt, nàng vũ nữ cúi chào. Đám khán giả tản đi để tụ tập vào những trò vui chơi khác. Sylvaine, người vũ nữ đẹp như một buổi bình minh, còn đang đứng băng khuâng nhìn tuyết rơi, chợt ngay trước mặt nàng, hiện đến người quân nhân lặng lẽ lúc vừa rời. Anh ta xoa xoa chiếc mũi gầy, và trang trọng nói với nàng :

— Tôi yêu cầu cô hãy theo tôi.

Người vũ nữ gật đầu.

ROBERT, Robert anh ơi, giá anh biết được điều em tính trong đầu, khi anh cặp lấy tay em rời Cầu-Mói. Em đã rõ anh là đại-úy vệ-binh và em nghĩ rằng anh đã biết tất cả. Trong khi em múa để quyến rũ lấy sự chú ý của đám khán giả, thì hai người đồng bọn với em thừa cơ móc túi họ. Lắm khi, trong lúc múa lướt trong đám đông, chính em đỡ nhẹ ví của họ. Chiều Noel ấy, em cho rằng anh định bắt em. Thế nên, em đã tính sẽ cầm dõ anh để rời, sau đó, anh để cho em lẩn thoát. Robert, em đã chẳng bao giờ dám thú ra điều ấy với anh, nhưng giữa hai ta, sự việc đã bắt đầu là thế ấy !

Nhưng lúc đi theo, nàng vũ-nữ không còn hiểu ra sao, khi viên đại-úy đưa nàng vào một khách sạn ở công-trường Dauphine. Anh ta đưa nàng đến ngồi vào một cái bàn đặt nơi một góc tường có nhiều bóng tối. Ở đầu kia gian phòng, có một miệng lửa vùi đốt bằng cả những khúc cây nguyên. Trên ngọn lửa, những cây xiên sắt to nặng đang nướng mấy thân gà tây ứng vàng hươm.

Viên đại-úy ngồi đầu mặt với

ả giang hồ. Ả giang hồ thấy sợ, nhưng có phần đỡ hơn lúc đầu. Họ nhìn nhau. Ả giang hồ không còn thấy cái ánh sáng lạ kỳ có vẻ hung tợn trong mắt của người sĩ quan nữa. Anh ta cười nhẹ nhàng. Ả giang hồ thầm nghĩ : chẳng khó khăn gì đâu, mình sẽ chuẩn được như bốn thời. Nhưng gã sĩ-quan không nói gì về chuyện ấy. Anh ta không nói gì về chuyện khán-giả bị móc túi, cũng chẳng nói gì về những gã, những ả móc túi người. Anh ta nói rằng đã bao nhiêu cái Noel rồi, trong khi người ta ăn lễ vui say bên gia đình, bên lửa ấm, bên cỗ bàn ê hề, anh ta thì luôn luôn chỉ một mình đi tuần trong những khu có tiếng bắt lương, như vậy đó, trên những vỉa hè buốt giá, trong gió lạnh, trong tuyết bay. Anh ta ngáp ngừng và nói giọng nho nhỏ, run run, cảm-động như gợi niềm tâm sự. Tự nhiên, ả giang hồ thấy gương ngệch như một cô gái trinh trắng phòng khuê, đáp lại với những lời chân thành, cảm thông và an ủi, những lời an ủi tự nhiên mà thoát ra khỏi môi nàng một cách chân thành mà nàng không kiểm soát được. Hai luồng mắt

gắn vào nhau, và ả giang hồ bắt đầu thấy lòng mình như lạc vào đôi mắt màu xám, đầy vẻ trang trọng của người sĩ quan. Ả không còn nhớ gì nữa hết, về những điều mưu tính lúc đầu là làm mê hoặc gã sĩ quan để lần thoát công lý. Tự nhiên, ả dậm ra rụt rè, e lệ, đưa mấy ngón tay qua lại trên mặt bàn, và nói rằng lúc ở Alsace, ả được mười lăm tuổi, vào đêm Chúa giáng-sinh này, người ta gắn một ngôi sao mạ vàng trên chót vót mấy cây Noel...

— Nếu cô muốn, tôi sẽ ra ngoài gõ lấy cho cô một ông sao trên trời nhé.

Viên đại-úy đã cười vui như một đứa trẻ con mà nói với ả như vậy. Thế rồi, họ vừa uống vừa trao gửi ánh mắt cho nhau cùng kể cho nhau nghe những kỷ niệm trong thời ấu thơ của họ. Như những quyển sách hình ! Người ta mở chúng ra, nhưng những trang diễn qua chóng hết quá. « Đời tôi là vậy đó, Gã quân nhân có dáng hơi thô cục và cô độc ấy kết thúc với một giọng nửa như lạnh lùng, nửa như buồn bã. Và ả giang hồ rất đẹp rất trẻ kia chăm dứt tâm tư của mình, cũng bằng câu

« đời tôi là vậy đó, như gã quân nhân. Nhưng tiếng nói yếu ớt nghẹn chìm trong nước mắt.

Và rồi Ai-tình đã đến với họ.

TRONG cảnh tranh tối tranh sáng ấm-áp của một khách-sạn, trong đêm Noel năm 1621 ấy, khi bên ngoài tuyết rải bông trên tóc, trên mình du-khách, cùng tiếng gõ nề ròn trong chiếc lò sưởi khổng-lồ, và nhà nhà đang nhộn-nhip sửa soạn cho cuộc lễ lớn nửa đêm, có hai kẻ sung sướng và bên lên nhìn nhau, đặt chân vào ngưỡng cửa Ai-tình. Đến khi, một thực-khách ngồi ở một bàn bên kia tường đứng lên với gương mặt đỏ gay vì rượu, hét to : « Nửa đêm ! Noel vui về ! » Sylvaine đưa bàn tay mở ra trên mặt bàn và viên đại-úy đưa tay mình ra. Nàng đặt bàn tay nàng vào lòng bàn tay chàng. Hai bàn tay nắm lại chặt vào nhau, trên hai gương mặt rạng rỡ một nét cười hạnh-phúc lẫn chút thẹn-thùng, ngượng-ngịu.

— Em không trở lại Cầu-Mới-vũ ? viên đại-úy nói.

— Không, em ở đây với anh. Sylvaine đáp.

— Em không trở lại nơi ấy nữa ?

— Không. Em muốn ở lại với anh.

— Bao lâu ?

— Mãi mãi.

Gương mặt Robert đượm vẻ trang trọng. Anh đẩy ghế ra sau và đứng lên. Nàng sát chặt vào chàng, đầu ngấn lên vì chàng cao hơn nàng. Họ như thành một người, bước ra khỏi khách sạn, đi vào trong đêm, cái đêm ấy, đêm 24 décembre.

MỘT tháng sau, họ cưới nhau.

Người đời thường nói « bạo phát bạo tàn », nhưng, đúng thì cũng có ngoại-lệ. Có những mối tình nhanh chóng đến nhưng không là những mối tình diên như người ta nghĩ, cũng biết già đi, đến tàn chung cuộc, lần lượt trong sự dịu dàng, sự kiên nhẫn, sự khôn ngoan, sự âu yếm để đi đến cái êm lặng vĩ đại tên gọi là hạnh phúc. Trong mười hai năm trời, Sylvaine và Robert đã sống không có chuyện gì.

Nhưng, viên đại-úy trong những ngày qua trước khi gặp Sylvaine, đã đi quá lâu

bên những gì là bạo-dộng, thế nên, trong một ngày đông năm 1633... để Sylvaine còn lại cô độc một mình trong gian phòng bốn mặt tường mắc thảm nhung, với những chiếc ghế không người ngồi. Nàng chìm lịm trong bể u-sầu dằng dặc, thăm-thê.

Và rồi, với những ngày, những đêm cô độc lần qua, Sylvaine thấy dâng dậy nơi lòng một hối hận không một phút buông tha nàng. Nàng tự hận đã chẳng có bày giải với Robert cái trò mưu toan giả trá mà nàng đã đóng lúc đầu buổi gặp gỡ. Vẫn biết rằng cái trò giả trá kia không sống quá một tiếng đồng hồ, nhưng nó như là một vết lấm, và điều ấy làm nàng khổ sở vô cùng, chắc chắn nó sẽ cắn rứt lương tâm nàng mãi cho đến ngày nào nàng gặp lại Robert bên kia thế giới mà thôi.

NOEL 1935. Nàng giờ đây đang đứng trước cửa sổ, và đây là đêm Noel thứ hai không có Robert. Tuyết còn ngập ngừng nhưng chẳng mấy chốc đổ đến nhiều. Nàng nghe có tiếng gõ cửa. Tưởng thần trí xao động nghe trong ảo giác, nàng đưa

hai tay lên bụng lấy đầu. Nhưng tiếng gõ lại tiếp. Đúng rằng có người bên ngoài cửa. Nàng đi đến cửa, mở ra.

Trước mặt nàng một người đàn ông hiện ra trong bộ y phục màu đen. Nàng nhận ra là Jérôme, người bạn đồng ngũ ngày xưa của chồng nàng. Jérôme cúi mình và đưa ra cho nàng một phong bì.

— Đây là một phong thư của đại úy. Đại úy đã bắt tôi hứa chỉ trao lại cho bà sau khi người chết được hai năm.

Nàng chưa kịp mở miệng nói lời cảm ơn thì anh ta đã cúi chào :

— Tôi làm bốn phận của tôi thôi. Tôi giữ lời tôi hứa.

Anh ta quay mình và đi rất mau gần như chạy trốn. Nàng cũng không kịp ngạc nhiên. Nhưng thực tế là có một vật gì nặng nặng đang nằm trong tay nàng. Một bức thư của chồng nàng. Nàng khép cửa lại, quay vào đi đến ghế, ngồi xuống. Buổi chiều đã trở nên lặng lẽ đến nỗi nàng nghe rõ mồn một tiếng đập mạnh của quả tim nàng. Có lẽ bức thư của một người chết đã mang cái im-

lặng của chính nó đến với nó.

Bao thư không có đề ngày tháng.

Em yêu dấu của anh,

Trước khi chết, anh phải nói với em. Em không được biết tất cả về anh. Anh muốn em rõ anh là kẻ ra sao ngày trước ấy và câu chuyện của chúng ta thật sự là thế nào. Anh ký thác bức thư này cho một người bạn trung thành. Nếu trong hai năm, em không tái giá, thì anh bạn ấy sẽ trao nó cho em vào ngày Noël. Em đừng kinh sợ. Điều anh sắp bày ra đây không có gì khốc liệt đâu và cũng không phải là anh nói trong những ngày qua anh không yêu em. Nhưng sự chết đến rất nhanh chóng và anh không có đủ thì giờ. Thế nên anh dùng giấy mực để lại mấy lời này, mà chúng sẽ giúp em có thể quên được anh.

Vào buổi gặp gỡ của chúng ta, chiều Noël 1621 ấy, nếu anh đã đưa em vào khách sạn đó, chính là để bắt em cung khai và giam giữ em, nhưng trước hết anh muốn dụ dỗ em, lợi dụng em, bởi vì sắc đẹp của em đã làm anh xao xuyến.

Sylvaine, em yêu của anh, vậy em hãy rõ ràng khi anh yêu cầu em theo anh, ấy không phải là vì

ình yêu, cũng không phải với lòng thanh khiết mà anh làm như vậy, cũng chẳng là do tinh-thần trách vụ. Anh đã có bằng cứ em là một cô gái giang hồ, một cô gái trộm cắp. Anh phải cho em vào khám, nhưng sắc đẹp của em đã mê hoặc anh và anh tính lợi dụng em một cách thô bỉ. Em Sylvaine, sự thật, bây giờ là vậy !

Anh đã không làm phận sự của mình. Anh đã không bắt em. Anh đã chẳng hề đá động đến mấy gã đồng bọn của em ở Cầu Mới, những kẻ tòng phạm của em. Anh đã không có can đảm để hỏi em vì đâu mà em đi làm nghề móc túi người. Khi anh nói với em và nhìn em, anh không cần nghĩ đến sự gât găm, lợi dụng cô gái giang hồ, cô gái trộm cắp nữa. Bởi vì, dáng dấp của em làm cho anh thấy em rất hiền lành và rất trung thực, chất phác, anh đâm ra yêu em say đắm, điên cuồng.

Anh đã chẳng hề có bày tỏ với em gì hết. Dù vậy, em phải biết mới được. Trong câu chuyện của lứa đôi chúng ta, anh đã đồng vào lúc khởi đầu, một vai tưởng để tiện. Anh không là cương trực, cũng chẳng phải thanh khiết đến như em đã tưởng thế đâu. Chính em là người đã biến đổi

cho anh đấy. Anh, lúc ấy là một tay quen nghề xê dựng grom, nhưng là một tay grom rất vụng đối với đàn bà, và kẻ ấy đã thừa dịp may đưa đến toàn tính chuyện nước đục thả câu, nhưng ái tình đã mạnh hơn sự giả trá của anh và, ngay khi anh được biết ra em thực giá thuần lương là vậy, mọi sự đều thay đổi !

Đấy. Giờ thì em đã có thể hiểu được những yên lặng và những ngập ngừng của anh lúc bấy giờ. Ấy bởi vì anh đã chơi gian lận. Không lâu. Nhưng anh phải uối ra cho em rõ điều ấy hầu em giữ trong ký ức em một hình ảnh toàn vẹn về anh, cái hình ảnh không phải tô điểm cho tốt thêm, cũng chẳng là bôi quết cho xấu ra, mà là cái hình ảnh thật của anh. Đó là kẻ đàn ông mà em đã yêu, và anh đã yêu em với trọn tấm lòng. Anh cầu chúc em được vui trong những ngày còn lại của đời em.

ROBERT

Một nụ cười nở rất nhẹ trên môi Sylvaine. Lần thứ nhất từ ngày chồng nàng chết đi, Sylvaine mới có nụ cười. Nàng ấp lá thư vào ngực.

« Robert, Robert, anh cũng vậy, anh cũng đã dối trá lúc khởi

đầu. Với cái mũi gầy, đôi mắt xám, đôi bàn tay kịch còm, những cử-chỉ vụng về, anh cũng đã đóng một vai trò. Nhưng hai ta đều mắc vào bẫy của chính mình giăng ra ».

Họ đã ngồi, kẻ này đối mặt kẻ kia, như để chiến đấu nhau. Nhưng một cái gì mạnh mẽ hơn đã chụp lấy họng họ và tim họ.

Họ là những kẻ không thuân-lương gì. Nhưng họ sanh ra để được sống cho cái gì cao đẹp hơn, thế nên, nhờ vào cái đêm Noel ấy cùng cái đức chân-thật của họ tìm thấy lại, họ đã sum họp cùng nhau.

Bên ngoài, tuyết vương vãi trắng trên thành phố. Trên Cầu-Mới, từng cặp, từng cặp, nhẩy với nhau vui vẻ, say mê, trong



*** KHI HẾT THƯƠNG NHAU**

Tôi viết cho anh bởi vì tôi không có việc gì để làm, và tôi chấm dứt bởi vì tôi không có câu gì để nói.

(Je vous écris parce que je ne sais que faire, et je termine parce que je ne sais que dire).

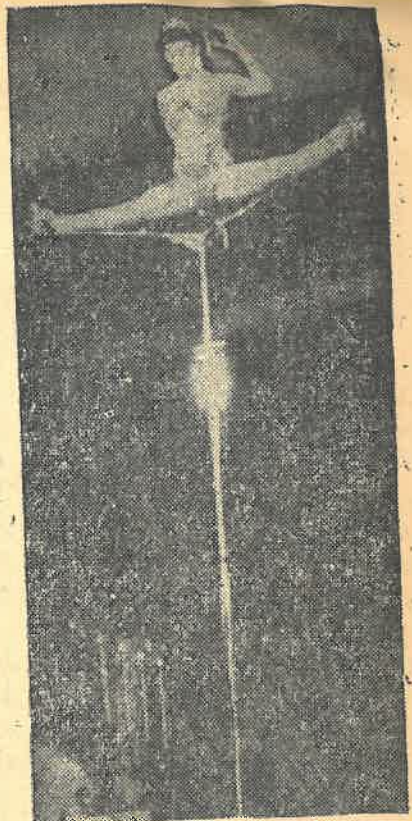
Thư của Bà DE MAUGIRON gửi cho chồng.

muôn ngàn bông tuyết rơi rơi. Tiếng ca hát, tiếng xe lăn, tiếng trống nhịp vũ từ bên dưới vọng lên đến tai Sylvaine thành một âm thanh xố-bồ rộn-rã. Nàng buông thõng hai tay xuống theo mình. Một ánh sáng đèn từ ngôi nhà đầu mặt, làm mặt nàng đượm lấy sắc hồng. Nàng nhớ đến Robert và cái Noel đầu tiên của hai người. Nàng mở đôi mắt ra. Đôi mắt giờ không khóc.

Nàng nghĩ rằng không có cái Noel đầu tiên hay cái Noel cuối cùng gì hết : Đó chỉ là cái đêm dài mệnh mông của màu sắc xanh lơ và êm ả để ôm chứa ái-tình, luôn luôn, mãi mãi, từ muôn kiếp đến vạn đời ! ...

TỪ-TRÁM-LÊ

CUỘC ĐỜI CÁC NHÀ TỶ PHÚ TRÊN THẾ GIỚI



EM ANH

AMAR

với những

ĐOÀN XIỆC LỚN

NHẤT THẾ GIỚI

* TRỌNG-TÁU

VÀO năm 1909, trong một đại-hội từ-thiện ở Ba-Lê, lần đầu tiên, gánh xiếc của anh em Amar ra mắt bà con mộ-điền.

Thủa đó, ký giả Henry Thétard đã viết về họ như sau :

« Chúng tôi (Thétard và Pezon) đi tới trước một rạp chỉ rộng độ 15 thước, không có gì lộng lẫy cho lắm nhưng rất sạch.

Ngay trước cửa rạp, có độ nửa tá khí đang nhẵn mặt... khi, một con gấu kéo lê sợi giây xích sắt ở chân. Một người da rám nắng, tóc soán tít, đầu đội chiếc mũ tròn như trái dưa, đứng quảng cáo ầm ĩ theo kiểu « mại-dô » :

— Bà con Ba-Lê, mại vô, mại vô ! Mời bà con vào coi những tay điều - khiến thú dữ, trẻ nhất

của thời đại.

Thật quả vậy, nhìn theo tay lão ta đang chỉ, bạn sẽ thấy 4 đũa bé con miệng còn hôi sữa, nhưng rất trịnh trọng trong những bộ quần áo sặc sỡ.

Chúng tôi đi vào phía sau để xem các thú vật. Gia tài của gánh xiếc này có tất cả 1 con sư tử đực, 2 con cái, 1 con gấu và 3 con linh cẩu. Chỉ có thể thôi, những toàn bộ thú vật đều thuộc giống tốt cả!

Mấy người con của Amar, được ông già giới thiệu như trên là: cậu con cả, Amar 21 tuổi, Mustapha, 12 tuổi, Ali, 9 tuổi, Cheriff, 8 tuổi. Ông thân sinh ra họ là một người xứ Algérie tên Ahmed ben Amar. Ông tới Ba-Lê biểu diễn với một đoàn vũ nữ Ouled-Nail; kịp tới khi trò múa múa hết ập khách Ahmed lấy con gái nhà điều khiển thú dữ Bon-nefouv, và sau đó ông thành lập một gánh xiếc nhỏ cho mình. Khi các con ông đã khá lớn, ông bắt đầu cho các cậu tập: « sống trong lồng thú dữ ».

Người cầm vận mạng đoàn hát xiếc, thực ra chính là bà vợ của ông. Bà Ahmed là một phụ nữ tầm thường, nhưng đầy nghị lực.

Chính tay bà chỉ huy mọi công việc của đoàn xiếc. Bà làm việc rất khổ cực. Mỗi buổi sáng bà giặt dũ áo quần, sửa soạn cơm nước cho toàn thể nhân viên trong gánh. Khi tới giờ trình diễn, chính bà đã tự tay đứng ra thu tiền vào cửa. Bà mua bán các thú vật, ngay cả sau khi màn giờ trình diễn, bà Ahmed, vẫn còn, chiếc đèn dầu cầm tay, đi kiểm soát lại một loạt các chuồng thú dữ, săn sóc từng giấc ngủ của các cậu con v.v...

Bà Ahmed dạy dỗ cho con biết rằng chúng phải luôn luôn hòa thuận và đoàn-kết chặt chẽ với nhau. Riêng phần người cha, thì ông có bốn phận dạy cho các cậu nghệ-thuật điều khiển thú dữ. Amar, Mustapha, Ali, Chériff không biết viết. Các cậu chỉ biết đánh vần vồn vẹn có mấy chữ lớn viết trên những tấm bảng quảng cáo. Mặc dầu vậy, các cậu không bao giờ bị tính tự ti mặc cảm ám ảnh. Khán giả nhìn các cậu với cặp mắt thèm muốn và thán phục. Ngược lại chính các cậu cũng biết cách khiến cho mình chiếm được cảm tình của người xem. Thỉnh thoảng cũng có đôi khi, trong lúc tập luyện, các cậu bị

thú dữ cào xé rách áo quần hoặc bị thương. Nhưng họ luôn luôn canh chừng cho nhau và săn sóc nhau với một tình huynh đệ vô cùng cao quý.

Henri Thétard kể câu chuyện rui ro đã xảy đến cho anh em họ vì con sư tử tên d'Artagnan:

« Con sư tử d'Artagnan có một thói xấu rất đáng ghét. Ngay khi còn nhỏ, tại Laval, nó đã ăn thịt một người bị lọt vào trong lồng. Năm 1910, tại Saint-Denis nó đã cào rách mặt tài-tử Cooper là người thay thế người con cả ông Ahmed trong khi anh này vắng mặt. Năm sau, tại Ý, nó soi luôn cả một cánh tay của người làm công trong gánh xiếc, vì anh này thò tay vào nhặt một vật trong lồng của nó. Sau hết, đã có lần nó chồm lên người của Amar tính làm thịt. Anh phải rút lui và bỏ lại chiếc ủng, dưới móng vuốt của con thú dữ. Biết rằng đây là con vật bất trị, mọi người đành phải đồng ý lên án tử hình nó. Con d'Artagnan bị bắn chết vào năm 1912 ».

Gia đình này chung sống rất êm đẹp với nhau trong nghề và lần lần khuếch trương gánh xiếc. Khi trận giặc 1914 xảy ra, họ

phải tạm ngưng hoạt động mất 5 năm. Tới năm 1919, khi đại-hội ở Montmartre khai mạc thì ông Ahmed không còn đó nữa. Bà Amar vẫn lại ngồi kết thu tiền. Đám anh em này đã trưởng thành. Với 3 con sư tử nhỏ, 2 con linh cẩu của họ từ găm 1923, họ lại tái lập gánh xiếc. Họ có thêm chừng 30 con thú khác nữa. Năm 1924, họ bỏ lối biểu diễn trong rạp, mua một cái lều khá lớn để đi công diễn đó đây. Công cuộc di chuyển của họ thật là vô cùng nhanh chóng. Cây lều vải vĩ đại, chỉ có một cột chính (cũng vĩ đại) chống đỡ, do 4 người lao công tháo ra ráp vào như chớp nhoáng. Có nhiều khi vì vấn đề cạnh tranh với các gánh đối lập họ cần phải sắp đặt sao cho đúng thời đúng chỗ. Đúng thời nghĩa là tìm các dịp hội chợ, chợ phiên v.v...; đúng chỗ nghĩa là chiếm được địa điểm tốt trước khi đoàn đối lập tới dựng bầy. Đối thủ đáng ngại nhất của anh em Amar là anh em Bouglione, gốc gác dân Ý. Đám anh em Bouglione có những tay cổ văn chuyên môn rất cừ khôi. Họ cũng là các tay tỷ-phú hát xiếc không khác anh em Amar. Năm 1927, họ đã

giới thiệu với khán giả Ba-Lê một Buffalo Bill bằng xương bằng thịt hẳn hoi. Thật ra, đó chỉ là một trò bịp. Họ đã đưa đại úy Cody ra để giới thiệu một cách sống sượng rằng đó là Buffalo. Nhờ vậy mà họ thu lượm được cả đến hai triệu bạc trong buổi trình diễn.

Cuộc cạnh tranh giữa 2 đoàn xiếc tiếp diễn cho đến năm 1913. Trong năm này, 2 đoàn đã dựng song song với nhau ở đường Richard.Lenoir để thách ai nẩy quảng cáo câu khách. Thật là cả một cuộc chiến tranh khá hào hứng. Họ dùng đủ mọi phương tiện để cạnh tranh với nhau. Nào phèng loa, nào ống loa, bảng quảng cáo, qua lại, đối chọi nhau, vi va vi vút. Có lắm khi ngoài phố, nếu các đoàn quảng cáo chạm trán nhau, họ có thể đi đến chỗ hỗn chiến đổ máu. Nhưng, sau này họ tìm cách ký hòa ước với nhau để khai thác cho yên thân hơn. Mặc dầu vậy, họ vẫn cứ hăm hè nhau bất cứ ở đâu, nếu họ cùng gặp gỡ tại 1 địa điểm. Cuộc tranh hùng ghê gớm nhất đã xảy ra tại Đức.

Nói về Mustapha, từ khi chàng

chơi trò trình diễn nguy hiểm là dút đầu vào miệng sư tử và bị nó tặng mấy dấu răng trên mặt, thì chàng rút lui và nhường chỗ cho người khác để chỉ chuyên lo trị sự gánh xiếc. Vì phải tiếp xúc trên giấy tờ với nhà cầm quyền, nên Mustapha đã tập đọc và tập viết.

Một hôm, bà Amar mở cuộc hội đồng gia tộc. Lúc đó bà đã ngoài sáu mươi nên có ý nhường « ngòi » cho con trai là Mustapha. Bà ra lệnh cho các con :

— Cần phải vâng lời anh cả ; phải hòa thuận trong gia đình, vì đó là một yếu tố tạo nên sức mạnh của đoàn xiếc.

Lúc ấy, Mustapha được 32 tuổi. Hai người em là Ali và Chériff vui vẻ phục tùng anh Hai.

Ông chủ mới, Mustapha bắt đầu đem đoàn xiếc đi chu du thế giới. Qua các nước Algérie, Maroc, Tunisie, Egypte, Syrie, Turquie, Grèce, Balkans, chỉ trong có 18 tháng, họ đã vượt cả thảy 30.000 cây số ngàn để ra mắt khán giả tứ phương. Mỗi lần đi qua các nước họ lại có dịp mua thêm các thú dữ để củng cố cho đoàn họ ngày

↑ hêm thịnh vượng.

Sau một cuộc viễn du khá oanh liệt, anh em Amar tạm trở về dừng chân trên bờ sông Loire (Pháp). Họ thành lập các trại nuôi thú dữ để bảo vệ sức khoẻ cho chúng nhất là trong mùa đông giá rét.

Anh em Amar vẫn quây quần lấy nhau, nhưng mỗi người bắt đầu chỉ huy một gánh riêng biệt. Trước năm 1939, họ dùng nhân công người Tchèques để tháo ráp các lều vải cùng săn sóc thú vật. Những nhân công này thường dẻo dai, không biết mệt, sống điều độ, rất trung thành và lãnh rất ít lương. Nhưng từ 1945 trở đi, họ lại dùng các tù nhân Đức để phụ việc.

Tháng 6 năm 1940, họ đã bị quân đội Pháp giết chết nhiều thú. Giới quân sự lấy cớ rằng trong giai đoạn tàn cư, thú dữ

có thể gây nguy hại cho quần chúng.

Mustapha tuy không cấp sách đến trường, nhưng nhờ chăm chỉ tự trau dồi, ông đã có một căn bản học vấn khá vững chắc.

Có nhiều khi, quá mệt mỏi trong những cuộc tiệc tùng. Mustapha lại trở về với gia đình, dưới gốc cột lều vải để ôn lại tất cả những gì oanh liệt của một thời vừa qua, rồi lại nghĩ đến dần bước thăng trầm trong nghề nghiệp.

Với những kinh nghiệm sống, với một sức quật cường dẻo dai và bền bỉ, tình huynh đệ vô cùng chặt chẽ, sự thành công của anh em Amar đáng được ghi vào sổ vàng của nghệ thuật hát xiếc. Quả thật họ là « những tay điều khiển thú dữ trẻ trung nhất của thời đại ».

TRỌNG-TẤU



★ Danh ngôn : cưới vợ

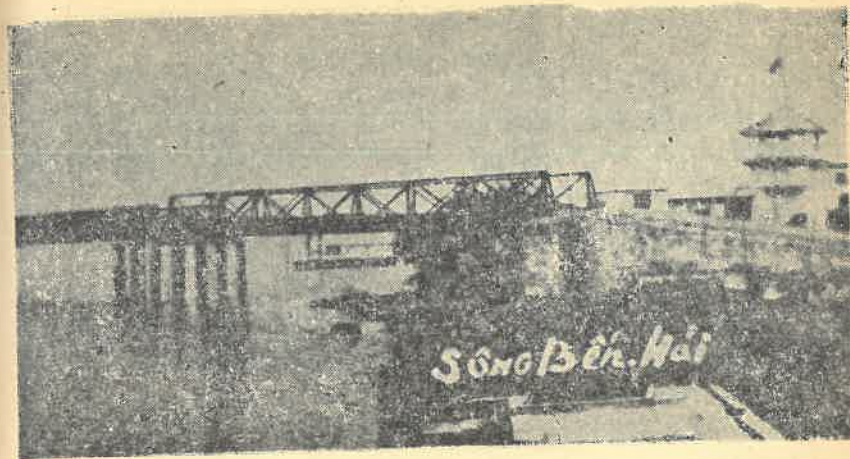
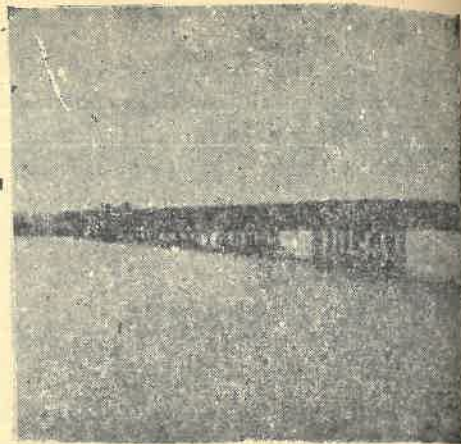
Lập gia-đình, tức là dịch bài thơ ái-tình ra thành văn xuôi
(Le ménage est la traduction en prose du poème de l'amour)

BOUGEART

(Văn-sĩ Pháp)

H Ậ N

B ẾN - H ẢI



Ngày
20-7-1954,
Việt Cộng
và Pháp ký
kết ở Ge-
nève, lấy

con sông Bến Hải, chia hai đất nước, tới nay đã sáu năm rồi.

Sáu năm xa quê nhà, người sầu xứ, khi nhìn về phương Bắc, cảm thấy lòng buồn tê lạnh!

Thực vậy, bốn mùa vẫn là xuân, hạ và thu, đông, nhứt là trong tháng 10 âm-lịch này khi mùa đông gió lạnh trở về, người viễn xứ lại càng nhớ nhà nhớ cửa, nhớ con đường và những lối cũ đã đi về những năm trước...

**Nguồn gốc và địa thế
« Bến Hải »**

★ NGUYỄN-QUANG

Là người đã sinh-trưởng ở đây trong hồi niên thiếu, chính tôi chưa bao giờ được nghe nói tỉnh Quảng - Trị có con sông « Bến Hải »!

Ngày nay, nửa tỉnh Quảng-Trị về phía Bắc là của Việt-Cộng và nửa tỉnh về phía Nam là của Việt-Nam Cộng-Hòa.

Theo sự hiểu biết của chúng tôi. Sở dĩ, có cái tên « Bến Hải », ngày nay, đã làm vang dội khắp giới năm châu bốn biển, là tại người Pháp đọc trọ hai chữ B ẾN H ẢI mà ra.

Nói cho đúng, tại đây chỉ có con sông HIỀN LƯƠNG, có phà HIỀN LƯƠNG và cầu

HIỀN LƯƠNG thông thương trên bộ dưới thuyền, vô Huế ra Quảng-Bình, nằm trên quốc lộ số 1 vào Nam và ra Bắc.

Theo nghĩa, *Bến* là bờ bến, bến nước, bến đò (phận gái 12 bến nước) Còn *Hải* là con sông nhỏ nhỏ hay gọi là cái rào, khác hẳn với kinh, khe, lạch ở miền Nam do người ta đào ra.

Bến Hải đã bị người Pháp đọc và viết thành ra « *Bến Hai* » rồi trại ra nữa thành « *Bến Hải* » người Việt sửa lại « *Bến Hải* », là một cái bến thiên tạo (lagune) cũng như các địa danh khác ở nước ta đều đã « bị » người Pháp phiên âm một cách « động

trời » đó vậy.

Thí dụ: Đà-nẵng, cửa Hàn phiên âm thành ra *Tourane*. Phố Hội ra *Faifoo*, Cờ Chiêm-Thành ra *Cochinchine*, v.v...

Vĩ tuyến 17 và « Bến Hải » nằm song song với nhau. Bến-Hải ở trong, vĩ tuyến 17 ở ngoài đều chạy qua miền Nam phủ Vĩnh-linh, tỉnh Quảng-Trị cách xa Cố-đô Huế chừng 90 cây số ngàn về phía Bắc.

Hướng Bắc giáp với phủ VĨNH-LINH là huyện LỆ-THỦY, tỉnh QUẢNG BÌNH, tục gọi HAI HUYỆN. Còn phía Nam là huyện GIO-LINH tỉnh QUẢNG TRỊ, nhưng bài biên

CỬA TÙNG của tỉnh Quảng Trị lại nằm bên kia Bến Hải.

Con đường quốc lộ số 9, từ ĐỒNG-HÀ đi SÀ-VĂN dài chừng 15 cây số, lại ở về phía Nam huyện CAM-LỘ, thuộc tỉnh Quảng Trị.

Huyện Cam-Lộ có nhiều tiêu, trà chè, mít, thơm, đầu hồi, cau trầu, mật ong và cà-phê, v. v. .

Còn huyện Gio-Linh là nơi có tiếng nhiều măng cây, măng cây là thứ măng giang của cây tre lồ-ô.

Và, Chợ Huyện lại có nhiều cu găm, cu găm ghi là thứ cu xanh mập lắm.

Muốn sập bầy thứ cu xanh này, người ta phải may mắt nó lại, để nó găm lên những tiếng hót lánh-lót và êm tai, giữa khoảng rừng hoang, cho các con-cu khác về đây bị sập bầy.

Thế nên, cu găm mà hầm với măng giang, là món ăn ngon nhất và có tiếng nhất tại miền này.

Qua khỏi phủ Vĩnh Linh là vùng Hai Huyện, tức huyện Phong Lộc và Phong Đăng, ngày trước, đã gom lại một, làm huyện LỆ THỦY ngày nay, là quê hương của Tổng Thống Ngô-đình-Diệm, ở làng ĐẠI PHONG.

Mà, chúng tôi cũng lại xin thưa bạn đọc rõ, huyện LỆ-THỦY cũng là quê hương của VÕ-NGUYỄN-GIÁP, làng AN XÁ, trùm Cộng sản miền Bắc.

*Đứng bên ni sông ngó bên tê sông,
mênh mông bát ngát,*

*Đứng bên tê sông ngó bên ni sông,
bát ngát mênh mông.*

*Thân em như chên lúa đồng-
đồng,*

*Phất phơ như ngọn nắng hồng
buổi mai!*

(PHONG-DAO)

Sau ngày Bến-Hải chia hai đất nước, chúng ta thử tìm lại những chỗ phân ranh ngày xưa.

Quốc gia Việt-Nam, kể từ Ái Nam-Quan tới mũi Cà-Mâu, đã có 4 ngàn năm văn hiến, đất giàu dân mạnh, trai tài và gái giỏi, lòng coi Á-Đông.

Nhưng, ngày nay, Bến Hải đã chia hai đất nước, người Nam người Bắc đã thành ra người xa lạ, và còn vương vấn thêm mối hận thù, là do Việt-Cộng gây ra cả!

Bởi vậy, chúng ta thử tìm hiểu, ngày trước; quê hương yêu quý đã bị mấy lần phân ranh?

Năm 1069, theo *Khâm Định Việt Sử*, vua LÝ-THÁNH-

TÔNG, sau khi đại thắng quân Chiêm mấy lần, vua CHẾ-CỦ đã phải nhường lại cho nhà vua 3 châu: ĐỊA-LÝ, MA-LINH và BỔ-CHÁNH.

Châu ĐỊA-LÝ tức là phủ Quảng ninh, quê hương của võ tướng HOÀNG-KẾ-VIỆM — làng Văn La, phủ Quảng-ninh, tỉnh QUẢNG BÌNH.

Còn MA LINH, nay là huyện Minh - linh đổi làm phủ VĨNH LINH, thuộc tỉnh Quảng trị, có con sông HIỀN - LƯƠNG và huyện Gio-linh, đều có Bến Hói... Bến Hoi.. Bến Hải.

Và, BỔ-CHÁNH tức huyện Minh Chánh, Bình Chánh đều trở thành huyện BỔ-TRẠCH ở tỉnh Quảng Bình, là nơi có nhiều thổ sản như: vôi sò, lụa là, thảo dùi, bột hoành tinh, sắn, khoai, bắp đậu, dưa hấu và thuốc lá v.v. .

Tại huyện BỔ-trạch, ngày nay, có làng Lý - Hòa có họ Nguyễn-Duy làm quan to và học giỏi.

Về sau, Minh Chánh và Bình Chánh đều đổi ra huyện TUYẾN HÓA, là nơi vua HÀM-NGHI đã xuống *hịch Cấn Vương* kháng Pháp. Và, tại đây, tướng PHAN ĐÌNH - PHÙNG đã chém đầu TRƯƠNG-QUANG - NGỌC,

đề tế cờ khởi nghĩa...

Năm 1075, vua LÝ-NHÂN-TÔNG sai LÝ - THƯỜNG-KIỆT họa đồ 3 châu Địa lý, Ma linh và Bồ Chánh, rồi đổi châu Địa-ly làm châu Lâm Bình, châu Ma linh làm châu Minh-linh.

Năm 1306, vua TRẦN-ANH-TÔNG gả em gái của Ngài là Công Chúa HUYỀN - TRẦN cho vua CHẾ MÂN, để lấy hai CHÂU Ô và CHÂU LY..

Năm 1307, vua Trần lại đổi Châu Ô thành Châu-Thuận và Châu Ly làm Châu-Hóa và sai Hành khiển Đoàn-nhữ-Hải đi chiêu dụ nhân dân.

Châu Thuận là huyện Đăng-Xương và Hải-lăng đều thuộc tỉnh QUẢNG TRỊ. Và các huyện Phong Điền, Hương-trà thì về tỉnh THỪA THIÊN (Huế).

Châu Hóa là các huyện Phú-Lộc, Phú Vang cũng đều thuộc về tỉnh Thừa-Thiên cả.

Còn huyện Diên Phước và Hòa Vang lại thuộc về tỉnh Quảng Nam và Đăng Xương đã trở thành phủ TRIỆU - PHONG ngày nay.

Như thế, qua các tài liệu kê

trên, từ năm 1307 tới năm 1960, tên các châu, các phủ và huyện đều bị thay đổi luôn luôn, từ danh từ tới địa giới.

Các tỉnh ở miền Nam nước Việt-Nam ngày nay cũng đều đổi tên như thế : Thủ Dầu Một là Bình Dương, Bến Tre là Kiến-Hòa, v.v..

Năm 1558, tháng 10, Mậu Ngọ, Chúa NGUYỄN HOÀNG từ Tây Đô ở Thanh Hóa vào Thuận Hóa, rồi di đô về làng Trà Bát, thuộc huyện Đăng-Xương.

Năm ấy, Chúa Nguyễn trấn nhậm 2 xứ là THUẬN HÓA và QUẢNG NAM, nghĩa là từ Đèo Ngang tới Sa Bồi và Châu Sa thuộc tỉnh QUẢNG NGÃI.

Năm 1600, Canh Tý, chúa Nguyễn lại dời kinh đô, một lần nữa, tới phía Đông Dinh Ái Tử, gọi là Cát-Doanh.

Năm 1626, tháng 3 Bính Dần, chúa NGUYỄN-PHÚC-NGUYỄN dời Dinh tới xã Phước-Yên thuộc huyện Quảng Điền, lấy đất Nam-Bổ-Chánh đặt ra Dinh Bổ-Chánh, căn cứ sông LINH - GIANG tức là SÔNG GIANH, để làm ranh giới, chia hai đất nước. Và, Đ Ặ N G

TRONG (miền Nam) ĐẶNG NGOÀI, (miền Bắc) là bắt đầu từ đó vậy.

Chúa Trịnh ở miền Bắc đem quân vào đánh Chúa Nguyễn ở miền Nam, làm tan nát quê hương, đã gây nên cảnh nổi da xáo thịt, rất đau lòng, sông núi còn mãi hận thù muôn thuở !

Hận Bến Hải...

Chỉ muốn giang-sơn về một mối, ngày xưa, người dân Việt thuần túy quốc gia đã cấm hờn sông Gianh bao nhiêu.

Thì ngày nay, toàn dân Việt Nam, từ mũi Cà-Mau tới Ải Nam Quan, đã thét lên những nỗi hận Bến Hải bấy nhiêu !

— Năm 1945, tại Hội nghị Đà-lạt, học giả Hoàng-xuân-Hân đã phải khóc to lên, khi Pháp cắt đứt Nam kỳ ra khỏi Việt-Nam.

— Và, Bác - sĩ Trần-văn-Đỗ đã căm tức, ra nước mắt, khi được tin Việt-Cộng và Pháp chia hai nước V.N yêu quý tại Hội nghị Genève !

Qua những nỗi thăng trầm và những trang sử hưng vong của đất nước, SÔNG GIANH của

Trịnh-Nguyễn và BẾN-HẢI của Việt-Cộng — Pháp đã làm cho toàn dân V.N. se lòng khi nhìn tới quê hương bị chia ly !

Còn mãi nhớ lại, ngày 20-7-1954, Phạm-văn-Đồng, đại-diện Cộng-sản miền Bắc Hà-nội, đã mặc nhiên, không kê công lao của toàn dân kháng chiến, ký với Mendès France tại Genève, một bản văn kiện, chia hai đất nước.

Đứng trước sự đau thương ấy, khi giang sơn gấm vóc của Tiên nhân đã mất nhiều máu xương để lại, bị chia đôi, người ta còn nhớ kỹ trong ngày Hội-nghị, Phạm-văn-Đồng đòi lấy vĩ-tuyến 16 làm ranh giới. Còn Pháp đòi lấy vĩ tuyến 18 ; nhưng rồi Việt-Cộng lại chịu vĩ tuyến 17.

Bến-Hải ơi, đừng chia xẻ núi sông !

Đành rằng, tỉnh Quảng-trị không có con sông Bến-Hải như đã nói ở đoạn trên, thì Bến Hải đừng

đề sông núi nhà Nam thêm oán hờn, cho người Nam Bắc thành ra người xa lạ, tuy rằng cùng chung con Lạc cháu Hồng !

Bến Hải ơi, Bến Hải thôi đừng ngăn cách đôi nơi nữa, để cho người sầu xứ, khi nhìn lại phương Bắc, thêm chạnh nhớ nhà nhớ cửa, nhớ ngôi mồ phần mả cha mẹ, anh chị em đã bị bụi bờ cỏ hoang làm mất, khó tìm lại được như xưa.

Bởi vậy cho nên, 6 năm biệt qua lớp bụi của thời gian, 6 năm đều vắng lạnh trời đi... đã làm cho cha con, chồng vợ, anh chị em và thân bằng quyến thuộc — người Nam kẻ Bắc — đang sầu lên vời-vợi.

Thôi đi Bến Hải ơi ! Bến Hải đừng ngăn cách đôi nơi làm chi, không bờ không bến, không ranh giới nữa, để cho Nam — Bắc một nhà, cho tình đồng bào xiết chặt, cho muôn dân no ấm trong cảnh thái-bình và thanh vượng...



* DANH NGÔN : Cưới vợ.

Trước khi lấy vợ, hãy mở mắt ra. Lấy vợ rồi, nhắm mắt lại.

FRANKLIN (Bác-học Mỹ)



(Tiếp theo P. T. số 48)

★ NGUYỄN-VỸ

VIẾT đến Đặng-thái-Mai tôi muốn viết tiếp về nhóm “Đệ-tam” của anh này, nhưng suy nghĩ lại thấy có điều không tiện, nên xin nói sơ lược, gọi là cho đầy đủ quyền sở các nhà văn nhà báo thời Tiên-chiến mà thôi. Nhóm này chia làm hai “équipes”: một chuyên viết Pháp-văn trong hai

ơ-quan của họ: *Le Travail*, và *En avant*, một phụ-trách hai tờ báo Việt-ngữ: *Thời-thế* và *Tân-tiến*.

Le Travail, do TRỊNH-VĂN-PHÚ và NGUYỄN-VĂN-TIẾN chủ-trương, có tính cách ôn-hòa với sự tham-gia của một số trí-thức có tư-tưởng xã-hội, nhưng không phải là Cộng-sản, như BÙI-NGỌC-ÁI. Những

cây bút chủ chốt của báo *Le Travail* chính là người của đảng Cộng-sản Đông-Dương: **VÕ-NGUYỄN-GIÁP** và **ĐẶNG-THÁI-MAI**, ký dưới nhiều bút hiệu khác nhau, chứ không bao giờ ký tên thật. *En Avant* là cơ-quan chiến đấu, hoàn toàn do đảng Cộng-sản điều-khiển.

Những anh viết Pháp văn không được, như **TRẦN-HUY-LIÊU** (Nho học), **ĐẶNG-XUÂN-KHU**, **ĐÀO DUY KỲ** v.v... thì phụ-trách hai tờ báo Việt ngữ kể trên. Tất cả báo này đều ra hằng tuần, hoặc mỗi tuần hai kỳ. Cộng-sản ở Hà-nội lúc bấy giờ không có báo hằng ngày, và đảng-viên của họ cũng không len-lỏi vào các báo khác. Họ hoạt động riêng trong báo của họ mà thôi.

Tôi muốn ghi lại nơi đây một câu-truyện nhỏ mọn đã làm sôi nổi dư-luận báo-giới Hà-thành năm 1936, — kể cả các bác Cộng-sản và không Cộng-sản.

Mùa hè năm ấy, **MAURICE HONEL**, một nghị-sĩ của đảng Cộng-sản Pháp, sang Việt-nam để “điều tra về tình hình chính-trị”. Ông được các đồng-chí của ông ở Hà-nội đón tiếp nồng-nhiệt. Đó là lẽ dĩ-nhiên. Người trẻ tuổi, lanh-

lợi, nói năn hoạt bát, diễn thuyết hùng-hồn, Honel tiếp xúc với các nhà Văn nhà Báo tại trụ-sở báo *Tân-Tiến* của Cộng-sản, góc đường Henri d’Orléans và Hàng-Vải-thâm. Để gây cảm-tình, ông không ngọt ca-ngợi dân-tộc Việt-nam, một dân tộc thông-minh, lương thiện, v. v...

Nhân lúc bấy giờ hạt Đập-Cầu ở tỉnh Bắc-Ninh bị lụt lớn, Honel tuyên bố với các báo là ngày hôm sau ông sẽ đi Đập-Cầu để viếng thăm đồng bào ta bị lụt và sẽ tặng họ một ngàn đồng bạc và mười bao gạo. 6 giờ sáng hôm sau, Honel khởi hành từ Hà-nội đi Đập-Cầu, có **ĐẶNG-XUÂN-KHU** đi theo để làm thông-ngôn.

Tại Đập-Cầu, Honel tiếp xúc thân mật với các gia-đình bị nạn, hầu hết là anh chị em lao động-Bông dựng trên đường về, viên nghị-sĩ Cộng-sản hoảng-hốt kêu mất chiếc bóp trong túi quần. Ông lại nhất-định nghĩ rằng kẻ bắt-lương đã lấy cắp cái bóp của ông không phải ai xa lạ mà chắc là ở trong đám người lao-động rách rưới, nghèo khổ mà ông đã niêm nữ ủy-lạo trên bờ đê sông Đập-Cầu, lúc chín mười giờ sáng. Ông cho biết rằng trong bóp có một tập ngân phiếu của Đông-dương ngân

hàng và một số giấy tờ quan trọng. Honel tỏ vẻ hết sức bất bình và có nói đôi lời phê-phán chạm đến danh-dự chung của dân tộc Việt Nam. Anh em ký giả Cộng-sản, nhất là ĐẶNG-XUÂN-KHU và VÕ-NGUYỄN-GIÁP rất áy-náy, lo ngại về vụ này và nói rằng có lẽ kẻ cắp là người của sở Mật-thám Pháp cho đi theo rồi, chen lẫn trong đám người bị nạn lụt, và tìm cơ-hội rút lên chiếc bóp ở túi quần sau của viên nghị-sĩ Cộng-sản Pháp để lấy cắp các giấy tờ bí-mật. Honel lại không tin như thế! Còn anh em nhà Báo và nhà Văn không cộng sản thì rất khó chịu về mấy lời phê-bình của Maurice Honel bêu xấu Dân-tộc Việt-nam, và trong một cuộc hội-họp báo chí sau khi Honel ở Đập Cầu về Hà-nội, chúng tôi nhiệt-liệt phản-đối những câu nói của nghị-sĩ Cộng-sản Pháp.

Sau đó, Honel trở về Paris, nhưng câu chuyện mất bóp của ông vẫn còn là một bí-mật hoàn toàn, mặc dầu có cuộc điều-tra gắt gao của mấy nhà Báo Cộng-sản, và của nhà chức-trách thuộc địa.

Lâu lắm, vụ mất bóp kia hãy còn để lại trong báo giới Hà-thành một dư âm nặng nề.

Tôi xin nói thêm rằng năm

1940, sau khi chiến tranh bùng nổ, Staline ký Hiệp-ước thân-thiện với Hitler, và đảng Cộng-sản Pháp tuân theo lệnh của Moscou, hoan-hô hiệp-ước Nga-Đức và ca-tụng Hitler, thì có một số nghị-sĩ Cộng-sản Pháp tuyên-bố ly-khai đảng. Trong số "đồng chí" bất mãn này, có tên của Maurice Honel.

Tôi muốn chép một ký-ức khác không kém phần lý-thú, là vụ anh TRẦN-HUY-LIỆU, bị đảng bắt buộc phải từ bỏ người yêu của anh là chị Thu-Tâm.

Thu - Tâm, người không đẹp, gầy ốm, là một cô đỡ có bằng-cấp Nữ - Hộ - sinh của trường Cao-Đẳng Y-Khoa Hà-nội. Trước đó chị có một nhà Hộ-sinh ở Sài-gon, đường Pellerin. Hồi Trần-Huy-Liệu viết báo và hoạt động chính trị ở Sài-gon, chị Thu - Tâm là người giúp đỡ anh rất nhiều. Lúc Liêu bị tù ở Khâm-lớn, chính Thu-Tâm lo-lắng cho anh, đến thăm-lom và đem các thứ ăn uống cho anh. Chị săn-sóc Trần-huy-Liệu, hy-sinh cho Trần-huy-Liệu như một người vợ chính-thức, đảm đàng, và tận-tụy.

Mãn tù, Trần-huy-Liệu về Hà-nội. Anh làm chủ - bút tờ báo Cộng sản *Tân - Tiến*, và là một

can - bộ cao - cấp của đảng. Chị Thu-Tâm cũng bán nhà Hộ-sinh ở Sài-gon, dọn về ở Hà - nội, để được gần anh Liêu.

Nhưng không hiểu vì lý-do gì, năm 1937, đảng bắt buộc Trần-huy-Liệu phải từ bỏ Thu - Tâm. Một buổi sáng chủ - nhật, có một phiên nhóm sôi-nổi của các đảng-viên cao cấp trên lầu tòa báo *Tân-Tiến*, mà Đặng-xuân-Khu chủ tọa.

Trần-huy-Liệu, nhiệt-liệt bào-chữa cho tình - yêu vô tội của anh và Thu-Tâm, nhưng rốt cuộc bị các đồng-chí của anh chỉ-trích và lên án, anh đành phải tuân lệnh. Anh gục đầu xuống bàn khóc nước-nở.

Lúc bảy giờ Trần-huy-Liệu ở trọ một mình trên một gác phố Hàng Cót. Sáng hôm sau, tình cờ anh gặp tôi ngoài đường, rủ tôi đến nhà anh chơi. Anh đóng cửa phòng, buồn-bã kể lại tôi nghe đầu-duôi câu chuyện, rồi trao tôi một quyền sổ con. Anh rung-rung nước mắt, bảo :

— Đây là tập thơ của tôi chép lại đủ hết các bài thơ của tôi xướng họa với Thu-Tâm, những bài tôi đã làm tặng nàng, và những bài nàng làm trao tôi, từ lúc Thu-Tâm và tôi bắt đầu quen nhau rồi yêu nhau cho đến bây giờ.

— Anh đưa tôi quyền này để chi ?

— Để anh xem chơi cho vui, rồi anh cứ giữ lấy, đừng trả lại tôi.

— Sao thế ?

— Giữa Thu-Tâm và tôi, một kỷ-niệm nhỏ mọn cũng không thể còn được nữa.

Tôi lật xem qua-loa đôi bài. Tôi mỉm cười :

— Anh là Cộng-sản mà anh cũng làm thơ lãng - mạn thế này cơ ?

— Paul Vaillant-Couturier, một lãnh-tụ Cộng-sản Pháp, chủ nhật nào cũng mang cần câu ra ngồi câu trên bờ sông Seine và làm thơ lãng-mạn đó thì sao ?

Tôi lắc đầu, cười :

— Thơ của Vaillant-Couturier không có lãng-mạn như thơ của anh. Một thi-sĩ Nga-xô chính-cống, là Maiakovski, làm thơ lãng mạn chút ít rồi phải uống thuốc độc tự-tử, anh không biết à ?

Hôm sau, tôi gặp Đặng-xuân-Khu tại nhà báo *Tân-Tiến*. Tôi thân-nhiên hỏi :

— Sao các anh bắt buộc anh Trần-huy-Liệu phải từ - bỏ chị Thu-Tâm ? Theo tôi, các anh quyết-định như thế, tàn nhẫn quá!

Khu cười, vỗ vai tôi :

— Toa thi-sĩ, toa không hiểu vụ ấy đâu. Đừng hỏi.

Thu-Tâm phải từ-giã Hà-nội, về quê ở Thái - Bình. Tôi có chép đề cát riêng mấy bài thơ mà tôi cho là hay nhất của chị và của anh Liệu, rồi tôi gửi cho Thu Tâm quyền carnet của anh đề chị cất làm kỷ-niệm.

Sau đó, tôi được tin Thu Tâm buồn rầu bị bệnh ho rồi chết. Tôi thương xót quá, chạy đi báo tin cho Trần - huy - Liệu biết. Liệu cố giữ nét mặt điềm-tĩnh, im lặng, không thốt một lời. Nhưng thấy tôi khóc, rồi anh cũng khóc...

Ồ ! ước gì tôi chép lại được tất cả những ký-ức trong đời sống văn-nghệ, nhiều chuyện rất buồn, nhiều chuyện rất vui, trong những buổi tiếp-xúc rất tự-do giữa mấy anh kia và chúng tôi, cuộc sống chung-chạ lý-thú ở một

khía cạnh nào, và ở những khía cạnh khác thì phận ai lo phận nấy!

Viết trên sách, báo, người nào cũng có quan điểm riêng của mình, ngồi nói chuyện với nhau thì cãi lộn ầm-ì, thuyết này chọi nhau đơm đóp với thuyết kia, đập bàn đập ghế, trợn mắt phùng mang, câu chuyện có khi kéo dài hàng hai ba tiếng đồng hồ. Đến khi chấm dứt cuộc đấu khẩu hùng hồn, không ai chịu thua ai, nhưng đũa nào cũng thấy đói bụng, đều đồng ý gọi gánh phở làm mỗi đũa một tô... Ăn no nê, móc túi trả xu, nhìn nhau cười ha hả !

Rồi, ra về, «anh đi đường anh, tôi đi đường tôi» sau khi vẫn thân, mền bắt tay nhau tạm biệt trong mưa phùn, gió bắc, giữa đêm đông.

Ôi Hà-nội ! Hà-nội tự do lãng - mạn của ngày nào ! Hà-nội duyên-dáng hiền-hòa, Hà-nội yêu quý của tôi ơi !...



★ DANH NGÔN : Gả con lấy chồng

Không gả chồng cho con gái; thì con gái tự lấy chồng.

« Quand on ne marie pas les filles elles se marient elles-mêmes »

VOLTAIRE

(Văn-sĩ và Triết-học gia Pháp)



★ THIÊN - HƯƠNG
(Châu-phú — An-giang)

Đêm đông

*Đêm đông lạnh lòng sâu tràn-ngập
Gió ngoài hiên từng chập nhớ thương ai
Thoảng run-run mấy điệu siết rên dài
Hoa lá chết nhẹ hồn bay theo gió
Chó biếng sủa nhà ai nghe tiếng mõ
Giục đưa mau khách trọ luyến trần-gian
Vầng rơi-rơi nước-nở mấy cung đàn
Như khóc-kề sương hoa tình cách-biệt
Nhìn thế-sự con ai buồn tha-thiết
Dệt thời-gian đều nhịp vông đưa mau
Lặng nằm nghe mái tóc chuyền phai màu.*



9.—ĐIỀU THUYỀN

★ NGUYỄN-TỬ-QUANG

ĐỒNG - TRÁT, NHÀ ĐỘC TÀI

NĂM 207, trước Tây lịch kỷ nguyên, Hạng Vũ thua quân Lưu Bang, chạy đến Ô-giang than thở với người yêu là Ngụ Cơ, vung kiếm ca đề oán trời:

« *Lực bạt sơn hề, khí cái thế,
Thời bất lợi hề, chung bất thế!* »

Một thi sĩ đã thoát dịch:

« *Than ôi! Vận trời khi đã tận,*

*Sức lay thành, nhờ núi có làm
chí!* »

Rồi ông giết ngựa quý, tự tử với người yêu.

Năm 206, trước Tây-lịch kỷ nguyên, Lưu Bang lên ngôi thiên tử, hân hoan trở về cố hương nơi đất Bái, tiệc rượu say sưa với họ hàng, làng xóm, cắt chén, ứng khẩu ca:



« *Đại phong khô hê, vân phi
đương.*

*Uy gia hải nội hề, quy cố
hương».*

(Gió lớn thổi chừ, mây bay
ngang.

Uy khắp trong nước chừ, trở về
làng).

Cái hận của kẻ anh hùng thất thế với cái vui của người áo vải thành công, hiện rõ trong những vần thơ ca tự nhiên ấy.

★

Lưu Bang lập nhà Hán.

Cơ nghiệp nhà Hán có hơn bốn trăm năm, chia làm hai thời kỳ:

— Tiên Hán (206 trước Tây lịch — 8 sau T. L) định đô tại Trường-an, về phía tây (tỉnh Thiểm-tây ngày nay) nên gọi là nhà Tây Hán.

— Hậu Hán (25 — 219) định

đô tại Lạc-dương, về phía đông (tỉnh Hà-nam ngày nay) nên cũng gọi là Đông Hán.

Nhà Hán truyền đến đời Huồn đế (147 sau tây lịch), vì yêu dùng lũ hoạn quan, ghét bỏ tôi trung trực nên vận nước suy dần. Sang đến đời Linh đế (168), bọn hoạn quan như Tào Tiết, Trương Nhượng v.v... phe phái nhau gọi là Thập thường thị, lại càng hống hách cầm quyền sinh sát trong tay, làm cho giềng mối triều đình rối loạn, kỷ-cương trong nước đổ nát, trộm cướp nổi dậy tứ tung. Đến đời Hiến-Đế (190) tuy họa hoạn quan giảm bớt nhưng nạn chuyên quyền của quần thần tiếm-vị lại phát sinh. Đồng-Trát cậy sức mạnh phế giết nhà vua, tàn sát sinh linh làm trăm họ cực kỳ thống khổ.

Đồng-Trát trước làm thứ sử đất Tây-lương. Khi dẹp giặc Hoàng-Cân bị thua nhiều trận, triều đình muốn làm tội, Đồng-Trát lo sợ đem của hối lộ cho bọn hoạn quan là Thập thường thị nên mới thoát khỏi. Hắn lại khéo léo kết giao với các nhà quyền quý, thường đem lễ vật làm nhân tình, do đó nên được thăng chức cao và được thống lãnh đại binh xứ Hiệp-tây hơn hai mươi vạn. Lòng tham không đáy, hắn thấy cần phải trèo lên

ngại vàng mới thứa chí nguyện nên lập tâm chờ đợi thời cơ cử đồ đại sự..

Nhân đi triều đình bị loạn Thập thu ông thị, hấn lấy cơ bảo giá kéo quân về triều. Hấn có một đứa con nuôi tên Lữ-Bổ, sức mạnh đánh ngàn người, nên hấn càng kêu ngạo, hống hách coi mạng người như cỏ rác. Các quan trong triều có ai

biều lộ sự phản nộ, chống đối thì lập tức sau một tiếng quát, một cái vẩy tay của hấn là đầu lia khỏi cổ.

Trước sự tàn bạo của hấn, lòng dân căm phẫn, tất cả 17 trấn chư hầu nổi lên quyết tiêu diệt hấn nhưng đều bị đứa con nuôi của hấn đánh bại.

Đại tướng, hấn càng kiêu căng. Và hấn càng thẳng tay giết chóc...

« Con ngồi lên cho cha lạy... »

QUAN Tư đồ Vương Doãn về tư dinh, nghĩ đến hành vi lộng quyền sát nhân của Đồng Trát, trong lòng xốn xang phiền muộn, ngồi đứng không an. Nhân đêm khuya trăng sáng, Vương Doãn chống gậy thơ thẩn ra vườn. Từng bước một, lão thỉnh thoảng ngửa mặt nhìn trời, sa nước mắt.

Bỗng ở phía Mẫu đơn đình có tiếng thở than, Vương Doãn lấy làm lạ lần bước đến lên nghe. Thì ra tiếng than đó là tiếng của Điều

Thuyền.

Nguyên Điều Thuyền được tuyển vào trong dinh từ thuở nhỏ để học hát, múa. Nàng đã được mười sáu tuổi, nghề hay, sắc đẹp, Vương - Doãn thương như con ruột. Đêm khuya dưới bóng trăng, thấy nàng thơ thẩn lại sầu tư than thở, Vương - Doãn lấy làm tức giận hỏi :

— Thế mi có tư tình với ai chăng ?

Điều-Thuyền thưa :

— Con đâu dám.

— Vậy tại sao đêm khuya canh

vắng như thế này, mi lại còn ra đây than thở ?

Điều Thuyền thưa :

— Con nhờ cha nuôi dưỡng từ tấm bé, dù cho thịt nát xương tan, con cũng đền bồi chưa đủ, lẽ nào con đành làm bại hoại gia phong để phải tui nhục cho cha. Vì mấy hôm rày, con thấy cha vẻ mặt luôn luôn tư lự, thế tất trong nước có điều đại sự nhưng con không dám hỏi thăm. Đêm nay, con thấy cha buồn rầu thái quá đến nỗi ngồi đứng không yên, con rất lấy làm khổ tâm nên lên thở than, không dè cha bắt gặp. Vậy con xin cha nếu có việc gì phải dùng đến con được thì con nguyện dù thác cũng chẳng từ.

Wương - Doãn nghe nói cả mừng, nói :

— Cha dè đầu sự nghiệp cơ đồ còn ở trong tay con trẻ !

Wương - Doãn lại bảo Điều-Thuyền theo lão lên nhà trên. Lão truyền cho bọn gia đình đi ngủ cả rồi mới bảo Điều-Thuyền :

— Con ngồi lên cho cha lạy rồi cha sẽ nói chuyện cho con nghe !

Điều Thuyền kinh hãi quỳ xuống, thưa :

— Lòng con đã nhất quyết, nếu cha còn lo ngại mà phải buông

những lời như thế thì con rất đắc tội với cha !

Wương Doãn buồn rầu bảo :

— Đồng - Trát hiện nay dọc ngang tàn bạo, thêm có thằng rề tên Lý-Nhu bày mưu hại chúng và có thằng con nuôi tên Lữ-Bổ kiêu dũng khác thường làm cho trên thì triều đình khốn khổ như trúng bị đá dẫn, dưới thì bá tánh khốn nàn như mắc dây treo ngược. Đồng-Trát lại lòng toan soán vị mà các quan đều thúc thủ vô mưu, riêng cha cũng thế. Nhưng cha chỉ thấy có một điều này, nói ra rất ngại, không biết con có bằng lòng không ?

Điều-thuyền sa nước mắt :

— Cha không tin lòng con sao ?

Wương Doãn ngậm ngùi nói :

— Cha tin lòng của con, nhưng ngại con không thực hành được. Nguyên cha con thằng Đồng Trát là phường hiếu sắc, bây giờ cha muốn dùng liên huân kế, trước đem con hứa tiếng gả cho Lữ-Bổ rồi sau lại hiến cho Đồng Trát. Con ở giữa tùy cơ ứng biến làm cho cha con nó trở lại giết hại nhau. Nếu làm được như vậy là con liều thân giúp nước, công nghiệp vô cùng to lớn.

Điều-Thuyền cúi đầu sa nước mắt, nghẹn ngào : — Con xin vâng lời cha. Cha cứ tin tưởng nơi con !

Một lần hương sắc
quyện Bướm Ong

HỒ M sau, Vương Doãn đem hai hộp minh châu, bảo thợ khéo khảm một cái mào vàng tuyệt đẹp rồi sai người đem tặng cho Lữ Bố. Lữ Bố mừng rỡ liền qua dinh tạ ơn.

Vương Doãn rước Lữ Bố vào nhà, thỉnh lên ngồi trên. Lữ Bố không dám. Vương Doãn nói :

— Ngày nay, cả trong thiên hạ chỉ có tướng quân mới phải đáng mặt anh hùng. Lão kính tài tướng quân chớ không phải kính chức phận.

Nghe nói, Lữ Bố vui lòng đẹp ý lắm.

Vương Doãn lại truyền cho gia đình dọn rượu thịt ra ăn uống, khuyên mời Lữ Bố rất ân cần. Trong tiệc, Vương Doãn không ngớt lời ca tụng oai thế cha, tài lực con, làm cho Lữ Bố càng hứng chí, uống rượu thật nhiều.

Độ một lúc, Vương Doãn truyền cho quân hầu lui ra nghỉ, chỉ để vài thị nữ ở lại châm rượu. Thấy Lữ Bố hơi men đã thắm, Vương Doãn truyền cho thị nữ phò Điều-Thuyền ra.

Vừa thấy Điều-Thuyền, Lữ Bố ngỡ là tiên nữ hạ phàm, nhìn không chớp mắt. Vương Doãn tươi cười giới thiệu :

— Con gái lão là Điều-Thuyền. Nay lão với tướng quân cũng như tình nghĩa một nhà nên cho nó ra chào mừng tướng quân và thay mặt lão mà bồi rượu, kéo lão già yếu e có điều sơ xuất.

Lữ Bố đưa mắt liếc Điều-Thuyền. Điều-Thuyền cũng liếc lại mà tống tình.

Vương Doãn giả say.

Lữ Bố mời Điều-Thuyền ngồi. Điều-Thuyền tỏ vẻ e lệ ngần ngại như muốn quay trở vào. Vương Doãn vui vẻ bảo :

— Tướng quân đây vốn người

thiết nghĩa với cha, con cứ ngồi, không phải ngại.

Điều-Thuyền vâng lời ngồi bên cạnh Vương Doãn.

Vương Doãn nói với Lữ Bố :

— Lão muốn đưa con gái lão sang làm tiểu thiếp cho tướng quân, chẳng biết tướng quân có bằng lòng không ?

Lữ Bố mừng rỡ, đứng dậy cung tay tạ rằng :

— Thượng quan hảo tâm đường ấy, tiểu tử cảm tạ chẳng cùng.

Vương Doãn nói :

— Vậy nay mai, lão chọn được giờ tốt thì sẽ cho người đưa né sang dinh tướng quân.

Lữ Bố hớn hờ chấp tay tạ ơn rồi rút rời từ giả về, thần trí vẫn mơ mơ màng màng đến con người đẹp.

★

Ngày sau, Vương Doãn ở trong triều, thừa lúc vắng Lữ Bố, thì quỳ xuống nói với Đổng Trát :

— Doãn muốn thỉnh thái sư qua tể xá chơi một lúc, không biết ngài vui lòng nhận lời chăng ?

Đổng Trát nói :

— Tư đồ mời thì ta sẵn sàng

đi.

Qua hôm sau, đầu giờ Ngọ, Đổng Trát đi với một trăm giáp sĩ xe giá đến nhà Vương Doãn.

Vương Doãn mặt triều phục ra rước. Đổng Trát ngồi trên xe, Vương Doãn lạy mừng hai lạy. Đổng Trát bước xuống xe, quân sĩ giàng hầu hai bên. Đổng Trát lên ngồi ghế giữa. Vương Doãn lạy mừng một lần nữa. Đổng Trát dạy thị vệ đỡ Vương Doãn lên bảo ngồi một bên. Vương Doãn thưa :

— Thái sư là cảnh vàng lá ngọc, phúc lộc song toàn, không nhường Y-Doãn, Châu-công đời trước.

Đổng Trát lấy làm đặc ý.

Vương Doãn lại truyền bày tiệc rượu.

Trời gần tối, rượu cũng vừa ngà ngà say, Vương Doãn mời Đổng Trát ra nhà sau. Đèn đốt sáng choang. Đổng-Trát dạy quân hầu đi nghỉ. Vương Doãn bưng ly rượu đến trước Đổng Trát làm lễ mừng :

— Tôi có học chút thiên văn biết chắc vận số Hán triều đã hết, bốn phương thiên hạ đều nghe tiếng thái sư. Căn cứ vào ý trời và lòng dân chắc không bao lâu, thiên

tử cũng nhượng vị cho thái sư chứ chẳng không.

Đồng Trát lấy làm khoái trá, nâng ly rượu, cười khà khà :

— Ta đâu dám trông chuyện ấy, nếu gặp hoặc thời vận có đến cho ta, thì ta hứa với Tư-đồ là sẽ phong cho Tư-đồ làm Cống mạng đại thần.

Vương Doãn tỏ vẻ mừng rỡ vâng vâng dạ dạ, lại truyền cho nữ nhạc đàn ca múa hát cho Đồng Trát xem.

Rèm châu vừa cuốn lên thì có bốn người thị nữ phò Điêu-Thuyền ra ngoài.

Giọng hát của Điêu-Thuyền thanh tao, điệu múa lại uyển chuyển, Đồng-Trát nhìn đắm đuối, say mê tưởng như mình lạc vào cung Quảng hàn, được thấy Hằng Nga tha thướt trong điệu Nghệ thường. Đồng-Trát tặc lưỡi hỏi Vương-Doãn về Điêu-Thuyền. Vương-Doãn giới thiệu đó là con nuôi. Đồng-Trát lại hỏi tuổi. Điêu-Thuyền thưa :

- Tiện thiếp tuổi vừa đôi tám.
- Đồng-Trát tấm tắc khen nức nở :
- Trông qua, ta ngỡ là tiên.
- Vương Doãn đứng dậy thưa :
- Ý tôi muốn dựng nó cho

thái sư, không biết thái sư có bằng lòng chẳng ?

Đồng-Trát gật gù, khoan khoái :

— Tư-đồ hậu tình thương ta, thật ta không biết chi tạ đáp cho xứng.

Vương Doãn nói :

— Con tôi được hầu gần thái-sư là có phần phước lắm. Tôi còn mong ước gì nữa.

Tiệc rượu xong, Đồng-Trát kiếu về. Vương Doãn liền bảo quân thẳng xe đưa Điêu-Thuyền theo về tướng phủ.



Bấy giờ vừa lúc canh một. Sau khi đưa Điêu-Thuyền về tướng phủ của Đồng-Trát, Vương Doãn quày ngựa trở về, vừa đến giữa đường, bỗng gặp Lữ-Bố cầm kích cưỡi ngựa đi đến, quân hầu trước sau đều cầm đèn sáng choang. Lữ-Bố gò cương lại, tay nắm lấy tràng áo của Vương-Doãn, hỏi :

— Ngài bày trò chi lắm vậy ! Tại sao ngài đã hứa gả con cho tôi mà lại còn đem cho thái sư ?

Vương Doãn đáp :

— Tướng quân chớ nóng nảy, xin mời về nhà một thè rồi lão

sẽ tường trình cho tướng quân nghe.

Đến nhà, Vương Doãn hỏi :

— Tướng quân có gì trách lão ?

Lữ-Bố nói :

— Người ta cho biết là ngài cho xe đưa Điêu-Thuyền qua tướng phủ.

Vương Doãn tỏ vẻ ngạc nhiên :

— Thế tướng quân không hay sự chi sao ? Nguyên hôm nọ, thái sư ở triều đường có nói với lão là sẽ đến viếng nhà lão. Do đó, lão phải sửa soạn tiếp rước. Trong khi tiệc rượu, người dạy lão rằng : « Ta nghe người có một đứa con gái là Điêu-Thuyền đã hứa gả cho con ta, sợ người nói không chắc nên ta phải đến đây mà cầu. Vậy

người bảo nó ra cho ta xem ». Lúc ấy lão không dám nghịch mạng, lập tức đem nó ra mừng cha chồng. Người lại bảo lão rằng : « Nay cũng nhằm ngày tốt, vậy đề ta rước nó về phối hợp cùng Lữ-Bố ». Lệnh của thái sư, lão đâu dám cãi, xin tướng quân nghĩ lại mà coi.

Lữ-Bố suy nghĩ một lúc rồi nói :

— Tại tôi nghe lầm, xin ngài miễn chấp.

Vương Doãn nói :

— Đồ tư trang của con lão đem theo chưa hết, khi nào đưa nó về dinh tướng quân rồi, thì lão sẽ sai người đem qua cho nó.

Lữ-Bố tin thực, lòng mừng khắp khởi, đợi chờ..

(Ký sau hết)



★ 50 %

Thi-sĩ Apollinaire và nhà chiến-sĩ xã-hội Léon Blum ngồi ăn trong một tiệm ăn danh tiếng ở Quartier Latin. Thi-sĩ báo :

— Anh xem, trên đời không có gì bổ khỏe bằng một bữa ăn ngon. Người ta có thể nói rằng tại bọn nấu bếp dở cho nên 50% nhân-loại mới phải đi đến Bác-sĩ.

Léon Blum trả lời :

— Chú mày nói đúng. Và cũng có thể nói rằng tại bọn nấu bếp ngon cho nên 50% khác cũng phải đi đến Bác-sĩ.

B. T.



LƯỢC KHẢO VỀ NGÔN - NGỮ và VĂN - TỰ CHÀM

★ JAYA PA-NRANG

(Tiếp theo P. T. số 48)

3) Người Chăm theo chế-độ mẫu-hệ, nam vi ngoại, nữ vi nội, đàn bà làm gốc công việc trong gia-đình, còn việc xã-hội thì giao phó cho đàn ông. Các thiếu-nữ lớn lên độ 16, 17 tuổi, trước khi lấy chồng, cha mẹ cho phép con gái của mình được tiếp chuyện với các cậu thanh-niên trai-trẻ ở tại nhà, đó là cái dịp để cho cha mẹ các cô thiếu-nữ kén chọn chàng rể tương-lai cưới về cho con. Đến tuổi trưởng - thành, các chàng thanh-niên thường tụ tập lủ năm, lủ ba, đêm đêm kéo nhau vào các nhà thiếu-nữ trò chuyện ái ân để tìm hiểu nhau mà gầy duyên kết nghĩa chồng vợ. Các cô cũng thế, cũng hội bạn gái lại, hoặc đề quay chỉ kéo tơ, hoặc xay lúa giã gạo,

để có cơ-hội tiếp đón các cậu thanh-niên.

Theo tục-lệ, các cô lúc nào cũng tỏ ra thanh-lich, sẵn-sàng tiếp đãi các cậu: bưng khay trà cau, hộp thuốc lá, bình nước trà hoặc đĩa bánh trái đãi bên trai. Song, bên cạnh các món thiết đãi ấy luôn luôn có vài quyển sách hay ít ra cũng một quyển *A-ri-ya pa-tô a-dat* kèm theo.

Nếu người Việt có câu ca-dao :
« Sáng trăng trải chiếu hai hàng,
« Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ ».

thì người Chăm, trước khi các nàng mời các chàng dùng miếng trà, thuốc, chén nước hoặc bánh trái, các nàng lại tìm cách khôn-khéo khơi chuyện để nhờ các chàng đọc qua vài đoạn thơ

hay vài đoạn truyện đã sẵn tại đó. Đọc xong, các chàng lại phải giảng-giải, bình-luận. Có lúc các cô còn giở quyển truyện phong-thần *De-va mu-nô* để xem quẻ tốt xấu, họ dựa vào nhân-vật trong truyện để nhờ đoán coi vận-mệnh của mình. Cái đó mới là cái khó cho các cậu thanh-niên, nếu rủi anh nào còn non dạ, chưa thông thạo sách vở, thì rất khó lòng mà đoạt được quả tim vàng của phái « đẹp » !

Ta thấy đó là cái lối sát hạch khéo mà các bậc bô-lão đã bày ra.

Còn lúc các cô xay lúa giã gạo, thì hai chàng trai gái bày ra câu đố, câu hát đối-đáp v.v... Nhiều khi hai bên có cảm tình với nhau qua các giọng thơ êm - dịu, lời giảng giải thông suốt, sự bình-luận sắc bén hay lối hát hò nhịp-nhàng khúc chiết mà có thể đi đến chỗ tình chồng nghĩa vợ một cách keo sơn êm ấm ! Ngoài ra ta thấy họ tổ-chức được như thế nó còn gây được cái hào-hứng vui nhộn, — tuy đơn sơ mà thanh-tao, mộc-mạc mà ý-nghị — làm cho quên lấp những giờ phút làm việc nhọc-nhân canh khuya gà gáy.

IV. — Tình - trạng ngôn-ngữ và văn - tự Chăm hiện tại.

Từ khoảng năm 1945-1946 về đây, nghĩa là từ lúc thời cuộc biến chuyển, có lẽ vì chịu ảnh-hưởng chung của sự biến chuyển đó, nên chữ Chăm và tiếng Chăm từ độ cao đã đi xuống, nhiều người Chăm coi như xao-lãng đối với nền văn-học cổ-truyền. Chỉ có thành-phần các vị lão-thành, các vị có bôn phận đứng hành lễ và một số trí-thức thì còn cố gắng duy-trì, còn thiết-tha ham-mộ văn-học của giống nòi. Còn một số khác, nhất là giới thanh-niên tuổi trẻ, tiếng mẹ đẻ còn biết dùng đến, chứ đối với chữ mẹ đẻ thì có phần lạnh nhạt ! Có lẽ, vì sự-nghiệp, vì kế sinh nhai, cần tạo cho đời sống chén cơm, manh áo, nên họ chỉ chú-trọng trau dồi Việt-ngữ hay ngoại-ngữ mà thôi. Phải chăng ! vì học chữ Chăm chỉ cốt cho biết qua lễ-nghi phong tục của dân-tộc, nó chỉ là một khía cạnh nhỏ hẹp trong đời sống đầy cạnh tranh này !

Nếu tình trạng ấy cứ kéo dài mãi, một ngày kia, có lẽ không xa lắm, văn-tự và ngôn-ngữ Chăm sẽ phải trở về với hư không, với tro bụi, trở về với nguyên vị tiền-bổ đã sáng tạo ra nó ? !

Đây không phải là mối lo âu

riêng cho kẻ viết bài này mà là chung cho tất cả các chà nhân-chủng-học và ngôn-ngữ-học thế-giới.

Để chứng minh điều đó, tờ tạp chí «Informations UNESCO» số 210, ra ngày 12. 11. 1956, ông Georges Fradier, nhà nhân-chủng-học, có viết bài : *Les Ethnologues appellent au secours*. (Các nhà Nhân-chủng-học cầu cứu) và đề tiếp sức với tác-giả G. Fradier, ông Nghiêm-Thâm, một nhà nhân-chủng-học Việt-nam, hiện giữ chức Chánh-sự-vụ Viện Khảo-cổ Saigon, đã viết bài với nhan đề : *Nhân-chủng-học một vấn-đề văn-hóa quan-trọng*, đăng trong Văn-hóa Nguyệt-san số 48, tháng 1 và 2 năm 1960, trang 15—32. Nội dung bài ấy cũng có tính cách cầu cứu và bày tỏ sự ích lợi của Khoa Nhân-chủng-học.

Tại trang 24, tác giả Nghiêm-Thâm có dịch một đoạn trong bài của Ông G. Fradier. đăng trong *Informations UNESCO* nói trên như sau : « Nhưng nếu than khóc về những sự tàn hại đã qua là vô ích thì ta nên nhận định về những sự tàn-phá trong lúc này. Hiện nay có những bộ-lạc đang bị tiêu diệt, những ngôn-ngữ đã mất đi

những tôn-giáo rồi đây bị chôn vùi trong sự quên lãng. Và trong nhiều trường hợp, những bộ lạc đó và những nền văn-minh của họ không ai biết đến... »

Trang 31, tác-giả Nghiêm-Thâm viết tiếp : « Ta phải ghi chép ngay những phong-tục tập-quán của các giống người trên lãnh-thổ Việt Nam. Các bạn đọc giả, như các vị giáo-chức, các vị linh-mục, hay mục-sư, các vị đại-diện chính quyền ở địa-phương được tiếp xúc luôn luôn với các giống người Thượng (nên hiểu thêm có cả giống người Chàm trong đó) có thể ghi chép những nhận xét của các bạn và làm những bài khảo-cứu nho nhỏ về các bộ-lạc mà các bạn đã có may mắn được tiếp xúc với họ trong lâu ngày. Ta nên nhớ rằng hiện nay những tài-liệu có giá-trị về nhân-chủng-học tại Việt-Nam là do các người Pháp hồi trước ở trong các ngạch hành-chánh và vị linh-mục viết. Tại sao ta lại không thể tiếp tục công việc sưu-tầm tài-liệu đó được, các bạn sẽ là những cộng-sự-viên quý-giá của Viện Khảo-cổ và các bạn có thể tự-hào là đã giúp ích cho nhân-chủng-học và đã góp công xây-dựng lịch-sử văn-

minh Việt-Nam nói riêng và lịch-sử nhân-loại nói chung ».

V. — Kết-luận

Hẳn ai cũng công nhận, hiện tại văn-hóa Chàm là một bộ-môn nằm trong khuôn khổ văn-hóa Việt-Nam, vì hai nền văn-hóa đó đã chịu ảnh-hưởng mật-thiết với nhau từ ngàn năm và trên nhiều phương-diện. Ngoài sự chung đụng thực-tế hằng ngày, các nhà khảo-cứu đã nhiều lần đề-cập trên sách vở, báo chí về vấn-đề này.

Gần đây, nhà văn Thái-văn-Kiểm, Phó Giám-đốc Nha Văn-hóa và là Chủ - bút Văn-hóa Nguyệt-san đã có lần diễn-thuyết tại Saigon ngày 6-3-1958 nói về « Ảnh-hưởng và di-tích Chiêm-thành (Chàm) trong nền văn-hóa Việt-Nam », có lẽ nhiều vị ở đô-thành hãy còn nhớ. Cũng đề tài đó, Ông Thái-văn-Kiểm dưới bút hiệu Tân-Việt-Điều có gửi đăng trên Văn-hóa Nguyệt-san số 29, tháng 3 và 4 năm 1958, trang 139-146 và trang 1952-160.

Tại phần mở đầu (ở đoạn thứ hai), tác-giả viết : « Tuy ngày nay nước Chiêm-thành không còn nữa, văn-hóa Chiêm-thành vẫn

còn và sẽ còn lưu lại mãi mãi trên non sông nước Việt..., những ảnh hưởng văn-hóa mà trải qua bao nhiêu thế kỷ, chúng ta đã chịu, hoặc thừa hưởng của dân-tộc Chiêm-thành. Ấy cũng là một cách tôn kính đề nhắc nhở đến công ơn của người xưa, không phân biệt chủng-tộc, dù Chàm hay Việt, vì đường nào người Việt người Chàm ngày nay cũng đã bắt tay nhau cùng chung sinh sống dưới trời Nam... »

Thật thế! Văn-hóa Chàm còn hay mất, ngôn - ngữ và văn - tự Chàm có tồn-tại hay biến-hóa đi, đều do ở thiện-chí của các vị học-giả, sử - gia, nhà văn, nhà khảo-cứu, đặc-biệt lưu tâm đề ý nghiên-cứu sâu rộng và chu - đáo, mới mong khai - thác thêm văn - hóa Chàm, hầu trước là đề duy - trì bảo - tồn và mở - mang một ngày một rộng ra, có như thế nền văn-hóa ấy, ngôn-ngữ ấy và văn-tự ấy mới khỏi bị mai-một oan-uông và sau đề bồi đắp vào văn-hóa Việt-Nam mỗi ngày mỗi phong-phú và vững - chắc thêm, thiết tưởng không phải là vô-ích. Được như thế, nhất định nhân-loại sẽ biết ơn quý vị, đồng thời lịch-sử cũng sẽ ghi một nét son đậm cái công-lao quý-hóa của quý vị.

thuyền neo
BÊN CỬ

★ HOÀNG THĂNG



Trước khi đứng dậy ra về, Sinh còn nắm chặt tay người yêu

dẫn dò thêm :

— Em cứ tin ở anh. Chỉ trong vòng một tháng anh sẽ giải quyết xong mọi việc. Đúng vào ngày lễ Noel anh sẽ đem tin mừng tới cho em cùng đón em đi Đà Lạt để hưởng tuần trăng mật cùng anh. Sau đó, em sẽ là bà Sinh chánh thức. Em bằng lòng chứ ?

Ra tới cửa, Sinh còn quay trở lại nói với người con gái đang đứng áp lưng vào cánh cửa :

— Kha cứ tin ở anh.

Mặt tươi tỉnh, người đàn bà gạt đầu đưa ngón tay trở lên môi

gửi theo một cái hôn gió. Sinh cũng gửi trả lại rồi nhanh nhẹn mở cửa xe lom-khom chui vào. Trước khi rời máy anh còn ngoái nhìn người đẹp của mình.

« Kha đẹp thật », anh lầm bầm trong miệng. Nàng có một sắc đẹp quyến rũ, đôi mắt đen láy nhìn ai như muốn thu hút cả tâm hồn người đó vào đôi hồ thu trong vắt. Nhất là chiếc miệng xinh xắn. Đôi môi hồng luôn luôn ướt như đề chờ dịp tặng người tình những chiếc hôn nồng cháy.

Nhìn làn gió thổi nhẹ, tung bay tà áo màu hồng làm nổi gọn tấm thân đầy nhựa sống, bộ ngực no tròn. Sinh ngây ngất như đang hấp ly rượu.

— Mình phải quyết định. Kha phải hoàn toàn là của ta.

Đơ tay vẫy người yêu, anh mở số, nhận ga, nhả côn cho máy chạy. Chiếc Chrysler mới tinh chồm lên rồi bon bon trên đường nhựa nhẵn. Xác lá xào xạc cuộn tròn dưới bốn bánh xe.

Tiếng máy kêu vo vo như nhắc nhở Sinh nghĩ tới người tình đẹp muôn thuở của mình. Là bạn học cũ với Thanh. — vợ anh, nàng hay đến thăm bạn, do đó anh đã quen biết nàng. Đã nhiều lần anh phải sững sờ trước sắc đẹp của nàng. Mỗi lần nàng liếc nhìn anh, anh nghe lòng mình xao xuyến bao nhiêu những ước mơ.

Do một sự tình cờ, một lần Kha đến chơi thăm Thanh thì Thanh lại đi vắng, chỉ có mình anh đang ngồi xem báo ở phòng khách. Nhìn người đẹp yêu diệu đi vào, trong óc Sinh nảy tư tưởng hắc ám. Anh muốn chiếm được Kha. Đưa chén nước mời khách, anh làm như vô tình chạm phải tay nàng. Thấy Kha mỉm cười nhìn mình, anh đã bạo dạn nắm tay nàng. Người con gái lặng yên để tay mình nằm gọn lỏn trong tay anh. Bàn tay nóng rần rật. Như một bài toán đã có đáp số, hai người đã dính vào nhau bằng một chiếc hôn tội lỗi.

Sinh có biết đâu, Kha cũng đã

đề ý đến anh từ lâu. Nàng đã say mê bộ mặt điển trai cùng tấm thân đồ sộ đầy sinh lực của anh ngay hôm nàng đến thăm vợ chồng anh lần đầu tiên. Kha đã bắt chắp cả tình bạn thiêng liêng, bất chấp cả hạnh phúc riêng của Thanh, nàng chỉ muốn Sinh thuộc nàng hoàn toàn nên đã nung nịu đòi anh phải dứt khoát với vợ, phải ly dị vợ để lấy nàng.

Mê mẩn trước sắc đẹp, trước những sự săn sóc đầy quyến rũ, Sinh đã nhất quyết lần này về nhà phải nói thẳng với vợ những điều dự định của anh.

Ngồi bên người yêu thì anh chỉ muốn về ngay nhà nói vào mặt Thanh là anh không còn yêu nàng nữa, anh đã chán ghét nàng rồi, nhưng giờ đây anh tự nhận thấy nói như thế ác quá, bất nhân quá. Sinh nghĩ liên miên. Phải tìm cách gây gổ, kiếm cớ để dễ bề nói chuyện với Thanh. Nhưng không, Thanh không hề phạm một lỗi nào cả. Nàng vẫn luôn luôn tươi tỉnh, dịu dàng săn sóc anh. Nàng vẫn là một người vợ hoàn toàn, một người nội trợ giỏi. Nàng chỉ « kém » Kha ở những nét không quyến rũ, ở chỗ không hay đi chơi riêu ngoài đường mỗi chiều thứ bảy, chủ nhật, không

tra những buổi tụ họp nói chuyện vãn vơ, mất thì giờ.

Chiếc xe vẫn phóng nhanh. Gió thổi rào rào bên hông xe tạt mạnh vào chỗ Sinh ngồi lái. Tưởng tượng như Kha đang hôn tới tấp lên mặt mình, Sinh nhắm vội mắt lại tận hưởng đôi phút mê... Bất ngờ, một tiếng rầm lớn vang lên. Chiếc xe lao mạnh vào gốc cây to, nằm bẹp rúm ró Sinh bị bắn ra ngoài, nằm chết lạng cách chiếc xe hàng mươi thước.

★

Chiều hôm đó, Thanh đang sốt ruột ngồi nghĩ tới chồng. Bữa cơm trưa đã ế ẩm, vì chồng không về. Thanh cũng đã biết chồng mình dan díu với bạn. Lần đầu nghe tin, nàng đã tưởng hạnh phúc của mình tan như mây khói. Nàng muốn băm vằm xác con người đã đang tâm phá hoại gia đình nàng. Nhưng dù sao Kha cũng là bạn ngày xưa đã từng chia ngọt sẻ bùi với mình. Thanh muốn nói hơn thiệt với bạn để mong bạn trở về con đường ngay, nhưng còn Sinh, liệu chàng có tỉnh mắt để rời bến mê không?

Giữa lúc đó, chợt có tiếng chuông điện thoại reo vang trong

phòng. Thanh giật mình vội vàng chạy lại cầm ống lên nghe. Một giọng nói đàn ông xa lạ vang lên bên kia đầu giây :

— A-lô, có phải nhà ông Sinh, đó không ?

Thanh vội vàng trả lời :

— Vâng, nhưng ông Sinh đi vắng. Ông có thể cho tôi biết ông là ai được không ?

— Tôi muốn nói chuyện với bà Sinh, tôi là Bác-sĩ giám-đốc bệnh viện đô-thành đây.

Thanh run rẩy hỏi lại :

— Thưa ông có chuyện chi đây ạ, chính tôi là vợ ông Sinh.

— Thưa bà, tôi xin cho bà hay ông Sinh bị tai nạn xe hơi.

Thanh rú lên :

— Nhà tôi bị nạn xe hơi ? Thưa bác sĩ nhà tôi có việc gì không ạ ?

— Rất tiếc tôi chưa thể trả lời ngay câu hỏi của bà được. Mời bà đến bệnh viện để thăm ông nhà. Thôi chào bà.

— Dạ xin thành thật cảm ơn bác sĩ.

Bỏ ống nói xuống, Thanh run rẩy đứng không vững. Khoác nhanh vào mình chiếc áo dài, nàng chạy bay ra đường kêu taxi chạy

thăng đến bệnh-viện.

Cô nữ y-tá dẫn nàng vào buồng Sinh, lúc này anh đã tỉnh. Thanh rợn người khi trông thấy Sinh khắp người bị băng bó trắng toát, đôi mắt lơ dờ mệt mỏi.

Nàng ôm chầm lấy anh mếu máo hỏi :

— Anh có việc gì không ? Em lo sợ quá khi được bác sĩ báo tin anh bị nạn.

Sinh mệt nhọc phều phào nói :

— May mà không chết em à !

★

Sáng hôm sau Thanh lại đến thăm chồng. Nàng ngồi chưa nóng chỗ thì Kha cũng tới. Nàng được bạn bè cho hay tin cũng vội đi mua cam mang đến thăm Sinh.

Kha nhìn thấy người yêu của mình vội gật đầu chào, còn Thanh, nàng muốn hét lên một tiếng thật to để sua đuổi con người không tốt ra khỏi buồng, nhưng tiếng hét như chỉ lờng lên trong cổ họng không thoát được ra ngoài. Nàng chỉ nhặt nhẹo gật đầu chào lại bạn.

Nhân lúc Thanh quay ra mở cửa sổ cho thêm sáng, Kha đã vội hất hàm hỏi Sinh. Hiểu ý, anh vội lắc đầu. Không, anh chưa

nói được ý-định của anh cho Thanh được rõ. Tai nạn đã bất ngờ xảy đến trước ý-định. Giờ đây anh lại không thể nói được vì sống trong sự đau đớn của xác thối, chính Thanh đã an ủi anh rất nhiều. Nếu cần phải nói, hay đợi khi anh khỏi hẳn đã...

Bệnh tình của Sinh đã đỡ lần lần. Một chiếc sẹo dài đỏ xẫm chạy chéo bên má từ mang tai tới cằm đã làm bộ mặt anh trở nên dữ tợn. Bác sĩ mỗi lần thấy anh cầm chiếc gương, cau có ngăm ngĩa chiếc sẹo đã vội an ủi anh :

— Nhờ viện sửa sắc đẹp, ông có thể bớt được dấu tích nhưng không mất hẳn. Tôi không hiểu tại sao ông lại có thể thoát được tai nạn một cách lạ lùng như vậy. Nhiều trường hợp ô-tô đâm vào gốc cây với tốc độ nhanh, những người lái xe đều chết cả.

Sau ba tuần lễ, Sinh đã đi lại được quanh phòng nhờ sự diu dặt của Thanh. Còn Kha, nàng chỉ đến có ba lần rồi không thấy lại nữa. Mong mãi không thấy Kha lại, Sinh đã mạnh dạn hỏi vợ :

— Em có hay gặp Kha không? Lâu nay không thấy cô ấy lại đây.

Thấy chồng vẫn còn để ý đến kẻ tình địch của mình, Thanh thấy đau nhói trong tim. Nàng phải can đảm lắm mới dè nén được sự xúc động trong lòng để trả lời chồng :

— Em không gặp mà Kha cũng không lại nhà chơi như mọi bữa. Em biết cô ấy không thích đến những chỗ sặc mùi thuốc, mùi bông băng như ở đây đâu. Cô ấy chỉ muốn đến những chỗ ăn chơi sang trọng để nghe người ta nịnh nọt mình. Điều này chắc anh cũng biết ?

Sinh cũng phải nhận rằng Kha chỉ ưa đến những nơi ăn chơi, rạp chiếu bóng, tiệm nhẩy và nàng yêu anh cũng chỉ vì anh đẹp trai, khoẻ mạnh. Giờ đây với chiếc sẹo dài trên mặt, anh đâu còn đẹp trai nữa để nàng vồn vã, nũng nịu đòi anh đưa đi chơi phố như khi trước nữa.

Bất chợt Sinh thấy mình nhớ nhuốc, không xứng đáng với mối

tình cao quý của Thanh. Một mối tình cảm sâu xa dâng lên tràn ngập lòng anh, Sinh vội nắm chặt lấy bàn tay bé nhỏ của vợ rồi thì thầm vào tai nàng :

— Anh có lỗi với em nhiều quá !
Thanh nhìn chồng mỉm cười, nụ cười rộng lượng tha thứ, và, nơi khoé mắt nàng đã lóng lánh hai giọt lệ.

Tiếng Sinh vẫn thì thầm bên tai :
— Chỉ còn mấy hôm nữa là Noël rồi phải không em ? Anh muốn đêm réveillon em làm thức ăn thiệt ngon rồi mời Kha tới dự với vợ chồng mình cùng để cho cô ta hay anh vẫn là người chồng muôn thuở của em. Em bằng lòng chứ ?

Thanh lặng lẽ gật đầu. Nàng quá xúc cảm vì sung sướng khi đã tin chắc chồng mình đã biết quay về bến cũ và từ nay trở đi Sinh sẽ vẫn hoàn toàn là của nàng.



★ CHỢ CHÓ

Ở « chợ chó » đường Hàm Nghi, một ông hỏi giá một con chó Nhật, người bán chó bảo :

- Thưa ông, 500\$
 - Mắc quá vậy ? Một nửa được không ?
 - Xin lỗi ông, tôi bán nguyên con chó chứ không bán một nửa con ạ.
- B. T.

HENRY



DUNANT



người đã
sáng lập
hội

HỒNG - THẬP - TỰ
QUỐC - TẾ

★ TÂN - PHONG

NGUỒI sáng lập ra Hồng-thập-Tự, cách nay gần một trăm năm — năm 1864 — không phải là một Bác-sĩ, hay là một Linh-mục, một Tổng-trưởng, mà là một nhà Văn. Một nhà văn người Suisse (1), tên là HENRY DUNANT, nay đã thành ra một danh nhân quốc tế

Một nhà văn luôn luôn đa-cảm, và đau xót trông thấy những cảnh tượng bán giết, đâm chém dã-man trên chiến trường, gây ra tang tóc cho loài người, không phân biệt giống nòi, biên giới.

HENRY DUNANT, sinh tại thành phố Genève (Suisse) năm 1828, là cháu ba đời của nhà Đại Triết-học Pháp, JEAN-JACQUES ROUSSEAU, nhà văn hào xã-hội của Thế-kỷ XVIII, lừng danh cả thế giới, và là một trong những bậc tiên phong của Cách-mạng Pháp 1789.

Gia-đình Henry Dunant giàu có, và rất sùng bái đạo Gia-Tô theo giáo phái Tin-lành (Protestantisme). Đáng lẽ ông đã trở thành một vị Linh-mục, vì từ lúc thiếu thời ông đã hấp thụ một giáo dục nghiêm khắc căn

bản trên giáo-lý Tin-lành. Nhưng ông quan niệm ý-nghĩa cao cả của đời sống thực-tế giữa xã hội, và phải đem đạo đức và lòng bác ái, nhân đạo, cứu giúp loài người một cách cụ thể hơn, và thiết thực hơn.

Henry Dunant bắt đầu lo kinh-doanh các công việc thương mại để cho có nhiều tiền. Có nhiều tiền mới cứu giúp được thiên hạ, chứ lý thuyết suông, giáo-lý viễn-vông chẳng bằng bó được vết thương nào của đau khổ. Đồng thời, Henry Dunant được chính phủ Pháp bổ-nhiệm làm chủ sở kho bạc ở Sétif, một tỉnh nhỏ của Algérie. Nơi đây, ông thấy dân chúng thật là nghèo khổ đói rách, chỉ ăn trái chà-là để sống, có đôi nơi trồng lúa mì nhưng không có sông ngòi, lúa xấu, lại không có quạt xay để xay lúa ra bột làm bánh mì. Henry Dunant liền bỏ tiền ra mua một đồn điền ở Djémila, để trồng lúa mì và dựng những quạt xay để làm bột mì cho dân chúng Algérie có bánh mì để ăn.

Nhưng ông không đủ tiền. Ông lập ra một hội buôn gọi là « Société Anonyme des Moulins »

(1) Xuýt-xờ, thường phiên âm sai lầm là Thụy-sĩ.

ĐỜI SỐNG CÁC DANH NHÂN

de Djémila » — Hội Nặc danh Quạt xay Djémila, — và kêu các nhà tư bản hùn vốn. Nhưng công việc kinh-doanh của Henry Dunant là công việc của một nhà văn mơ-mộng, ảo tưởng, cho nên các nhà tư bản không

ai hùn vốn với ông. Bỗng ông nảy ra ý định yết kiến Hoàng-đế nước Pháp, NAPOLÉON III, để trình bày chương-trình hoạt-động của ông để mở mang kinh-tế thuộc địa Algérie...

Trên chiến - địa



SOLFÉRINO

NAPOLÉON III đánh giặc trên đất Italie (1). Bảy giờ nước Autriche đang chiếm Italie. Vua xứ này cầu-cứu Pháp hoàng. Napoléon III kéo đại đội binh mã sang giúp Italie để đánh đuổi quân Autriche. Đây là một trận giặc danh-tiếng nhất trong lịch-sử Âu-châu giữa thế-kỷ XIX.

Một trận giặc kinh-khủng và vẻ-vang cho Hoàng-đế nước Pháp đã đánh bại được Hoàng-đế nước Autriche, FRANÇOIS JOSEPH, trên cánh đồng làng SOLFÉRINO, trong tỉnh Lombardie.

Henry Dunant tìm đến Solférino, mục-dịch là gặp Hoàng-đế

Napoléon III. Ông đến đây đúng ngày 24 tháng 6 năm 1859, giữa lúc chiến-cuộc đang vô-cùng quyết-liệt. Ông được lần đầu tiên mục-kích tường-tận những cảnh ghê-gớm, rùng-rợn, trên chiến-trường. Trong quyển sách của ông: « *Un souvenir de Solférino* » (Một hồi-ký về trận đánh Solférino), ông diễn tả như sau đây:

« Người ta giết nhau từng đám người, người ta giết nhau từng người. Cứ mỗi một tấc đất là một nơi đâm chém bằng lưỡi lê để giành

(1) Italie = (I.ta-li), thường phiên-âm là Ý-đại-lợi, nói tắt là nước Ý.

nhau, mỗi một cánh gò là một chỗ cướp đựt nhau bằng súng đạn. Các làng nơi đây đã biến thành chiến-địa, mỗi căn nhà, mỗi khu trại, trở thành một ổ chiến-đấu. Mỗi cánh cửa, mỗi cửa-sổ, mỗi cái sân đều là nơi xung kích hỏa-động, ghé tòm, mà người với người cắt cổ và làm thịt lẫn nhau. Lính Zouaves cầm lưỡi lê nhảy xổ tới quân địch, vừa đâm, vừa chém, vừa hét lên như những con mãnh thú. Kỵ-binh Pháp ào ạt nhào vô kỵ-binh Autriche : họ phanh thấy ra, họ xé xác ra, họ đâm lên những đồng thịt người đang trào máu. Hàng nghìn hàng vạn binh-sĩ ngã gục xuống, rụng đầu, cụt tay, què chân, lòi ruột, lòi gan, gươm và đạn đâm lủng vào da, vào thịt ...

Tổng cộng, trên 40.000 người chết và bị thương nặng, vừa Pháp vừa Autriche, Italie..

Sáng sớm ngày 25 — 6, Henry Dunant đi thơ-thẩn một mình trên chiến-trường Solférino hoang-phế. Nhà văn sĩ lúc bấy giờ mới có 31 tuổi, đi chậm rãi từng bước giữa muôn vạn xác chết nằm ngổn ngang trên lưng đồi và cả cánh đồng Solférino tiêu điều thê thảm dưới ánh nắng bình-minh, ông trầm ngâm suy-nghĩ... Một phế-binh bị bỏ nằm

bên bụi cây, không ai cứu-chữa, lấy tay vẫy gọi người khách du-hành xa lạ. Henry Dunant đến gần. Người phế-binh Autrichien, khe nói, uể-oải như lời người hấp-hối :

— Ông ơi, tôi đã hăng hái đánh trận, nhưng bị gãy một chân và một tay, không làm sao bò dậy mà đi được... Người ta bỏ tôi ở đây, sống chết mặc kệ.. Tôi đau quá, ông ơi... tôi khát nước quá., ông làm ơn... ông ơi... ông ơi..

Henry Dunant bị xúc-động mãnh liệt, ông xót thương người phế-binh đau khổ bơ-vơ, tuy y là quân địch.

Không 1 y không phải là quân địch nữa ! Y là một người... Tình thương nhân-loại của Henry Dunant bùng-bọt sôi-nổi. Ông quyết-định phải cứu giúp tất cả những thương phế binh, bất cứ là người Pháp, hay người Autriche, người Ý, và săn-sóc thuốc men cho họ, an-ủi họ, vờ về họ, đem họ về nuôi dưỡng.

Henry Dunant gặp được một khách du-lịch Pháp, một vị tu-sĩ ở Italie, một nhà viết Báo ở Paris, một nhà buôn ở Neufchâtel, và hai ba khách du-lịch Anglais. Ông bày tỏ với họ tất cả

tình thương xót của ông đối với các phế-binh trên chiến-địa Solférino và mong họ giúp sức với ông đem tất cả những nạn-nhân chiến-tranh kia về một nơi Nhà-Thờ để cứu-giúp họ.

Ông đem được trên hai trăm người về để tại Nhà-Thờ Castiglione : người đủ các nước có tham-gia chiến-sự : Pháp, Autriche, Afrique, Italie... Ông đặt họ nằm lẫn-lộn trước bàn thờ Chúa Jésus, không phân biệt giống nòi. Ông tự bỏ tiền ra mua thuốc men, kêu bác-sĩ đến chữa bệnh và săn-sóc cho tất cả.. Ông sai người đánh xe của ông đi Brescia mua các đồ thực vật đem về cho họ ăn-uống. Một vài sĩ-quan Pháp thấy ông cứu-chữa những phế-binh của địch-quân, tỏ vẻ ngạc-nhiên và bất-bình.

Henry Dunant phải viết thư gửi lên Pháp Hoàng Napoléon III đang ở Tổng-hành - Dinh Borghetto.

Ông tường-thuật rõ-ràng tình-cảnh của nạn-nhân chiến-tranh Solférino, xin lượng khoan-hồng của Hoàng-đế cho phép ông được cứu chữa và nuôi dưỡng tất cả thương phế binh, bất cứ là người nước nào, không phân-biệt là bạn hay thù, là Pháp hay Autriche. Ông cũng xin Hoàng-đế cấp cho ông bốn vị Bác-sĩ quân y.

Napoléon III liền trả lời thư của Henry Dunant. Ngài nhiệt-liệt khen tặng lòng thương nhân đạo của ông, và cho phép ông toàn quyền săn-sóc và cứu chữa cho nạn nhân chiến-tranh « **KHÔNG PHÂN BIỆT LÀ QUÂN TA HAY QUÂN ĐỊCH, QUÂN THÙ HAY QUÂN BẠN** » (Câu của Hoàng-đế Napoléon III : *Sans distinction entre les blessés des Armées amies et ennemies*)

7 - 2 - 1863



KHỎI - ĐIỂM

T HẾ là Henry Dunant cho

trời luôn những công việc kinh-doanh của ông ở Djémila. Từ

đây, ông để hết tâm lực và tiền tài vào công việc cứu giúp nạn nhân chiến tranh ở Solferino. Nhưng sức ông đơn độc làm sao tiếp tục được sự nghiệp nhân đạo vĩ đại kia? Henry Dunant bèn nảy ra ý nghĩ lập các Hội cứu giúp thương phế-binh chiến tranh.

Ông khởi sự viết một quyển sách để cổ-động cho công việc này. Quyển sách nhan đề là: « *Un souvenir de Solferino* » (Một Hồi ký về Solferino). Ông phải để một năm mới hoàn thành tác phẩm. Nơi trang kết thúc, ông viết lời kêu gọi như sau đây:

« N'y aurait il pas moyen de onder, dans tous les pays d'Europe, des Sociétés de secours qui auraient pour but de faire donner, en temps de guerre, par des volontaires, des soins aux blessés sans distinction de nationalité ? ... »

(Há lẽ không có cách nào sáng lập được, ở khắp các nước Âu-châu, những Hội cứu trợ mà mục-đích trong lúc chiến tranh là cho những người tình nguyện săn sóc các thương binh, không phân biệt quốc-tịch...?)

Ý-kiến này hồi Thế-kỷ XIX, thật là mới mẻ và táo bạo.

Quyển sách ra đời, không bán, gây ra một nguồn dư luận đầy cảm-tình, và xôn-xao cả Thế-giới. Nhà văn Goncourt đã phê bình: « Những trang sách của Henry Dunant làm cho chúng ta xúc-động vô cùng! ». Thi sĩ Victor Hugo, lúc ấy bị lưu đày trên đảo Guernesey, tiếp được sách, viết thư khen ngợi tác giả: « Anh phụng sự cho lý-tưởng nhân đạo »

Thế rồi, ngày 7 tháng 2 năm 1863, bốn năm sau chiến trận Solferino, một Hội-nghị sơ khởi được nhóm tại thành phố GENEVE (Suisse) nơi sinh trưởng của Henry Dunant. Dự hội nghị chỉ có 5 người: Henry Dunant, Gustave Moynier, hai vị Bác-sĩ và Đại-tướng Dufour, tất cả là người ở Suisse. Henry Dunant chỉ nhận làm Tổng-thư-ký Hội-nghị, Gustave Moynier làm chủ tịch. Moynier chỉ muốn sáng lập riêng một Hội của người Suisse, và hoạt động trong phạm vi nhỏ hẹp, Dunant muốn hoạt động trên toàn thế Thế-giới, vì chiến tranh có thể xảy ra khắp nơi, và rộng lớn, một nhóm người ở Suisse không đủ điều kiện và phương tiện để cứu giúp tất cả các thương binh trong

tất cả các cuộc chiến tranh. Moynier phải tán thành quan-điểm của Henry Dunant. Nhưng hội nghị địa phương của 5 người này chưa có tên, và chưa được chính thức thành lập.

Cuối tháng 2 năm 1863, Henry Dunant được Hoàng-đế Napoléon III mời đến điện Tuileries. Ngài khen ông như sau đây:

— Ông đã dám viết trong quyển sách của ông những điều mà nhiều người đã nghĩ đến nhưng không dám nói. Chiến-tranh có nhiều tàn ác lắm. Tôi muốn ông cứ tiến hành hoạt-động. Tôi sẽ giúp ông. Ông đừng sợ một số tướng lĩnh quân

đội thế nào họ cũng tìm cách cản trở công việc của ông.

Henry Dunant trình bày cho Napoléon III quan-điểm của ông, là Hội cứu Thương-binh phải là một cơ-quan được quốc-tế nhìn nhận. Muốn thành - công đúng theo tôn chỉ nhân đạo, Hội ấy phải được tất cả các nước coi như là một CƠ-QUAN TRUNG LẬP không thiên vị bên bạn hay bên thù. Napoléon III hoàn toàn đồng ý.

Thế là lý - tưởng nhân đạo của Henry Dunant sinh nở từ chiến-trường Solferino, đã dần dần sắp được thực hiện trên hội trường quốc-tế...

(Kỳ sau hết)



* KỸ-SƯ BẦY CHUỘT

Một ông kỹ-sư mới chế ra được một cái bầy chuột, đem đến một nhà tư-bản:

— Tôi mới phát minh cái bầy chuột này. Nếu ông muốn khai-thác tôi sẵn lòng bán cấp-bằng chế tạo của tôi cho ông.

Nhà tư-bản bằng lòng:

— Được. Nhưng ông để cái bầy của ông cho tôi thí-nghiệm đêm nay xem ra sao đã.

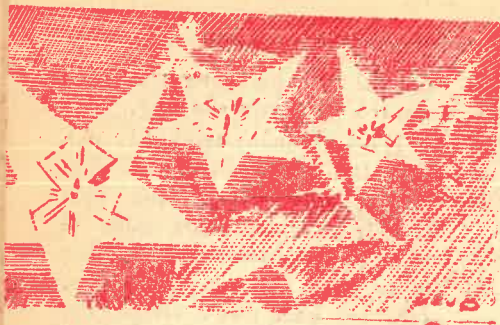
Sáng hôm sau kỹ-sư bầy chuột đến. Nhà tư-bản bảo:

— Cái bầy chuột của ông có hiệu-quả lắm. Đêm qua, tôi đi dưới bếp, có hai con chuột bị chết liền.

Ông kỹ-sư khoái chí:

— Đấy ông xem, bầy chuột của tôi tốt lắm!

— Vâng, nhưng vì 2 con chuột của tôi trông thấy cái bầy của ông chúng tức cười quá mà chết, chứ không phải tại mắc cái bầy của ông mà chết!



K Ỷ N IỆ M

NGÀY CHÚA

J É S U S

giáng sinh



Đúng như lời
những đấng tiên-
tri báo trước
trong Thánh-
kinh đã mấy
ngàn năm,

quả-nhiên ngày 25 tháng chạp
năm 749 chúa Giê-Su đã giáng-
sinh trên một cái máng cỏ trong
hang cừu tại Bethleem thuộc xứ
Palestine miền Cận-Đông.

Giê-Su chỉ là một tên của
người Do-Thái có nghĩa đen là
« Đức Chúa đến cứu cho
chúng tôi », cách đây đã gần
2.000 năm vẫn còn lưu-danh mãi
mãi mà khắp các gia-đình Gia-
tô-giáo đều nô nức tung bừng
ăn mừng lễ Sinh-nhật Chúa cứu-
thế năm thứ 1960 !

Cách đây, gần 20 thế-kỷ về
trước, đêm ấy là đêm hôm 24
rạng 25 tháng chạp năm 749

(theo lịch La-mã), ta chỉ thấy nói
có làm lễ vào nửa đêm nhưng
trong các kinh sách không thấy
đâu nói chắc chắn là Chúa Giê-su
giáng-sinh vào lúc nửa đêm và
chỉ nói là sinh vào đêm ấy mà
thôi. Bảy giờ, vào thời vua
Auguste trị-vì, đồng thời với
Vua Ai-đế nhà Tây-Hán bên
nước Trung-hoa vào khoảng từ
năm Kiến-bình thứ 2 đến năm
nhân-thọ. Trong lúc này tuy ở
Palestine đã có lịch của Jules
César ban-hành nhưng trong
xứ vẫn còn thông-dụng các thứ
lịch của Do-thái, hoặc của Hy-
lạp và riêng lịch của cổ Do-thái

thì đã có 5, 6 ngàn năm từ trước,
xưa hơn cả lịch của Tàu. Về năm
sanh chúa Giê-su thì phần nhiều
cổ-sử cho năm La-mã là ngày
25 tháng chạp năm 749 và đến
ngày Chúa thác thì lại tính ngày
của lịch Do-thái là hồi 4 giờ
chiều ngày 15 tháng Nisan (tức
tháng thứ 7 của lịch Do-thái và
là tháng 3-4 dl của Jules César)
năm 3790, đổi-chiều với lịch bảy
giờ thì là năm 30 sau kỷ-nguyên
Gia-tô (ère chrétienne).

Về Kỷ-nguyên La-Mã (ère
Romaine) thì ta chỉ biết được
rằng chúa Giê-Su sinh vào năm
thứ 753 sau năm thành lập La-
Mã, tính đến năm ấy, chúa
Giê-su giáng sanh, thì chấm dứt
kỷ-nguyên La-mã, qua năm sau
là năm thứ 754 thì có thể là
năm đầu của kỷ-nguyên Cơ-đốc
(ère chrétienne) mà ngay năm ấy
là năm 1 và mồng một tháng
giêng năm này là ngày thứ bảy
(samedi).

Khảo-cứu về tiểu-sử Chúa
Giê-Su và muốn học hỏi cho
biết Chúa Giê-Su là ai thì trong
mấy thế kỷ các nhà sử-học đã
nghiên cứu và chép ra biết bao
nhiều là sách mà vẫn chưa có
kết-quả được thỏa-mãn. Đại để

các tin đồn tin tưởng là có Chúa
và Chúa cứu-thế là Giê-Su và chỉ
biết được sơ lược về thân thể và
sự nghiệp của Người sống và
hoạt-động trên Trần-giantrọn 33
năm trường để cứu cho nhân loại,
từ ngày chúa Giáng-sinh trong
hang đá Bethleem cho đến ngày
chịu tử hình trên thánh-giá tại
chân Núi Golgotha.) Calvaire).

Tất cả cuộc đời và giáo-lý
của Chúa Giê-su đã... thấu tóm
cả vào 2 chữ « BÁC-ÁI » tức
yêu thương và Người đã có nói:

— « Ta truyền cho chúng con
một lời giới răn mới là chúng
con hãy yêu thương nhau như
ta đã yêu chúng con ! »

Tới thời nay, Giáo-hội cũng
vẫn còn và truyền bá lời ký-thác
của Chúa là **yêu thương** ».

Trong thời bấy giờ, nhân
phẩm của con người, đã hoàn-
toàn bị đè nén và áp-chế dưới
đời Vua Hérode vô cùng tàn-ác
nên Chúa Giê-Su thường phải
lấy lời cương quyết và ngay
thẳng cảnh-cáo bọn quyền thần
trong nước rằng :

— « Thủê nhà Vua đã định thế
nào thì các người chớ có nên cho
thâu góp tội hơn ! » và đối với
quân lính, Ngài cũng lại khuy-

dạy : « các người đừng nên đánh đập hành hạ một ai và cũng chớ nên cáo gian ai ! »

Giữa một xã-hội giai-cấp cách biệt. Chúa Giê-Su đã mạnh dạn tuyên-bố :

— « Trước mặt Thiên chúa các người đều bình đẳng ! » và Người lại còn cảnh cáo riêng nhà cầm quyền và khuyến-khích lòng ái quốc dạy dân :

— « ... Hãy trả lại cho César những cái thuộc về César ! »

Trong khi chúa bị đưa ra xử trước Tòa, quan thẩm phán hỏi Người : « Có phải ông tự xưng là Đấng cứu thế ? Và là con của Thiên-chúa không ? ». Biết là câu trả lời của Người sẽ đem đến cho mình án tử hình, Jê-sus vẫn thẳng thắn trả lời :

— « Đúng như lời ông đã nói, ta là Đấng cứu thế ! ta là con Thiên Chúa ! »

Cuộc đời của chúa Jê-sus đã chứng tỏ rằng hạnh phúc thật không phải chỉ có ở tại những nơi giàu có sang trọng và cuộc đời của Người lại là một bài học cho những nhà chính-trị và luôn luôn bao giờ Chúa cũng rao giảng về Bác-ái, công-bình, tự-do và bình-dẳng

để cải thiện cái đời sống xã-hội ở Trăn-gian.

500 năm sau Đức Phật Thích ca Mâu-Ni, Noel, ngày chúa Jê-sus giáng sinh, là ngày phát động đạo yêu thương trên thế-giới loài người.



Sự tích Đèn Ngôi Sao

Trong dịp Lễ sinh nhật này, ta thường thấy có đèn ngôi sao thấp sáng khắp mọi nơi thì cũng là có ý nghĩa nhắc nhở đến sự tích có 3 vua (3 rois-mages) ở Đông-phương, xem thiên tượng thấy có sao lạ xuất hiện ở trên Trời nên biết ngay là có chúa Cứu thế ra đời, liền tìm đến Hang Bethleem để lạy mừng chúa. Và rồi « 3 vua » này cùng tâu cho vua Hê-rô-đê xứ Giu-đê-A (Palestina) rằng 3 người thật đã mắt thấy ngôi sao chúa Cứu thế.



**Lễ giáng - sinh tại
THUẬN - HÓA
hồi năm Quý-Vị (1643)**

Nhân được đọc quyển « Đại-Nam quốc triều » xuất bản tại

Saigon hồi 1886 có nói đến việc truyền giáo đạo Gia-tô tại Đàng ngoài và Đàng trong, tức Thăng long và Thuận-Hóa, tác-giả có thuật đến việc từ thế kỷ XVII trong phủ Chúa Trịnh ở.

Ngoài và Chúa Nguyễn ở trong đã có mấy bà phi theo đạo Thiên Chúa, nay nhân dịp lễ giáng-sinh năm Canh-tý (1960), chúng tôi xin tạm kể chuyện về một lễ này đã được cử hành long trọng tại Thuận-hóa trong cùng chúa Nguyễn vào hồi năm quý-vị (1643) cách đây đúng 317 năm.

Nguyên chúa Nguyễn-Hoàng (1524-1613) có một bà phi là Minh-đức-Vương thái phi có đạo, bà sinh ra ông hoàng Khê là con thứ 10 của Tiên chúa.

Theo nhật-ký của Alexandre de Rhodes, (1591-1660) thì hồi lễ Noel năm 1643 là năm quý-vị, cha đã phải rời khỏi Phú-xuân và chỉ còn lại một thầy giảng người Việt là thầy I-nha-Xô (Ignace) trở lại đất Thuận-hóa mừng lễ giáng-sinh với đại đa số các tín-đồ và giáo-hữu. Bà Thái-phi là thân-mẫu của ông hoàng Khê và là chú ruột chúa Thượng Nguyễn phúc - Lan (1635-1648), hồi bấy giờ đang làm chúa ở Đàng-Trong. Cùng một số nhiều những tín-hữu trong hoàng-cung cũng có dựng cây Noel và thiết-lập một hang đá xứng đáng.

Tại Thuận-hóa trong lúc này không còn bóng một giáo-sĩ hay một linh-mục nào, nên Bà Thái-phi tự làm thầy giảng đứng làm lễ rao tin vui mừng có chúa cứu thế đã ra đời !

Hồi đó, sau khi chúa Nguyễn-Hoàng qua đời rồi, con là chúa sai Nguyễn-phúc-Nguyên lên kế nghiệp Chúa được ít lâu, đến năm át sữu (1625) thì bà Minh-Đức-Vương Thái phi theo đạo Gia-tô.

Ông hoàng Khê là con bà đẻ và là con út chúa Nguyễn-Hoàng, chú ruột chúa đương thời là chúa Sãi, cũng ngoan đạo hiểu biết về giáo lý khá nhiều và sốt-sắng lắm.

Trong lúc này không có một giáo sĩ ở Thuận - Hóa và nhờ có thầy giảng Ignace tức là một trong 10 thầy-giảng người Việt là thầy Ignace đã được cố Alexandre de Rhodes đào-tạo và được tu ở luôn trong cung ông hoàng Khê để nghe bà Thái-phi giảng đạo...

Ignace xưa kia cũng đã có vợ và con, về sau vợ chết, nên vào ở giúp việc trong cung ông Khê.

Sau khi giáo-sĩ Alexandre de Rhodes trở về xứ thì thầy Ignace cùng mấy thầy khác và bà Thái-phi đã trở nên những trụ cột để dẫn dắt con chiên trong khi không có các linh-mục giảng-đạo.

HỒI KÝ

Một Đời Người

PHẦN THỨ HAI
XXII

Vì một con chó mà chống lại nhà Vua

(Tiếp theo P.T. số 48)

* THIẾU-SƠN

NGAY & số ra mắt, báo Công-Lý có đăng một truyện ngắn nhan đề « Vì con chó ». Tác-giả truyện ngắn đó ký tên là P. Tôi không tìm hiểu người viết là ai vì đã giao trọn quyền cho thơ ký tòa-soạn. Nay đọc lại truyện đó tôi thấy lòng tôi bồi ngùi cảm động.

Tác giả thuật chuyện một viên thông ngôn cho nhà binh Pháp một hôm theo một đại-úy Pháp đi thị-sát sau một cuộc càn-quét dã-man. Viên Đại-úy bước vào một nhà tranh sụp đổ hết phân nửa. Chủ nhà là một người mù

nghèo đói sống nhờ hột cơm bỏ thí của xóm làng. Ông bị trúng miếng bom nằm tắt thở trên một vũng máu đã đông-đặc. Một con chó vàng nằm gác mõ trên ngực người bạc mạng. Vừa thấy viên đại-úy và thầy thông-ngôn bước vào nhà, nó bèn chối dậy học sủa toan làm dữ. Viên đại-úy sẵn cây súng trong tay muốn lấy cò nhưng lại thôi và tỏ ra thương xót một con chó có nghĩa. Ông bắt những người lính xóm còn sống sót đào huyết giữa nhà người bạc mạng để chôn cất tử-thi rồi ông ngậm-ngùi ra về. Con chó đói quá phải đi xin ăn dạo và

MỘT ĐỜI NGƯỜI

lăn mò tới trại lính xin ăn. Đại-úy nhận thấy nó mừng quá bảo lính cho nó ăn rồi dụ nó mà xiềng lại. Địch thân ông hằng ngày khui đồ hộp cho nó ăn và làm thân với nó. Mới đầu nó còn vùng vằng. Kể tới là thái-đồ lạnh-lùng khinh-khỉnh. Nhưng rồi nó cũng trở nên hiền dịu và tỏ ra biết ơn và thân-thiện với người đã cho nó ăn và tử-tế với nó. Đại-úy tưởng đã hoàn-toàn chinh-phục được nó rồi nên ra lệnh tháo xiềng cho nó. Lập tức nó cúp đuôi chạy biến mà không thèm ngoái cổ lại nhìn ai. Đại-úy ngó theo con chó, lắc đầu rồi day lại nói với thầy thông ngôn : « Tội nghiệp, nó nhớ nhà chủ cũ, chắc chạy về thăm mõ chủ cũ. Nhưng rồi đây đói bụng thế nào nó cũng trở lại kiếm ăn ». Nhưng ông đã lầm, luôn trong ba ngày nó không thèm trở lại. Ông nóng ruột, lên xe đi kiểm nó. Ông thấy nó nằm xếp ve trên mõ chủ cũ. Ông đi ngay lại định nắm chiếc vòng cổ để dụ nó trở về. Ai ngờ nó chối dậy học lên một tiếng và toan chụp cắn ông. Ông rút súng bóp cò. Ba tiếng súng nổ lên. Con chó bị trúng một viên đạn giữa trán ngã lăn ra nhưng còn

ráng lét lại bên mõ chủ mà trút hơi thở cuối cùng. Đại-úy châu mày thở ra và nói :

« Tội nghiệp! Trong cơn nóng giận và thúc đẩy do bản-năng tự-vệ, tôi không kịp suy nghĩ. Nó có tội gì đáng cho tôi giết nó ? Rõ ràng nó thà chết đói mà được tự-do còn hơn trở lại đờm mà chịu xiềng xích. Nó cũng thà chết mà được giữ nhà của nó, được nằm bên mõ chủ nó. Một con thú như thế, tôi tưởng con người cũng chưa chắc đã hơn... »

Những việc đã xảy ra và thứ nhất là những lời nói của viên đại-úy đã làm cho thầy thông ngôn xốn xang suy-nghĩ. Thầy thức trọn một đêm để nói chuyện với lương-tâm. Có khi thầy thở dài nào-nuột mà cũng có lúc thầy bật lên tiếng cười khanh-khách như kẻ loạn-trí, cuồng tâm. Rồi thầy bật đèn lên viết một lá đơn xin nghỉ việc.

Sáng hôm sau thầy đưa lá đơn cho viên đại-úy. Ông đọc qua rồi tỏ vẻ ngậm-ngùi mà nói :

— Phải chăng vì chuyện con chó ?

Thầy đáp:

— Vâng, đại-úy. Tôi lấy làm tiếc, song xin đại-úy chớ kiểm thế cầm tôi ở lại, nếu ông

muốn cho tôi giữ được một kỷ-niệm tốt về ông trọn đời.

Cố-nhiên là viên đại-úy phải buộc lòng chấp-thuận cho thấy thông-ngôn nghĩ-việc. Ông đã xí-hụt một con chó nay lại mất luôn một người cộng-sự đặc-lực, tin-cần và có nhiều khả-năng.

✱

Hôm nay đọc lại chuyện ngắn trên đây, tôi có thể quả-quyết rằng tác-giả của nó chính là ông thứ-ký tòa-soạn của báo Công-Lý do tôi chủ-trương vì chính ông cũng đã từng làm thông-ngôn cho nhà-binh Pháp và đã xin-nghỉ để trở lại với nghề văn và xin gia-nhập Đảng Xã-hội. Ông không nói với tôi rằng ông đã vì một con chó mà trở lại trong hàng ngũ dân-tộc để chống lại với thực-dân. Nhưng ông đã tỏ ra hăng-say trong cuộc tranh-đấu cho công-lý, thứ-nhất là ông đã quyết-liệt trong chiến-dịch chống âm-mưu của thực-dân muốn sơn-phết lại ngai-vàng cho Bảo-Đại. Ông đã viết ngay ở số đầu báo Công-Lý:

« Allô! Allô! Đây là đường hàng không Saigon — Hồng-Kông.

giả-hạ, chỗ ngồi êm, ai muốn đi phải đến ghi tên trước. Nên chú-ý người đi cần phải xuong-sống cho mềm, đầu gối cho mòn, biết đội mũ cánh-chuồn và miệng biết tung-ho. « Muốn tàu bệ-hạ ».

Ai đi 4 điều kiện ấy thì khỏi xin laissez-passer».

Ngoài ra ông còn lục-kiểm tờ-điều-trần của cụ Phan-châu-Trình hạch-7 tội của vua Khải-Định mà đăng-liên-tiếp trong nhiều kỳ. Ông còn viết một bài « Người chết nói chuyện » giả-thiết như J. J. Rousseau đã hiện-hồn về để nói chuyện với ông về thời-kuộc ở Việt-Nam. Rousseau, nhà-văn-hào có tư-tưởng cách-mạng ở thế-kỷ XVIII đã nói gì với tác-giả? Rousseau đã nhắc lại những gương Nã-phá-Luân đệ-tam ở Pháp, Viên-thế-Khải ở Tàu, cho rằng Bảo-Đại không làm nổi những công-việc của những nhân-vật kể trên, đâu có thực-dân ủng-hộ. Bảo-Đại sẽ bị sự chống-đối của nhân-dân Việt-Nam và còn bị sự chống-đối của những người Pháp dân-chủ, con cháu của những người đã giết một ông vua và lật-đổ bao nhiêu ông vua khác để thiết-lập và củng-cố nền Cộng-hòa ở Pháp.

Ông thơ-ký tòa-soạn của báo Công-Lý, một trong những cây bút sắc bén của nhóm xã-hội-hội đó, người mà tôi nghĩ là tác-giả truyện ngắn kể trên là Dương-tử-Giang. Anh là một văn-nghe-sĩ có tài nhưng anh là một người bệ-tha-lêu-lộng. Anh nói rằng anh đã bị bắt trong một trận-bỏ và bị bắt buộc làm thông-ngôn ngay trong những cuộc-hành-binh đầu-tiên của Pháp.

Tôi gặp lại anh vào khoảng đầu năm 1946 khi anh còn mang sắc-phục nhà-binh. Anh tỏ ra sượng-sùng khi gặp lại những người bạn cũ. Được ít lâu anh xin-thôi, mặc lại y-phục thường-dân, lấy lại được cái tâm-hồn sáng-sủa và tỏ ra rất-nhiệt-thành đối với cuộc-tranh-đấu chống thực-dân.

Nếu anh không kịp thời làm lại được cuộc đời thì anh cũng sẽ như bao nhiêu thầy thông-

ngôn khác, cộng-sự với giặc, nổi-giáo cho giặc hoặc còn ý-thể quan-thầy mà làm khổ-đồng-bào. Thực-dân ủng-hộ Bảo-Đại thì anh cũng có phần đóng-góp vào việc làm của thực-dân. Anh còn tâm-hồn đầu-mà nghĩ tới Rousseau và Rousseau cũng không bao-giờ chịu-ứng-vào-hồn anh để nói cho anh nghe những lời-thống-thiết và đẹp-đẽ như trên.

Nếu quả-thật vì con chó thì chính con chó đó đã có công xây-dựng anh một phần nào để biến anh thành một chiến-sĩ xã-hội, một trong những người đã chống-lại với nhà-vua.

Cố-nhiên lập-trường chống Bảo-Đại là lập-trường chung của Đảng Xã-hội lúc bấy-giờ. Nhưng lập-trường đó Đảng Xã-hội còn giữ được tới bao-lâu nữa? Đó là chuyện sẽ kể sau.

(còn nữa)

THIẾU SƠN



✱ **ÁNH SÁNG CỦA NHÂN LOẠI**

Voltaire, nhà Thi-hào Pháp, cũng có tiếng là một nhà Văn-châm-biếm ghê-gớm, lại rất ghét những kẻ-nhìn. Một buổi tối, một nhà-văn trẻ tuổi đến thăm ông và bắt đầu nói một câu để tặng-bức ông:

— Tiên-sinh là ánh-sáng của nhân-loại.

Voltaire cười-xòa, rồi gọi ngay cô Cháu Denise:

— Denise ơi! Mau mau ra tắt đèn!

B. T.

NHỮNG ÁNG THƠ HAY

• AVE MARIA

Như song lộc triều nguyên : ơn
phước cả,
Dáng cao dáng thần nhạc sáng hơn
trăng.
Thơm-tho bay cho đến cõi Thiên-
Đàng ?
Huyền-diệu biến thành muôn kính
trong thế.
Và Tổng-Lãnh Thiên-Thần quỳ
lạy MẸ,
Tung hô cầu đường hạ ngợp châu
sa.
Hương xông lên lời ca ngợi sum-
hòa :
Trí miếu-duệ của muôn vì rất thánh.
MARIA ! Linh-hồn tôi ớn lạnh !
Run như run thần tử thấy long nhan
Run như run hơi thờ chạm to
vàng,
Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn

trần mến.

Lạy Bà là Đấng tinh truyền thanh
vẹn
Giàu nhân-đức, giàu muôn học từ-
bi.
Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy
Cơn lâm-lụy vừa trải qua dưới
thế.
Tôi cảm-động rung rung hai dòng
lệ :
Dòng thao thao bất tuyệt của nguồn
thơ
Bút tôi reo như châu ngọc đến
vua :
Trí tôi hợp bao nhiêu là khí-vị...
Và trong miệng ngâm câu ca huyền-
bí.
Và trong tay nắm một nạm hào-
quang...
Tôi no rồi, ơn vô lộ hòa chan.
Tấu lạy Bà, Bà rất nhiều phép lạ.
Ngọc Như-ý vô tri còn biết cả.

HÙNG ÁNG THƠ HAY

Hùng chi tôi là Thánh-thể kết
tinh.
Tối wa nhìn Bắc-đẩu rạng bình
minh,
Chiến cùg khắp hết ba ngàn thế-
giới...
Sáng nhien quá cho thanh âm vời
vời.
Thơm đường bao cho miệng lưỡi
không khen,
Hỡi Sĩ-thần Thiên-Chúa Gabriel,
Khi Người xuống truyền tin cho
Thánh-Nữ,
Người có nghe xôn-xao muôn tinh
tú ?
Người có nghe náo động cả muôn
trời ?
Người có nghe thơ màu-nhiệm ra
đời
Để ca tụng, bằng hoa hương sáng
láng.
Bằng trăng hạt, bằng sao mai
chiếu rạng,
Một đêm xuân là rất đổi anh-
linh ?
Đáy rồi ! Đáy rồi ! Chuỗi ngọc
vàng kính.
Thơ cầu nguyện là thơ quân-tử ý.
Trượng-phu lời và tông-đồ triết
lý.

Là Nguồn-Trăng yêu mến Nữ
Đông-Trinh
Là nguồn đầu châu lụy Nữ Đông-
trinh...
Cho tôi tháp hai hàng cây bạch
lạp,
Khôi nghiêm-trang sẽ dâng lên tràn
ngập
Cả hàn giang, cả màu sắc thiên
không,
Lút trí khôn và âm-ảnh hương
lòng
Cho sót sáng, cho để mê nguyên
ước...
Tấu lạy Bà, lạy Bà đầy ơn phước,
Cho tình tôi nguyên vẹn to trăng
rằm,
Thơ trong trắng như một khối
băng tâm
Luôn luôn reo trong hồn, trong
mạch máu ;
Cho vỡ lở cả muôn ngàn tinh đầu,
Cho để-mê âm-nhạc và thanh hương.
Chim hay tên ngọc, đá biết tuổi
vàng.

Lòng vua chúa cũng như lòng lê-thứ
Sẽ ngáy ngát bởi chưng thơ đầy ư
Nguồn thiêng - liêng yêu chuộng
ME SẦU BI.
Phượng - Trì ! Phượng - Trì !
Phượng - Trì ! Phượng - Trì !

Thơ tôi bay suốt một đời chưa
Hồn tôi bay đến bao giờ mới đậu
Trên triều-thiên ngời chói vạn
hào-quang ?

HÀN-MẶC-TỬ
(Xuân như ý)



TRƯỚC khi thưởng thức bài Ave Maria này, tôi đã có dịp đọc thơ Hàn Mặc Tử trong tập « Gái quê », tập thơ đầu tay của ông xuất bản năm 1936.

Thú thật, tập thơ này đã không làm tôi thỏa mãn, vì — ngoài ít câu khá đẹp hoặc có chút hồn — toàn tập thơ toát ra những rạo-rực xác thịt, những hình ảnh lả-lẽ, những ham muốn vẩn đục, không thích hợp chút nào với những tâm hồn chất - phác giản-dị ở nơi ruộng lúa bờ tre, những nàng « gái quê » ngáy thơ mộc-mạc.

Chỉ ít câu trích sau đây cũng đủ chứng minh điều đó :

Trăng năm sóng soãi trên cành liễu.
Đợi gió đông về để lả - loi . .
Hoa lá ngáy tình không muốn động,

Lòng em hồi-hộp chị Hằng ơi !
Vô tình để gió hôn trên má,
Bến-lên làm sao, lúc nửa đêm.
Em sợ lang-quân em biết được,
Nghĩ-ngờ đến cái tiết-trinh em !
(BẾN LÊN)

Kịp khi được đọc mấy bài của Hàn Mặc Tử trích trong cuốn « Thi - nhân Việt - Nam » của Hoài Thanh và Hoài Chân (xuất bản năm 1942), tôi mới chú ý đến nhà thơ xấu số này. Trong mấy bài ấy, thì bài Ave Maria đã làm tôi ngạc nhiên hơn cả. Ngạc nhiên, vì tôi chưa thấy có bài thơ nào không cần đến ý, chỉ nhờ nhạc thơ mà hấp dẫn, lôi cuốn, huyền hoặc được người đọc như thế !

Chúng ta hãy cao giọng đọc mấy câu đầu :

Như song lộc triều nguyên : ơn phước cả,
Dâng cao dâng thần nhạc sáng hơn trăng.
Thơm-tho bay chọ đến cõi Thiên-Đàng.
Huyền - diệu biến thành muôn kinh trọng thề.
Và Tông-Lãnh Thiên-Thần quý lạy ME,
Tung hô cầu đường hạ ngớt châu sa.
Hương xông lên lời ca-ngợi sum-hòa :
Trí miêu-duệ của muôn vì rất thánh.

Cả hàn giang, cả màu sắc thiên không,
Lút trí khôn và ám-ảnh hương lòng
Cho sốt sắng, cho đê-mê nguyên ước...

Và phải đau khổ vô cùng mới tìm về nguồn an ủi thiêng-liêng huyền-bí :

Maria ! Linh hồn tôi ớn lạnh !
Run như run thần tử thấy long nhan,
Run như run hơi thở chạm tơ vàng,
Nhưng lòng vẫn thắm nhuần ơn triu mến.

Chưa hiểu rõ tác giả định nói gì, ta bắt giặc như bị thu hút vào một bầu không khí huyền-ảo ngáy ngáy, bầu không khí huyền bí trang nghiêm của tôn giáo.

Thực vậy, chỉ với một bài Ave Maria này Hàn Mặc Tử đủ xứng đáng là nhà thơ tôn-giáo thứ nhất của Việt Nam. Phải có một lòng tin mãnh-liệt mới viết nên được những dòng xúc động như sau :

Cho tôi thấp hai hàng cây bạch lập,
Khói nghiêm-trang sẽ dâng lên tràn ngập

Chưa nói đến lòng tin, riêng về đau khổ thì dám chắc các thi-sĩ cổ kim đông tây ít có ai phải chịu nhiều đau khổ như Hàn Mặc Tử ! Các bạn hãy tưởng tượng một thanh niên đang tràn đầy nhựa sống, hy-vọng chứa-chan, mà thỉnh linh bỗng mắc phải một chứng bệnh nan-y ghê tởm, đã thế lại nghèo khổ, cơm không đủ ăn, thuốc không có uống, mắt tình yêu, thiếu tình thương... và, sau cùng, bị vứt bỏ ra ngoài cuộc đời, sống âm-thầm cô độc trong một túp lều trơ-vơ dột nát, nằm nhìn ngày

tháng, buồn trôi mà cảm thấy cả thể-xác lẫn linh hồn đang lần lần tan rã trong những cơn bệnh hành khố khiếp. Người thanh niên đau khổ đó chỉ còn bám vào một nguồn vui riêng để sống : ấy là làm thơ. Người ấy lại nuôi một hy vọng thiết tha được thấy thơ mình in ra cho đời thưởng thức. Chẳng không ngần ngại viết thư thương lượng với các nhà xuất bản, cầu cạnh các bạn quen ! mặc dầu không có tiền mua phải đi xin từng con tem (cò) ! Nhưng kết quả thâu lượm được chỉ là sự im lặng hững hờ hoặc những lời từ chối lịch sự hay vài dòng hứa hẹn không đầu ! Cảm động và đáng thương hơn nữa là chàng cầm cụ chép tay cả một tập thơ dày, rồi trân trọng gửi ra Hà Nội cho Thế-Lữ, kèm theo một bức thư dài, hy vọng được Thế-Lữ thưởng thức và giới thiệu với nhà xuất bản Đời Nay. Công việc ấy, đối với Hàn-mặc-Tử, là cả một công trình ; vì chàng đã phải làm dần dần giữa những cơn đau ghê gớm vì bệnh hoạn. Tác phẩm gửi đi rồi, chàng hồi hộp mong chờ... nhưng ngày tháng trôi qua trong im lặng nặng nề. Sốt ruột, chàng

phải viết hai, ba lá thư ra hỏi. Mãi sau mới nhận được thư trả lời, vồn vện có vài dòng cho biết là « tập thơ ấy đã lỡ để... thất lạc mất rồi ! »

Di-nhiên, Hàn-mặc-Tử tức giận lắm, nhưng buồn khổ còn nhiều hơn ! Chàng băn khoăn, nghi ngờ giá trị thơ mình. Và đó mới là nỗi đau khổ lớn lao nhất, vì đối với Hàn trên đời chỉ có thơ. Thơ là hơi thở, là lẽ sống của chàng !

Bởi thế, dù vô cùng thất vọng, chàng vẫn tiếp tục làm thơ, vẫn sáng tác dồi dào và đều đặn. Nhưng trong đau khổ menh-mông, chàng đã tìm về nguồn an ủi thiêng liêng thần bí. Chàng đã xây cất ở trong lòng, cả một ngôi đền lộng lẫy nguy nga để thờ Chúa. Ở đây, nhạc lễ là thơ, lời nguyện cầu cũng bằng thơ, tất cả đều là thơ, cho đến cả hoa hương, tràng hạt, ánh bạch lạp, lung linh, bầu không khí huyền ảo, hết thảy đều kết thành thơ, một dòng thơ « đầy ứ nguồn thiêng liêng yêu chuộng Mẹ Sáu Bi » :

Tôi cảm động rưng rưng hạt
dòng lệ,
Dòng thao thao bất tuyệt của
nguồn thơ.

Bút tôi reo như châu ngọc đến
vua ;
Trí tôi hớp bao nhiêu là khí vị...
Tấu lay Bà, lay Bà đầy ơn
phước,
Cho tình tôi nguyên vẹn tợ trăng
rằm,
Thơ trắng trong như một khối
băng tâm
Luôn luôn reo trong hồn, trong
mạch máu ;
Cho võ lữ cả muôn ngàn tinh đầu
Cho đê mê âm-nhạc và thanh-
hương,
Chim hay tên ngọc, đá biết tuổi
vàng.
Lòng vua chúa cũng như lòng
lê thứ
Sẽ ngậy ngất bởi chưng thơ đầy
ứ
Nguồn thiêng liêng yêu chuộng
MẸ SÁU BI.

Những vần thơ này — nếu được đọc cao giọng đều đều trong đêm khuya thanh vắng— sẽ có một hấp lực mạnh mẽ huyền bí như lời kinh. Thánh thoảng nhạc lại trở lên dồn dập và lời cầu nguyện cũng ồn ào như sóng dâng, tạo nên một không khí ảo huyền và gây ra những

xúc động kỳ dị :

Phượng - Trì ! Phượng - Trì !
Phượng - Trì ! Phượng - Trì !
Thơ tôi bay suốt một đời chưa
thấu
Hồn tôi bay đến bao giờ mới đậu
Trên triều thiên ngời chói vạn
hào quang ?

Lúc này Hàn-mặc-Tử cảm thấy chỉ gần Đức Mẹ, gần Chúa thì tâm hồn mới được thanh-thoai, đời mới có ý nghĩa và thơ mới tinh khiết cao siêu :

Đây rồi ! Đây rồi ! Chuỗi ngọc
vàng kính.

Thơ cầu nguyện là thơ quân tử ý
Trượng-phu lời và tông-đồ triết

lý,
Là nguồn Trăng yêu mến Nữ
Đông-Trinh,

Là Nguồn Đau châu lục Nữ
Đông-Trinh...

Tôi tin rằng còn lâu nữa chúng ta mới có được một nhà thơ tôn giáo khả dĩ sánh được với Hàn mặc Tử, vì muốn viết nên được những vần thơ như trên đây không những phải có thi tài, mà còn phải có lòng tin mãnh liệt hun đúc bởi những đau khổ vô biên nữa.

★ BÀNG BÁ LÂN

Đêm giáng sinh

* LIÊU-THIÊN-TU
(Dalat)

Giáng - Sinh, Giáng - Sinh về,
Nhạc trời réo - rắc mãi.
Tâm tư tím sắc giữa rừng sương,
Mùa hoa Trinh rơi trắng khắp nẻo đường,
Tối mầu mê ngọc Đâu Thương,
Dâng lên chín tầng đêm Giáng Thế.
Xin dâng trọn khối đời hoen ngân lệ,
Lên phép màu và lượng cả toàn năng...



Ta lạy Chúa ban ơn cho em gái,
Người em buồn mãi mãi của riêng ta.
Rồi sẽ đến quy dưới chân Đức Phật
Để cho lòng u-uất được phơi pha.
Em đã nguyện xin « Bình-An Trong Chúa »
Hồn rạt-rời thoát nếm phải chua cay.
Ta, A DI ĐÀ PHẬT vọng chuông Chùa,
Em, Thánh giá niệm kinh chiều dâng ĐỨC MẸ...
Đêm hoang vắng chìm sâu trong lặng lẽ.
Sương xa mờ nhẹ nhẹ phủ đầu non
Bóng người em men cô dẫm lối mòn
Nương bậc gạch vào giáo đường im bóng.
Trông theo bước ai nghẹn ngào đứng ngóng,
Sống lâu chuông gờn gợn cõi cô-đơn.
Nghe tan thương chảy xiết giữa đời lòng.
Trơ mắt đợi lối mòn đang héo úa.
Tơ sương trắng mong manh như giải lụa.
Phủ rừng thông rành rụa giọt long lanh.
Chén tim sâu ta rót tràn lệ chân-thành,
Rồi uống cạn để say lòng đêm Giáng Thế.

Vào Đông

Quần quai nhặng tàu dừa
Ray rức một chiều mưa
Bông đung lòng trời chết,
Hơi lạnh thấm chưa bwa...

Từ bữa nghe vàng phai chớm gió
Từng mây xám ngắt nổi đuôi nhau
Ngập ngừng hơn bóng chim đơn độc,
Gió cào làm sao lướt cánh mau!

Mùa đông tư mà tới
Gió ngắt từng khơi vơi?
Nghe hồn ơn ớn lạnh,
Đông buồn lắm, Đông ơi!

Trần trọc trên giường đã mấy đêm
Nghe như rét mướt lọt chân mềm,
Ôm thêm chặt gối tìm hơi ấm,
Lại cảm nghe lòng đơn độc thêm!

Áp mộng lòng ta phải bướm không?
Mà sao thích ngủ suốt mùa Đông!
Hay xin được chết trong băng đá,
Đợi đón tin xuân sưởi nắng hồng?

Xào xạc mấy cành thông
Lạnh ngắt cả khuê phòng
Nghe gió về hấp hối
Trên nệm lá sần Đông!

HOÀNG - HƯƠNG - TRANG
(Trường Cao-Đẳng Mỹ-Thuật—Huế)

Mình ời!

Jésus
CHRIST

sinh
tại
đâu
?



MÌNH ời, hôm nay
Mình nói chuyện rất
đứng-đắn về lịch-sử
chúa Jésus Christ cho em nghe
nhé.

— O. K.

— Sự thực, em vẫn cứ thắc-
mắc mãi về vấn đề này: Mẹ
của Chúa Jésus-Christ là Bà
Marie, còn cha của Chúa là ai?

— Jésus-Christ là con của
Chúa cha.

— Nghĩa là thế nào?

— Anh không thể giảng nghĩa
thật rõ-ràng cho Mình hiểu
được. Anh cứ theo Kinh Tân-
Ước (*Nouveau Testament*) nói
cho Mình nghe mà thôi. *Evangile*
của Saint *Matthieu* và Saint
Luc chép về tộc-hệ của Jésus
Christ, « con của David, con của
Abraham », như sau đây: Từ
Abraham đến David, là 14 đời.
Từ David đến cuộc lưu-đồ tại
Babylone, là 14 đời. Từ cuộc
lưu-đồ tại Babylone đến Christ
là 14 đời. Tổng cộng, từ Abra-
ham đến Christ là 42 đời.

Marie, Mẹ của Jésus Christ. là
vợ của Joseph. Joseph là người
trong giòng họ David và Abraham,
con cháu 41 đời của Abraham,
và làm nghề thợ mộc, thợ làm
sườn nhà (*Charpentier*). Nhưng
Bà Marie có thai là « do đức
thiên-liêng của Thánh-Thần »
(*Saint-Esprit*) chứ không phải

có thai với Joseph. Vì bà sinh
ra Jésus trước khi sống chung
với Joseph. Joseph, chồng bà
Marie, là một người đàn ông
hiền từ, tuy thấy vợ không ăn ở
với mình mà bỗng dưng lại có
thai, nhưng ông không muốn mạ-
ly vợ, chỉ quyết-định âm-thầm
đoạn-tuyệt với bà mà thôi. Trong
lúc ông suy-nghĩ như thế, thì
có một vị Thiên-Thần hiện ra
trong giấc ngủ của ông và bảo:
Joseph, con của David, người
cứ lấy Marie làm vợ, đừng ngại
gì, vì đứa con trong bào-thai
của nàng là do Thánh-Thần
(*Saint-Esprit*) mà có. Nàng sẽ đẻ
ra con trai, và người phải gọi
tên đứa nhỏ ấy là Jésus. Jésus
sẽ cứu dân-tộc của Người khỏi
những tội-lỗi ». Như thế là theo
Thánh-Kinh, Bà Trinh-Nữ Marie
vẫn trong-sạch mà có cháu, và sẽ
để racon trai. Joseph tỉnh giấc,
nhớ lời truyền lệnh của Thiên-
Thần trong mộng, bèn lấy bà Ma-
rie về làm vợ, nhưng không ăn
ngủ chung với bà cho đến khi
bà sanh ra đứa con trai. Joseph
đặt tên đứa con trai là Jésus.
Jésus sinh tại *Bethléhem*, ở xứ
Judée, trong một cái hang đá ở
sườn núi. *Bethléhem* là một
vùng nhỏ hẹp, lúc bấy giờ dân
số độ 3000 người, đất đỏ trồng
cây *oliviers*, gần kinh-đô *Jésusa-*
lem ở phía tây biển *Mer Morte*.

— Sao gọi là kinh-đô *Jéru-*

lem? Xứ Judée lúc bấy giờ đã có Vua sao?

— Có chứ. Judée là một xứ lớn có vua tên là *Hérode* mặc dầu ở dưới quyền thống-trị của Đế-Quốc Roma dưới thời Hoàng-đế César. *Hérode* là một vị vua rất bạo tàn. Lúc bấy giờ có mấy người đạo-sĩ ở phương Đông đến kinh-thành Jérusalem và bảo: « Vị Vua của dân-tộc Do-Thái vừa mới xuất thế, ngài ở đâu? Vì chúng tôi có trông thấy một ngôi Sao của ngài chiếu sáng trên trời. Chúng tôi đến đây, tìm ngài để thờ ngài. »

Vua *Hérode* được tin, rất lấy làm bối rối và sai người đi tìm xem *Jésus* sinh tại nơi nào. Nhờ có ngôi sao dẫn đường cho nên khi họ tới Bethlehem, nơi *Jésus* xuất thế, thì ngôi Sao kia đứng lại trên vòm trời, ngay trên đỉnh mái nhà của *Joseph*. Bọn đạo-sĩ liền vào nhà *Joseph* và trông thấy đứa bé nằm trong tay mẹ là bà *Marie*. Họ quý sụp xuống lạy, và mở gói lấy ra vàng và trầm dâng tặng. Rồi họ đi đường khác trở về xứ họ chứ không về với vua *Hérode*. Họ đi xong, thì có một vị Thiên-Thần báo mộng cho *Joseph*: « Người hãy thức dậy, ôm đứa bé và dắt *Marie* đi trốn qua xứ *Egypte*. Vì *Hérode* sẽ tìm đến đứa bé để giết hại nó. » *Joseph* tỉnh dậy, tuân theo lời báo mộng, ôm đứa bé và dắt vợ đi trốn qua xứ *Egypte*. Mãi đến

khi *Hérode* chết, Thiên-Thần mới báo mộng truyền lệnh cho *Joseph* đem vợ con trở về xứ *Israël*, rồi qua xứ *Galilée*, đến trú ngụ tại thành phố *Nazareth*.

Nơi đây, *Jésus* lớn lên, sống hoàn-loàn như một người thường dân, không có tiếng tăm gì, và không hề một thành tích gì mới lạ cả, mãi cho đến khi gần 30 tuổi.

Lúc bấy giờ là năm thứ mười lăm thời Hoàng-đế *Tibère César* của Đế-Quốc Roma (La-mã) xuất hiện ra một người tên là *Jean Baptiste*, giảng đạo trong Sa-mạc Judée. *Jean* mặc áo bằng lông lạc-đà, thắt một giây nịt da, ăn châu-chấu và mật ong. Dân kinh-thành Jérusalem, dân cả xứ Judée và các xứ kế- cận thường đến nghe *Jean* giảng-đạo và *Jean* làm phép rửa tội cho họ bằng nước sông *Jourdain*. *Jésus* từ *Galilée* cũng đến sông *Jourdain* để cho *Jean-Baptiste* rửa tội. Nhưng *Jean* bảo: « Đáng lẽ Ngài rửa tội cho tôi, sao Ngài lại bảo tôi rửa tội cho Ngài? »

Jésus muốn để *Jean* rửa tội cho mình, và *Jean* cũng làm theo, *Jésus* xuống sông *Jourdain* để chịu phép rửa tội của *Jean* xong rồi *Jésus* bước lên bờ thì cửa trên Trời bỗng dựng mở rộng, Chúa-cha từ trên giáng xuống như một con chim bồ-câu trắng, đến gần *Jésus*, và phán rằng: « Người này là con

yêu-quý của ta. Ta âu-yếm nó lắm ».

Thiên-Thần bèn đưa *Jésus* vào Sa-mạc để thử thách cho con Quỷ Satan cảm dỗ. *Jésus* nhịn đói 40 ngày và 40 đêm, Quỷ Satan bảo: « Nếu người là con của Chúa Trời, thì hãy làm phép linh cho đá biến thành ra bánh mì đi! »

Jésus đáp: « Người không phải chỉ sống bằng bánh mì mà thôi, người còn sống bằng lời nói do từ nơi miệng (hứa nói ra). »

Jésus bảo con quỷ: « Satan, mi hãy lánh xa! Mi phải thờ Chúa là Chúa của mi, và mi phải phụng-sự một mình Chúa mà thôi. »

Kể đó, được tin *Jean Baptiste* bị nhà Vua bắt bỏ tù và giết chết, *Jésus* bèn trở về *Galilée*. Người từ-gia thành-phố *Nazareth* đến ở tại *Capernaum*, gần bờ hồ, trong đất *Zabulon* và *Nephtali*. Từ đó, *Jésus* đi truyền đạo khắp nơi ở vùng *Galilée*, chữa khỏi tất cả các thứ bệnh và các thứ tàn tật cho dân chúng. *Jésus* còn làm nhiều phép linh khác: như làm cho người chết sống dậy, làm êm cả gió bão, v. v... Tiếng-tâm của *Jésus* lừng lẫy qua tận xứ *Syrie*, và dân chúng theo ông rất đông ở *Galilée*, *Décapole*, *Jérusalem*, *Judée*, sang cả bên kia sông *Jourdain*.

Jésus truyền-giáo trong thời

gian gần 3 năm, và cho các tín đồ biết rằng Người là con của Chúa Trời và hiện thân của Chúa-cha, là xương là thịt của Chúa, là Chúa của loài người và của muôn loài.

Jésus có 12 đệ-tử thân-tín nhất mà Người truyền cho các phép xua-đuổi tà ma, chữa khỏi các bệnh tật, làm cho người chết sống dậy, làm cho người cùi hết cùi v.v...

— 12 vị đệ-tử ấy tên là gì, hả Minh?

— *Pierre, André*, em của *Pierre, Jacques*, con của *Jébédée, Jean*, em của *Jacques, Filipe, Barthélemy, Thomast, Matthieu, Jacques* con của *Alphée, Thaddée, Simon, Judas Iscariot*. *Judas Iscariot* người thứ 12, về sau sẽ phản bội *Jésus*.

— Những phép hèn-linh của Chúa *Jésus* và của 12 đệ-tử có thật hay là không?

— Những phép màu-nhiệm của Chúa *Jésus* đều có chép rất nhiều trong kinh Thánh. Ngoài ra, không thấy sử-sách nào nói đến. Thời bấy giờ chỉ có nhà viết sử la-tinh là *Suetonius* có nói sơ-qua về một người truyền giáo ở Judée tên là *Jésus Christ*. Nhà Sử-học *Tacite* cũng có chép tên của *Jésus*, một vị tu-sĩ ở *Galilée*, mà không nói gì về lịch-sử và sự-nghiệp của Người..

— Minh nói Jésus truyền-giáo trong khoảng 3 năm rồi sao nữa ?

— Một số đông theo Người, nhưng cũng có một số thù-ghét muốn hại Người, Đó là một giáo phái Do-Thái, gọi là *Pharisiens*. Bọn này làm bộ ăn ở có đạo-đức lắm, luôn luôn tuyên-bố là theo Luật-pháp của Moïse, nhưng chỉ là những kẻ đạo-đức giả. Bề ngoài thì chúng mặc áo thầy tu nhưng bên trong thì có đủ các tật xấu, và thấy Jésus tự xưng là hiện-thân của Chúa-Trời, là con của Chúa-Cha, thì bọn *Pharisiens* không tin, cho là Jésus nói khoác và nói như thế là phạm tội xúc-phạm uy-quyền thiêng-liêng của Chúa-trời.

Lần cuối cùng, Jésus trở về Jérusalem, thì Judas, người đệ-tử thứ 12, thông-đồng với bọn *Pharisiens* để bắt Jésus giao cho họ. Bọn *Pharisiens* trả công cho Judas 30 đồng bạc để làm việc phản bội ấy. Bọn *Pharisiens* nhất định đưa Jésus ra tòa-án để xử tội, Tòa-án Do-Thái (*Sanhédrin*) ở Jérusalem do quan tòa *Caiphe* chủ tọa buộc tội Jésus Christ : « mạo nhận là con của Chúa trời, xúc phạm Chúa-Trời », và kết-án tử-hình. Bản án này còn phải đưa lên viên Thống-Đốc của chánh-quyền Roma để xử lại, vì thời buổi đó đế-quốc Roma (La-Mã) lan rộng đến các miền Cận-Đông và Trung-Đông. Viên Thống-Đốc tên là *Ponce Pilate* coi hết hồ sơ rồi phê rằng Jésus Christ chỉ hoạt - động phiến-

loạn về chính-trị, nên chỉ đánh vài roi rồi tha. Nhưng bọn *Pharisiens* nhất định đòi xử tử Jésus. *Ponce Pilate* (tên latin là : *Pontius Pilatus*) bèn lấy nước rửa tay trước mặt tòa-án và công chúng, rồi bảo : « Bàn tay của tôi không dính máu của người vô tội này ! ». Xong y đánh Jésus mấy roi rồi giao cho công chúng đem Jésus đi đóng đinh trên cây thập-ác. Quân lính của *Pilate* và công-chúng *pharisiens* bèn cởi hết áo quần của Jésus, chỉ khoát cho Người một chiếc áo đỏ. Họ lấy gai kết thành một vòng đội trên đầu Jésus để chế nhạo Người trước khi đem đóng đinh trên cây thập - ác. Họ đưa Jésus trèo lên đỉnh gò *Calvaire* (tiếng Do thái gọi là gò *Golgotha*), một gò đá sỏi gồ-gề, nơi xử tử các tội nhân, ở ngoại-ô kinh-thành Jérusalem. Cùng bị xử-tử một lượt với Jésus, có hai kẻ tướng cướp cũng bị đóng đinh trên hai cây thập-ác, bên phải và bên trái Jésus.

Tối hôm đó, sau khi Jésus chết rồi, có một người tên là Joseph, cũng một tín đồ của Jésus, đến *Ponce-Pilate* xin phép đem xác của Jésus đi chôn...

— À, Minh, còn 12 ông Đệ-tử kia đi đâu ?

— Trong 12 Đệ-tử, một người là Judas phản bội trước nhất, còn 10 người thấy Chúa Jésus của họ bị bắt, họ bỏ roi Chúa và

đi trốn tất cả. Chỉ còn Pierre ở lại để coi tòa xử, nhưng ba lần trong đêm ấy người ta hỏi ông về Jésus, ba lần ông đều chối dãi và trả lời : « Tôi không biết người đó là ai ! ». Rốt cuộc, sau khi Jésus chết, một tín-đồ tên là Joseph lãnh xác Chúa đem chôn trong một cái huyệt đục ngay trong hang đá, và lấy một hòn đá lớn lấp miệng hang lại. Bà *Maria*, Mẹ của Chúa Jésus, và một người đàn bà khác, tên là *Maria de Magdala*, ngồi đối diện với huyệt mà. Nhưng ba hôm sau thì Jésus sống lại. Mặt Đất rung-rinh... Một vị Thiên-Thần từ trên Trời đi xuống, hất tảng đá lăn ra để trống huyệt mà. Chúa Jésus hiện ra toàn thân như lúc còn sống, và trở về xứ Galilée...

Jésus sống lại được 40 ngày nữa, rồi Chúa về Trời, ngồi bên tay mặt Chúa-Cha. Jésus đã truyền đ. o cho các tín-đồ, nhân danh Cha, Con, và Thánh-Thần (*au nom du Père, du Fils et du Saint-Esprit*).

Lời cuối cùng của Chúa là : « Ta sẽ ở với các ngươi mỗi ngày, cho đến ngày tận-thế »

— Theo Minh, thì thần-thể của Jésus Christ như trong kinh-Thánh đã kể (*Matthieu, Jean, Luc, Marc, v.v...*) có đúng với Lịch-sử không? Có thể gọi là xác-thật được không?

— Anh không phê-bình. Anh chỉ thuật lại cho em nghe thân-

thể của Chúa Jésus đúng theo các *Evangiles*. Tối hơn là chúng ta đừng phê-bình. Đã bao nhiêu người thông-minh, tài-giỏi, các nhà triết-học, văn-học Thế-giới đã viết sách phê-bình, hoặc hoài nghi (như A. Kuyper, Bavinki, Schliermacher) hoặc công-kích, (như J. Hess, M. Goguel, Ernest Renan, Salvado, hoặc bài-bác (như Hippolyte Rodrigues, Hase, Schenkel, Keim) hoặc hoàn-toàn phủ nhận (như Arthur Diewes, v.v...). Cũng như với Phật Thích-Ca-Mâu-Ni vậy. Sự phê-bình các tôn-giáo theo khoa-học và lý-trí, đối với một số người, sẽ có thể đưa đến sự phủ-nhận tất cả các tôn-giáo. Nhưng chưa chắc sự phủ-nhận ấy sẽ có lợi-ích nhiều cho đời sống luân-ly và xã hội của loài người. Giáo-ly của Chúa Jésus đến nay đã sống được gần 2000 năm. Giáo-ly của Phật Thích-Ca đã sống được trên 2500 năm. Vậy, chúng ta cứ nên để yên tôn-giáo, để chứng-kiến và nghiên-cứu sự tiến-triển hay là sự thoái-hóa, hay là sự tiêu-diệt lẫn hồi của các giáo-điều. Thời-đại nguyên-tử lực và vệ-tinh nhân-tạo có lẽ sẽ xác-định trong một tương-lai gần-gũi, một vị-trí mới của các tôn giáo trong trí-óc và trong con tim của loài người chẳng ?

Có lẽ sự tin-tưởng nơi khoa-học càng ngày càng tiến-bộ của loài người sẽ làm giảm bớt, hay

là sẽ tăng thêm sự tin - tưởng nơi các tín-điều tôn-giáo chẳng? Loài người đang biến - hóa: chúng ta thật khó mà biết trước được sự biến-hóa ấy sẽ cấu-tạo bằng cách nào.

— Còn quan-niệm riêng của Minh đối với tôn-giáo như thế nào?

— Riêng anh hả? Anh thì còn phải học-hỏi, học-hỏi mãi... Tìm tòi học-hỏi cho hết cái kiếp này... đợi đến kiếp sau trở lại cuộc đời, sẽ nhiều kinh-nghệm hơn... rồi mới dám quyết-định lập-trường...

— Em thì tất cả mọi vấn-đề trên thế-gian, em muốn hiểu biết

cho hết nội trong kiếp này thôi. Rồi em bắt chước Nguyễn-công-Trứ:

« *Kiếp sau xin chớ làm người,
Làm cây thông đứng giữa trời
mà reo* »!

Ông Tú tùm-tùm cười:

— Nếu kiếp sau anh cũng hóa ra cây thông đứng bên cạnh cây-thông em, nghe em reo « *Mình ơi!* » cả ngày lẫn đêm, thì có... mà... mà... anh điên đầu!

Diệu Huyền

Công-ty TRẦN-V-TÁNH (Tévété)

Nhập-cảng và Sản-xuất dược-phẩm

136, Yên-Đồ — SAIGON

Đại-lý 2 viện Bào-chế:

— LABAZ

{ Bicarnésine
Citroflavonoïdes
Mérinax
Pyridoxine

— DIAMANT

{ Actidilon
Marzine
Néomycine
Hexacycline

SẢN-XUẤT

{ Tévéthiazol
Hépatomel
Polyvit. Ca
Pulmotan
Carditan
Glucocé

TAO-ĐÀN PHỒ-THÔNG

(Tiếp theo P.T. số 48)

MIỀN Nam lần lửa bảy niên-hoa,
Bướm quỳen mai vàng Xuân đầy a?
Mắt loé bao chùm hoa lá giả;
Tóc phờ một mái, tuyết sương pha.
Pháo không đi đệt, sao vang phổ l
Thơ chẳng hay ho, cũng rộn nhà l
Nào biết Xuân về, xuân ở mãi l
Hay rồi Xuân cũng lại mau qua?

ĐAM-NGUYỄN

Cựu Chủ-nhiệm Chủ-bút báo **Tâm Nguyên**
128/49 Trương-minh-Giang — Sài-gòn

MỪNG Xuân nở nước bướm hương hoa
Riêng khóc mùa Xuân chỉ có ta?
Son phấn chưa phai màu cát bụi
Tháng ngày còn nhuộm nét phong ba
Chân mây, áo chiến mờ sương gió
Cánh cửa, chân buồn đấm lệ hoa
Chinh chiến khơi chi nguồn khổ hạnh
Tiên sầu ta mượn khúc ly-ca.

PHẠM THỊ CẦN

(Giáo viên Trường Giồng-Trôm — Kiến-hòa)

RỢC rờ vườn xuân đủ thức hoa,
Tươi màu đua nở đón xuân hòa.
Khoe-khoang áo mới, vui đoàn trẻ,
Mang-máng tình xưa, bận nỗi già!

Thương kẻ dầy công lo mỗi nước,
Hồn ai công rấn cái gà nhà !
Mừng dâng chén rượu non sông mới,
Khúc thái-bình xuân thủy hợp ca.

THƯỜNG-TIÊN

(Nam Phong thi xã — Saigon)

T HỀ M Lạc, vườn Hồng, trái gấm hoa,

Hơi xuân đầm ấm khí dương hòa,
Hồi chuông trù tịch, khai đời mới,
Tiếng pháo nghinh niên, cõi lớp già.
Phong tục Mỹ-Âu, phong tục khách,
Nước non Nam Bắc, nước non nhà,
Đồ-tô cắt chén mừng giai tiết,
Ngừng bút chờ ngâm khúc hải ca.

THUẦN-ĐỨC — (Giadinh)

M ỪNG xuân nô nước bướm hương hoa,
Tết nhứt thôi đừng giọng oán ta.
Một khắc ngàn vàng nên luyện tiệc,
Năm châu chung chợ gắng bốn ba.
« Phở-thông », thức tỉnh hồn non nước,
Văn-hóa nêu cao giá ngọc-ngà.
Năm mới mong sao ngày mới mới,
Trời Nam vang dội khúc thiều-ca !

An-đình TRẦN KINH — 4811, Lê-lợi — Huế
(Hương - Bình Thi xã)

M ỪNG xuân nô nước bướm hương hoa

Thiếu bạn riêng ta biếng nhăm trà
Loạt pháo giao thừa canh rộn rã
Đoàn quân cổ quận dặm bốn ba,
Nghinh xuân thương kẻ dầm sương tuyết
Khai bút phiên ai đoạn ruột rà ?
Canh Tý vừa lui Tân-Sửu đến
Gó sừng ngâm khúc hải hoàn-ca !

Bà THƯỜNG-LẠC (Nam-Phong Thi-xã — Saigon)



TRUYỆN DAI NGOẠI QUỐC
RÚT NGẮN 4 KỶ ĐĂNG HẾT

Người lữ hành
C Ô Đ Ô C
(l'homme qui
voyagea seul)

Constant-Virgil Gheorghiu
* HOÀNG-THẮNG lược-dịch

Constant-Virgil Gheorghiu là nhà văn Roumanie (hiện nay nước Roumanie đang bị nước Nga cộng-sản hóa), đã viết cuốn *Giờ thứ 25 (la ving-cinquième heure)* cùng cuốn *La seconde chance*. Hai cuốn này đã được dịch ra nhiều thứ tiếng và được hoan nghinh nhiệt liệt.

MÁT dẫm lẹ, tay phải giữ chặt cổ xe ngựa như muốn nếu không cho nó chạy, người đàn bà nức nở nói :

— Mẹ tin rằng con sẽ thành-công con ạ.

Traian Matisi ném va ly lên xe, mỉm cười đáp :

— Vậy tại sao mẹ lại khóc khi mẹ tin rằng con sẽ thành-công ?

Bên cánh cửa xe, cha của Traian — mục sư Isvor, ba cô em gái và Nicolas, đứa em trai đều đứng im lặng.

Traian nói thêm :

— Con tới trường Đại học Bucarest chứ có phải đi tới tận cùng trái đất hoặc ra mặt trận đấu mà mẹ khóc.

Nói xong, Traian Matisi hôn tay cha mẹ, Ông bà mục-sư cũng hôn đáp lại nơi trán con trai. Ba cô em gái nhỏ phải nhón đầu ngón chân cho cao lên để hôn vào má bên phải người anh lớn. Nicolas, đứa em út mới lên mười cũng được Traian hôn má bên phải để từ già.

Traian Matisi nhảy lên xe. Grigore, tên người làm vội lấy roi vạt túi bụi dấm vắt, ngỗng và gà tây đang đứng tụ tập dưới gầm xe rồi ra roi cho ngựa chạy tới nhà ga.

— Xin từ biệt mọi người. Hẹn ngày lễ Giáng-sinh, Traian vẫy tay nói.

— Nhớ giữ lời hứa nghe con, bà mẹ nói với theo.

Traian Matisi vẫn hằng ôm mộng sau này sẽ trở thành một vị mục sư — như cha chàng và các bậc tiền nhân đã khuất—nơi miền Moldavie phía Bắc, dưới chân núi Carpathes. Nhưng đời sống càng ngày càng trở nên khó khăn. Nơi đây đất cằn cỗi. Khí hậu khô khan. Mọi người đều nghèo khổ. Traian phải chọn một nghề khác thích ứng hơn. Bởi vậy anh phải ghi tên vào trường Đại học để sau này trở nên một giáo sư.

Trong thời gian theo học, anh phải sống tự-túc. Cha anh vì quá nghèo nên không thể giúp anh được. Ông còn phải nuôi bốn đứa nhỏ cho chúng đi học.

Traian tới trường Đại học với bao nỗi hy vọng. Khoảng thời gian theo bậc trung học anh đã từng xuất bản hai tập thơ : *La vie quotidienne du poète* và *Croquis* cùng cộng-tác với nhiều tạp-chí văn chương ở thủ-đô Bucarest. Anh tin rằng, với tên tuổi anh đã chiếm ngự được trên văn-đàn, anh có thể tìm được một chân biên-tập viên một nhật báo ở thủ-đô để có tiền sinh sống trong thời gian theo học.

Xe ngựa phóng nhanh qua làng. Con đường vắng không một bóng người. Vì đất quá xấu, dân làng phải tới làm lụng tận miền Moldavie phía Nam. Đàn ông đàn bà, trẻ con cùng xe cộ đều đi hết, chỉ còn lại ở nhà những người già cả ốm yếu.

Cổ xe ngựa chạy gần tới căn nhà cuối cùng của làng Isvor. Căn nhà của ông giáo sư cũng giống như căn nhà của cha mẹ Traian : tường trắng, lan can bằng gỗ, những cành hoa leo nơi cửa sổ và trước cửa nhà có cái giếng.

Cô Marie, con gái giáo sư, mặc chiếc váy màu xanh đang đứng chờ bên bờ giếng. Cô gái đã được Traian nói cho hay sáng nay anh sẽ đi Bucarest nên nàng đứng đợi để tiễn bạn.

Marie theo học ở Kichinev, nơi đó, Traian đã học tám năm. Chỉ một năm nữa thôi, nàng cũng theo đủ chương trình học. Tại Kichinev, họ thường gặp nhau vào ngày chủ nhật.

Khi xe ngựa đi ngang qua nhà Marie, Traian nói vọng vào :

— Marie, tôi sẽ gửi địa chỉ nơi tôi ở về khi tôi tới đó. Nhờ Marie gửi lời chào hộ tôi cho Kichinev và cả miền Bessarabie thân mến. Hẹn gặp nhau vào ngày

lễ Giáng sinh,

Xe ngựa vút chạy. Traian quay đầu lại nhìn lần cuối. Hàng cây lớn đã che khuất căn nhà, chiếc giếng cùng cô bạn gái. Đường bắt đầu xuống dốc. Nhà ga nhỏ hiện ra với dãy tường trắng, mái ngói đỏ. Nơi đây, mỗi ngày chỉ có một chuyến xe lửa gồm một đầu tàu và ba toa hành khách tới hồi sớm mai và khởi hành lúc buổi trưa. Dù biết còn sớm thì giờ, Grigore cũng cho ngựa phi nước đại. Hắn nói : « Khi cậu trở về thì tuyết đã rơi rồi. Tôi sẽ ra ga đón cậu bằng xe trượt tuyết ».

Khi Traian và Grigore xếp đồ đạc vào trong toa xe thì Nicolas, mặt đỏ gay, cười ngựa không yên hiện ra bên cửa toa. Chú bé mang cho anh gói bánh của bà mẹ làm để anh ăn dọc đường.

Tàu chuyên bánh, Traian đứng nơi cửa sổ nhìn đứa em và Grigore mờ dần về phía làng Isvor.

Anh quay vào ngồi trên băng gỗ và nhìn chung quanh. Trong toa anh ngồi và cả chuyến xe không có một người nào cả. Traian Matisi đi có một mình.

TRAIAN chợt thức giấc. Ngoài trời, tuyết rơi lả tả. Căn buồng anh ngủ có bốn chiếc

giường. Giường của anh kê phía trong cùng, sát tường. Mỗi ngày, khi mở mắt, anh thấy ba chiếc giường phía ngoài trống trơn. Mấy người bạn đã tới trường.

Sáng nay ba người bạn học vẫn còn ở trong phòng. Họ đang thu xếp quần áo để đi nghỉ lễ. Thấy Traian còn ngủ, mấy người chỉ nói chuyện thì thầm. « Bây giờ ở quê tôi tuyết dày tới một thước rồi, người nhà phải lấy xe trượt tuyết đi đón tôi ».

Traian chợt nghĩ tới lời hứa của Grigore khi anh ra đi. Hẳn cũng sẽ đón anh tại nhà ga bằng xe trượt tuyết. Miền Isvor cũng có nhiều tuyết. Ở Bucarest mới có tuyết rơi hồi sáng. Nhìn những bông tuyết nhẹ rơi Traian nghĩ tới quê nhà.

Anh đã ở thủ đô bốn tháng rồi. Những điều anh mong ước khi mới ra đi đều thành sự thực cả. Ngoài sự học hành anh còn làm biên-tập-viên cho báo *La Roumanie*. Nơi anh ở, tới nửa đêm thì đóng cửa, không có một sinh viên nào được phép về sau giờ đó. Riêng anh được giữ một chiếc chìa khóa để về ngủ vào lúc năm giờ sáng (anh phải làm việc khuya ở tòa báo) với điều kiện không được làm mất giấc ngủ của các bạn khác.

Sáng nay anh lại được ông giám đốc nội trú cho hay anh sẽ được một căn phòng riêng biệt. Đã lâu rồi anh hằng mong được vậy. Bốn tháng qua, khi trở về, anh phải đi nhẹ bước, thay quần áo trong bóng tối. Giờ đây anh có quyền bật đèn để đọc báo, được thay quần áo dưới ánh sáng, còn gì thú hơn nữa.

Traian tới tiệm bán đồ « bên đạo » đặt mua chiếc áo dài thầy tu để làm quà ặng mục sư d'Isvor. Cha anh chỉ có một chiếc đã quá cũ tới mười năm. Nghĩ tới mẹ già, mồm đã rụng hết răng, trong bữa cơm chỉ dám ăn ruột bánh mì hoặc thức ăn phải dúng vào nước chè, anh tiếc không thể mua một bộ răng giả để tặng mẹ được. Anh thầm nghĩ: « Một ngày nào đó mình phải mời bà già lên Bucarest trông hăm răng giả mới được ».

Sau đó Matisi tới quận cảnh sát để lấy tin tức, Tại đây anh gặp bốn người bạn cùng nghề đang đợi anh. Năm người vào phòng báo chí cảnh sát cuộc chép tin lật vạt đã xảy ra hồi đêm rồi gọi điện thoại tới sở cứu-hoả, nhà thương, nhà xác để hỏi thêm tin. Xong việc, mọi người chia tay về tòa-soạn.

Vào giờ này không có ai ở tòa

soạn trừ ông Chủ-Nhiệm và người tùy phái. Nơi đây chỉ thật sự hoạt động vào buổi chiều.

Sau khi trao bản tin cho ông Biciola — chủ bút tờ báo, Traian xin phép nghỉ lễ để về Isvor.

— Trời! một phóng viên nhà báo mà lại xin nghỉ vào dịp lễ ư! Anh định nói khôi hài đấy à? Ông Biciola trợn trừng mắt nói, « Tôi chưa từng thấy chuyện đó từ khi có nghề làm báo tới giờ ».

Traian muốn khóc cho vợ nổi uất ức. Anh nghĩ tới chiếc áo dài mới định mang về biếu cha già, anh nghĩ tới lời hứa với mẹ, tới Grigore, tới Marie. Ngày mai mọi người hân hoan chờ đón anh. Vậy mà giờ đây, anh không có quyền được nghỉ. Anh phải làm việc trong khi người khác được nghỉ.

Ông chủ bút vỗ vai an ủi anh:

— « Thôi anh đừng có buồn, sau ngày lễ anh sẽ được nghỉ phép. Tôi lấy danh dự mà nói với anh như vậy ».

NOEL trôi qua. Traian Matisi sửa soạn để về Isvor. Lúc này anh mới thấy rằng anh không thể bỏ bê tờ báo trong những ngày đó.

Trước khi về anh phải viết một

bài về mục văn chương cho báo kịp lên khuôn hồi đêm. Tuần này người ta kỷ niệm ngày chết của thi sỹ Alexis Mateevici, người miền Bessarabie. Traian viết về ông ta.

Sau đó anh tới quán cà-phê Royal. Nơi đây mở cửa suốt đêm. Những thông-tin-viên các báo ở thủ đô đều có mặt tại đây để hỏi thăm tin tức lẫn nhau.

Traian cảm thấy mệt mỏi nhưng thích thú. Anh nghĩ tới cuộc hành trình sẽ khởi hành sáng mai về Isvor. Một chú bé bước lại cho hay ông giám-đốc kêu điện thoại gọi anh. Mấy người bạn vội im lặng chờ đợi. Traian cho hay, ông giám-đốc kêu về tòa soạn gấp nhưng chưa biết là có việc gì.

Thường thường, không còn có ai ở tòa báo nữa. Lúc này Matisi thấy đầy người. Một người bạn cho anh hay tin quân Nga đã chiếm đóng miền Bessarabie. Theo hiệp ước Đức-Nga, miền Bessarabie đã nhượng lại cho Nga. Quân đội Roumanie đã nhận được tối-hậu thư của chính phủ Xô-viét then phải rút khỏi miền này trong ba ngày. Đám tang quốc-thê đã được công bố. Tất cả những nhà thờ đều cho đồ hồi chuông tang trong ba

ngày...

Trong thời gian tám năm ở Kichinev, Traian đã chứng kiến hàng triệu người Nga tỵ nạn vượt qua sông Dniester lạnh buốt, dưới làn lửa đạn liên thanh để trốn ách cộng sản. Giờ đây sự khủng khiếp đó sẽ bao trùm cả miền Bessarabie, Kichinev, Soroca, Tighina. Sự khủng khiếp bao trùm khắp chỗ. Matisi hiểu rõ lắm. Chỗ nào có bọn Sô-viết, chỗ ấy sẽ có sự khủng khiếp.

Traian nghĩ tới những người bạn của anh còn ở Kichinev. Marie, chị gái của anh cũng đang học ở Kichinev. Họ sẽ ra sao khi bọn cộng sản tới?

Matisi trở lại quán cà phê. Trẻ con đã rao báo sớm ngoài đường. Anh mua một tờ *La Roumanie*. Nơi trang nhất được đóng khung đen, đầu trang là bài thông điệp tuyên bố nhượng miền Bessarabie bằng chữ tit lớn, tiếp tới bài nói về nhà thơ Mateevici.

Traian đọc: *Mỗi chiều từ má lên gối tôi tưởng như tôi áp má trên miếng đất của miền Bessarabie, êm dịu như ruột bánh mì và tôi cầu nguyện cho nó*

Traian không còn can đảm để đọc tiếp được nữa. Nước mắt ngập tràn mi, anh trở về trung tâm

sinh viên đường họa sĩ Grigoresco. Anh chợt nghĩ tới quyết định trở về Ivsor lúc bảy giờ, nhưng anh thấy không thể nào về lúc này được.

CÁI đêm nhượng đất Bessarabie cho quân đội Sô-viết, tất cả những chuyến tàu đều dành cho sự di-chuyển, rút khỏi khu vực bị chiếm đóng. Điện thoại, điện tín đều bị kiểm soát.

Ít hôm sau, Traian nhận được tin tức ở Ivsor. Marie cùng chị ruột Traian đã về tới nhà bình yên. Bucarest đầy người di-cư. Traian vẫn tiếp tục đi học và làm báo.

Một buổi anh đang làm việc ở tòa soạn thì có hai người lính mang giấy gọi nhập ngũ. «Tôi là sinh viên. Tất cả những sinh viên đều được hoãn dịch để tiếp tục học. Tôi còn được hoãn mười năm nữa. Chắc là có sự lầm lẫn đây», Matisi nói. Hai người lính cho hay chỉ biết tuân lệnh trên trao giấy cho anh mà thôi.

Ông Biciola vợ điện thoại ngay cho người biên tập quân sự tờ báo hay chuyện của Traian. Người này vợ hỏi nơi bộ tham-mưu quân đội. Nơi đây cho hay tất cả những sự hoãn dịch đều hủy bỏ. Mọi

giấy nghỉ phép cũng bị thu hồi. Matisi đành đánh điện tín về cho nhà hay anh phải nhập ngũ ở Brasov, một tỉnh miền núi, cách Bucarest 300 cây số cùng gửi bảo đảm chiếc áo dài về cho cha.

Chiều hôm đó, Traian đáp xe lửa đi Brasov. Từ lúc nhận tờ giấy vàng gọi nhập ngũ, Traian có cảm tưởng anh không còn là của anh nữa. Giờ đây con người anh đã thuộc về những người khác rồi.

CHUYẾN xe lửa đi Brasov khởi hành vào lúc nửa đêm. Matisi cảm thấy sợ hãi khi ở trong trại lính một năm đồng. Anh nghĩ tới câu đã học ở nhà trường: «Nhập ngũ là một vinh dự đối với Tô-Quốc, chỉ có những kẻ hèn nhát mới trốn tránh nhiệm vụ», anh mới yên tâm.

5 giờ sáng, xe lửa tới thành phố Brasov. Traian thuê xe taxi tới trại lính trình giấy gọi nhập ngũ. Trong phòng đợi đã có ngoài mười người đứng chờ. Họ toàn là người miền quê. Chỉ riêng Traian là người thành thị.

Một giờ sau, đám thanh niên đứng xếp hàng hai. Một viên đội biên tên họ, những người đứng trình-diện. Viên đội trao cho

mỗi người một bộ quần áo nhà binh, đôi giày đinh. Traian nhận được những quần áo chật hẹp, bẩn thỉu, giày hư. Sau đó, mọi người phải cắt tóc. Trong lúc chờ đợi, Traian nhận được thêm một chiếc chén. Matisi, tay phải giữ quần áo, giày, tay trái cầm chiếc chén. Một hỏa-dầu-quân rót nước chè vào chén của anh. Nước chè nóng và mùi của nó giống như nước rửa bát. Traian muốn nhổ đi nhưng lại không dám. Anh đành ngậm trong miệng, không dám nuốt.

— Trong khi uống nước chè hãy cắt kính đi, viên đội hét lên, bộ chú mày phải cần có kính để uống chè à?

Tất cả đám thanh niên cười rộ lên. Viên đội dặt chiếc kính của Traian ném vào chén nước. Vì bị cận thị, không có kính nên Traian không nhìn rõ được mọi vật. Anh định đặt chiếc chén xuống đất để nhặt kính lên thì viên đội hô lớn: «Đứng nghiêm!» Một sỹ-quan bước vào, hỏi Traian Matisi đã tới chưa. Traian không nhìn rõ mặt viên sỹ-quan mới tới. Anh chỉ nhìn thấy lơ mờ người chỉ huy tiến lại phía anh. «Việc gì đã xảy ra vậy thầy

đội », viên sỹ-quan hỏi. Ông tháo găng tay, nhặt chiếc kính trong chén ra, lấy khăn tay lau sạch nước.

— Thầy đội hãy cầm lấy đồ quân trang cho ông Matisi, viên sỹ-quan ra lệnh, rồi tự giới thiệu với Traian ; tôi là thiếu-úy Aurel Marin.

Thiếu-úy Marin bắt tay Traian rồi bảo viên đội : « Ông Traian Matisi là bạn cùng học với tôi ». Trong phòng im lặng hoàn-toàn. Viên đội tái xanh mặt. Nhìn thấy đồ quân trang của Traian quá cũ, thiếu-úy Marin truyền viên đội phải đổi lấy thứ mới.

Viên thiếu-úy kéo Traian ra ngoài, đi vòng sân trại chơi như một người bạn : « Tôi thành thật cảm ơn anh đã viết về những cuốn sách của tôi. Đã nhiều lần tôi muốn viết thư cho anh, nhưng tôi lại ngại. Sáng nay, nhìn bản danh sách những người mới tới trình diện, thấy có tên anh tôi vui mừng quá.

Lúc này Traian mới biết viên sỹ-quan đó là thi sĩ Aurel Marin, tác giả nhiều tập thơ mà anh ưa thích. Anh cũng có phê bình, khen ngợi trên báo.

Viên sỹ quan khuyên Traian nên làm đơn xin chuyển chuyên

về Bucarest thì hơn. Ông lấy giấy bác-sĩ cho phép Traian khỏi cắt trực cùng cấp giấy nghỉ phép ba ngày để về thủ đô vận động. « Anh quen nhiều chỗ, như vậy công việc sẽ nhanh chóng hơn », Marin nói.

Traian Matisi nghĩ tới sự quen biết của anh ở Bucarest không ngoài mấy ông quận trưởng cảnh-sát, nhân viên cứu hỏa, nhà thương, nhà xác. Những người này chẳng giúp anh được. Chỉ còn có Biciola. May ra ông ta có thể giúp anh được.

Ngay buổi chiều, với tờ giấy phép nghỉ ba ngày, Traian đáp tàu về Bucarest.

MATISI ở trong quân ngũ đã được ba tháng. Cứ đúng năm giờ chiều anh lại đón xe lửa về Bucarest, tới tòa soạn làm việc. Anh không làm thông-tin-viên nữa, mỗi ngày anh viết một bài về tin tức thời sự. Đúng 11 giờ rưỡi khuya, anh đón chuyển xe điện số 6 chạy tới nhà ga, đón chuyển xe lửa đi Brasov và đúng 5 giờ sáng hôm sau anh đã có mặt trong trại lính.

Công việc anh nhờ ông Biciola giúp chưa có kết quả. Cứ mỗi

lần trao bài trước khi về anh lại nhắc ông ta nhớ gọi điện thoại cho bộ tổng-tham-mưu và ông Biciola lại hứa chắc khi anh về tới trại thì giấy gọi chuyển chuyên về Bucarest đã có ở trại rồi.

Giờ giấc hoạt-dộng của Traian đã được quy định rõ rệt. Năm giờ sáng có mặt ở Brasov lúc đó trời còn tối, mua một tờ báo. Lên xe buýt tới trại. Tập hợp, học quân sự : lý-thuyết lẫn thực-hành, ăn cơm trưa rồi lại tập. Năm giờ chiều đón xe về Bucarest. Viết bài báo, chờ 11 giờ rưỡi khuya đón xe điện ra ga để về Brasov đúng năm giờ sáng.

Bữa nay Traian chợt nhận thấy nơi trang nhất tờ báo có hình của mình. Anh được giải thưởng thi-ca về cuốn *Những bài thơ viết trên tuyết*. Masita cảm thấy sung sướng, vì giải thưởng này rất có giá trị. Anh định sẽ báo tin cho thi-sĩ thiếu-úy Aurel Marin hay nhưng ông ta đã nghe đài phát-nói hồi sớm rồi. Ông tỏ ý không vui khi có ý định cho Traian hay một tin không được vui vẻ trong lúc anh nhận được phần thưởng giá trị.

— Tiếc-lộ bí-mật quân sự sẽ bị án tù. Aurel Marin nói, nhưng

tôi cũng không dấu anh. Trong vòng bốn mươi tám tiếng đồng hồ nữa trung đoàn của chúng ta sẽ hành quân tới biên thù. Nơi đấy còn cực khổ hơn đây nhiều. Không ai được nghỉ phép. Không ai có thể xin chuyển chuyên được. Nếu trong vòng bốn mươi tám tiếng đồng hồ mà anh không có giấy gọi về Bucarest, thì anh không còn hy vọng gì nữa.

Matisi ngược nhìn giấy tường trại lính. Mọi lần, khi ở trên xe buýt bước xuống, anh nhìn nó bằng con mắt căm thù, bây giờ anh lại không muốn rời xa nó nữa. Thà ở Brasov còn hơn là ra biên thù. « Anh đi ngay bây giờ tới Bucarest đi, viên thiếu-úy nói thêm, cố tìm cách xin đổi gấp mới được. Ở trại đã có tôi khi anh vắng mặt ». Matisi lại hồi hả quay ra cổng trại. Đầu cúi xuống, chân bước vội vàng, trông anh không có vẻ một thi-sĩ mới trúng giải chút nào.

TRAIAN được giấy chuyển chuyên đúng lúc trung đoàn của anh ra đi. Anh lại trở về lưu xá sinh viên để ở. Anh tả lại sự thắng lợi của anh cho ông giám-

đốc lưu xá hay. “Đúng là một sự thăng lợi vĩ đại. Tôi đã tranh đấu như một cuộc chạy thi Marathon. Muốn tới đây tôi phải đi tới 60 000 cây số. Mỗi ngày tôi đi 600 cây và trong 100 ngày liền. 100 đêm vừa qua tôi chưa được ngủ trên giường, 100 đêm vừa qua tôi nằm ngủ trong toa xe lửa. Giờ đây tôi đã tới đích. Tôi sẽ tiếp tục học cùng viết báo.”

Cầm chìa khoá phòng ngủ, Traian thấy dễ chịu. Hôm nay anh mới được đặt lưng xuống chiếc giường êm ấm. Không cả thay quần áo, anh mặc nguyên bộ quân phục nằm dài trên giường. Chợt nghĩ tới ông Biciola anh vụt nhồm dậy. Anh phải tới tòa soạn báo tin cho ông ta hay anh đã được đổi về Bucarest.

Tới nơi anh thấy có lính gác ngoài cửa nhưng anh cũng không chú ý tới. Thấy anh vào, ông Biciola hỏi anh muốn gì. Traian hỏi khỏe, anh định kể lẽ giài dòng thì ông này vội khen anh cùng nói thẳng không cần tới anh giúp tờ báo nữa. Traian ngạc nhiên không hiểu. Ông giám đốc chính trị cho anh hay tờ báo *La Roumanie* đã bị đình bản. Giờ đây quân đội tới chiếm đóng tòa soạn. Traian chợt nhớ hồi sáng anh được tin nhà

vua đã thoát-vì, và rời khỏi nước rồi. Một cuộc cách mạng mới nở bùng. Tờ *La Roumanie* theo đường lối bảo-hoàng nên đã bị đình chỉ ấn-hành.

Traian trở về than thở cùng ông giám đốc lưu-xá: « Tôi đã đi 60.000 cây số để tới được Bucarest thì tờ báo không còn nữa. Giờ đây tôi thất nghiệp rồi. Như vậy sự chiến thắng của tôi nào có ích gì.»

— Hãy can đảm lên. Tôi biết anh có tài. Tôi sẽ giới thiệu anh làm ở đài phát thanh, ông giám đốc khuyến nhủ Traian.

— Can đảm ư? Tôi sẵn có, tôi cần phải có để tìm một việc làm khác. Nói xong, Traian xin phép về phòng nghỉ. Lần này anh đã thiếp đi trong cơn mệt nhọc vì làm việc quá độ.

VÀ I tuần sau Traian làm thêm ở đài phát thanh, Chiếc chìa khóa ở lưu-xá anh vẫn dùng để mở cửa buồng lúc năm giờ sáng khi anh ở tòa soạn về, giờ đây anh lại dùng để mở cửa đi tới đài phát thanh làm việc. Nhiều lúc anh thường mỉm cười nghĩ ngợi « Số mình phải có mặt ở ngoài đường vào lúc năm giờ sáng dù là đi hay về ».

Mỗi buổi sáng, đúng 6 giờ 30, Traian bắt đầu đọc bản tin thứ nhất, *Đây là đài phát thanh Roumanie — đài phát thanh Bucarest kính chào quý bạn thính giả*, Sau buổi phát thanh, Traian tới bộ tổng tham-mưu.

Cũng như ở đài phát thanh, khi Traian tới trại cũng phải đúng giờ, không được chậm một phút. Chậm một phút sẽ bị giam 24 tiếng đồng hồ, 24 tiếng đồng hồ bị giam nghĩa là phải vắng mặt ở đài phát thanh. Nếu vắng mặt ở đài thì có nghĩa là bị nghỉ việc. Khi nghỉ việc rồi thì sẽ thất nghiệp, không có tiền để tiếp tục sự học.

Trước công bộ tổng tham mưu, viên điểm trưởng xét giấy chứng minh thư của Traian. Hẳn nhìn chiếc ảnh dán nơi giấy rồi dơ cao đèn nhìn tận mặt Traian xem ảnh và người có giống nhau không? rồi mới cho vào.

Trong khi chờ giờ gọi đi gác, Traian mang súng ra lau chùi cẩn thận rồi mới ngã lưng nằm nghỉ chút xíu. Anh dờ lá thư của ông giám đốc đài phát thanh ra coi và được biết tại đây, mời anh tới có việc trước buổi trưa.

Có lệnh gọi tập hợp, khám súng và đi gác. Traian phải gác trước phòng để máy in dưới hầm.

Nơi đây không ai có quyền ra vào dù là sỹ quan. Khi muốn vào buồng, một ban tham-mưu gồm nhiều sỹ quan cùng đến, phá con dấu chì cặp nơi khóa, vào trong làm việc, khi ra lại phải khóa cặp chì khác.

Nhìn cặp chì chỉ to bằng cái cúc quần, Traian khôi hài nghĩ mình đi lính là vì nó. Nhiều lúc anh muốn dứt vứt nó đi để xem sự việc sẽ xảy ra sao, nhưng anh lại sợ.

Anh chỉ còn một việc là chờ tới giờ có người lính khác tới thay anh để canh con dấu chì đó.

TỚI I trưa Traian lại đài phát-thanh tìm gặp ông giám-đốc. Khi đi qua hành lang anh gặp rất nhiều cô gái trẻ, đẹp. Không có ai biết anh tên là Traian Matisi cả. Họ có biết Traian Matisi viết ở báo *La Roumanie* nhưng lại không biết mặt.

Tới nơi anh được ông giám đốc tên Vasile Ionesco tiếp đãi niềm nở. Ông ta khen tài thơ của anh qua cuốn *Poème écrits sur la neige* rồi cuối cùng ông cho hay đã có người khác thay chỗ của anh để sáng sáng đọc bản tin tức đầu tiên.

— Tôi biết anh là một công dân Roumanie tốt, rất tốt, nhưng khi nói chữ « r » giọng của anh giống giọng nói của người Do-thái. Mà giọng nói Do-thái không thể có ở trên đài phát-thanh được.

Traian Matisi đành nhận nhục nhận tiền lương rồi ra về. Lúc này anh thấy không ai quen anh là may, nếu không anh phải chia tay với họ. Khi đi qua phòng phát thanh, nơi anh hằng ngồi, anh như muốn khóc. Thôi thế là hết, từ nay trở đi anh không còn gửi lời chào tất cả thánh giá thân mến nữa. Giờ đây anh chỉ còn có mỗi một nhiệm vụ : gác con dấu chì dưới hầm bộ tổng-tham-muru.

Dã bốn tháng trôi qua Traian chưa kiếm được một việc khác để làm. Anh không còn tiền để mua thuốc lá hoặc mua thêm bánh. Anh vẫn tiếp tục ngày ngày gác ở bộ tổng-tham-muru cùng tiếp tục học.

Khi ở trại lính về, anh thất-

thều bước, lòng chán nản. Một bàn tay đeo găng da đặt trên vai anh, ngược nhìn người lạ anh rùng mình sợ hãi. Anh vội đứng nghiêm chào và xin lỗi viên đại-tá Stankof. Ông ta là sỹ quan trưởng-phòng gián điệp bộ tổng-tham-muru. Đại-tá Stankof trách Traian tại sao không lại thăm ông, cùng cho anh hay ông đã chuyển sang phòng tuyên-truyền báo chí bộ Tổng. « Cơ quan của tôi rất cần anh vì tôi biết anh có tài. Phải cần tới 2.000 người mới đủ, nhưng tôi đã có tới non 2.000 rồi. Tất cả đều là con cháu những ông bộ-trưởng, đại-tướng, kỹ nghệ gia được gửi gắm để khỏi phải ra mặt trận. Bởi vậy tôi cần phải có thêm người có tài như anh để gánh chịu cho con số non 2.000 người vô dụng kia ... »

Traian run lên vì sung sướng. Anh thăm cảm ơn Thượng-Đế, đã giúp anh được trở lại nghề làm báo, khỏi phải đi gác con dấu chì cặp... (Còn tiếp)

Hãy đón đọc :

HIỆN TƯỢNG CHẬM TIẾN

Loại sách nghiên cứu Chân trời mới

• Nguyễn-Lương, Nguyễn-cao-Hách, Vũ-quốc-Thúc, Nghiêm-Đặng, Trần-văn-Minh, Nguyễn-như-Cương, Trần-văn-Kiện, Nguyễn-kim-Huân. Giá 50\$

THƠ NGOẠI QUỐC * THƠ NGOẠI QUỐC

la guerre

Seigneur ! qu'ils étaient beaux les champs dans le soleil.
Quand le soir grandissait l'attitude superbe
D'un travailleur dressant une à une les gerbes.
Avec leur ombre longue au ras du sol vermeil.
Seigneur ! qu'ils étaient beaux, les clos et les chaumières.
Et les jardins fleuris de maison à maison
Et les arbras marchants en rang vers l'horizon

Et s'enfoncent au loin dans l'or de sa lumière
Mais aujourd'hui, Seigneur, tout brûle au bout du monde.
Tout n'est que flamme errante et tonnerre chez nous.
Des sous-marins-sournois et des avions fous.
Ont ravagé les vents et saccagé les ondes...
Partout la mort immense et rouge se démène.

E. VERHAEREN

chiên tranh

Chúa ơi! Dưới ánh nắng vàng,
Cánh đồng đẹp đẽ huy hoàng xiết-bao!
Nông phu nâng ngọn lúa đào
Lớp này lớp khác ngạt-ngào hương thơm
Bóng người, bóng lúa, chấp-chờn,
Ngã xiêng xuống ruộng dập-dờn đò ỏi!
Mái tranh xinh lắm, Chúa ơi!
Từng nhà nhà một đóa cười-hoa-viên!
Hàng cây tăm-tắp tiến lên
Chân trời rực rỡ lặn chìm ánh dương!

Mà nay, hỡi Chúa, tang thương!
Xa xa rục rách, ruộng vườn ra tro
Đó đây lửa đỏ như lò,
Sấm đàu nổi dậy bo-phờ xú tời
Tàu bay điên-đảo khùng trời
Đao tìm-thủy-đỉnh lạng cười hiểm sâu
Ồi thôi! sóng gió ngập đầu
Bao nhiêu xác chết đỏ ngầu máu tươi!
Mệnh-mông dấy dựa, Trời ơi!

LƯƠNG-TRỌNG-MINH dịch

MỎ HÔI NƯỚC MẮT



NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P. T. 48)
TÓM TẮT KỶ TRƯỚC

Đề xa lánh người cha
ghẻ tàn bạo đã đánh đập
nàng và bắt ép nàng làm
nghề trụ lạc, Ánh bỏ nhà
ra đi giữa đêm hôm. Ánh
đến trọ nhà người cô ruột
ở xóm Bàn Cờ. Đề sống tạm
một thời gian, Ánh đi gánh
nước múc, kiếm đủ tiền
độ thân. Một hôm nhớ Má,
Ánh về An-Bình thăm Bà
Tr.

ÁNH hỏi:
— Ông Cai Mão còn
ở đây với Má không?

Chị Tư lặng thinh một lát mới
đáp:

— Còn.

— Con nói thiệt với Má, con
thương Má lắm. Nhưng ngày
nào cái ông ấy còn ở trong nhà này,
thì con không bao giờ về ở chung
với Má.

— Con đừng có nói vậy. Tuy ông là Ba ghẻ của con..

— Con xin lỗi Má, chớ con không có bà-con gì với ông hết.

— Ông cũng thương con, chớ có gì đâu. Tại gặp hồi ông say rượu, ông hay nói bậy bạ đó thôi. Con ở lâu mới biết tánh ông tốt.

Ánh nhoen một nụ cười chua chát :

— Trời ơi !..

Ánh nghiêm nét mặt, nói tiếp :

— Thừa Má, vì con nhớ Má quá nên con mới về thăm Má, chớ con không ở nhà này nữa đâu. Má cho con ở với Má một ngày rồi con lại đi. Con đi làm, chừng nào dành dụm được chút ít tiền, con sẽ đem về giúp Má. Bữa nay, Má có một thì con đi chợ về con nấu cơm cho Má. Con có tiền đây rồi.

Ánh đứng dậy đi quét nhà, lau dọn bàn ghế và làm công việc y như hồi còn ở nhà. Nàng coi ngó lại các vật dụng còn y nguyên từ lúc nàng ra đi, mỗi vật là bao nhiêu kỷ-niệm ! Nàng sắp đặt lại những đồ-đặc mà Má nàng để bữa bãi trên bàn hay trong các xo kệt. Nàng lấy chổi lông gà quét bụi trên bàn thờ ông Tư, Ba của nàng, và chạy ra chợ mua một bó bông huệ đem về

cắm trong bình và một nải chuối chín đặt trên đĩa, bên cạnh bát nhang. Nàng đốt đèn cầy, thắp nén hương, đứng cung kính trước bàn thờ, vừa vái vừa làm-bàn :

— Con lạy vong-linh Ba phù hộ cho Má con bình yên mạnh giỏi và con gái của Ba đừng gặp cảnh đau khổ. Ba thương con đừng để con bơ-vơ, tội-nghiệp con..

Nàng lau một ngón lệ rung rung trên mi mắt, rồi xuống bếp đun nước, pha một bình trà, rót vào một chén đặt trên bàn thờ. Ánh đứng dựa vào cột nhà, ngược mắt lên chăm chú nhìn bức ảnh của Ba và khóc nức nở. Nàng quý sục xuống đất lạy bốn lạy.

Bà Tư vừa ngồi lật rau, vừa nói :

— Ông biểu tao dẹp cái bàn thờ của Ba này, tao không dẹp mới còn đó.

Ánh tức giận nói mẹ :

— Dẹp cái bàn thờ của Ba con thì con về con đốt nhà ! Con nói trước cho biết.

Khói trà bay thoang-thoảng một mùi thơm dịu. Ánh cúi lạy một lần nữa. Xong, nàng xuống bếp lấy cái rổ, và bảo mẹ :

— Thừa Má, con đi chợ đây. Má. Bữa nay Má thích ăn gì.

Má nói con mua.

— Con muốn mua gì thì mua.

— Con biết má ưa ăn canh chua cá lóc, con mua cá lóc về nấu canh, nghe Má ?

— Ừ, lâu quá Má không ăn canh chua cá lóc.

Ánh đội nón mẹ, nhẹ nhàng xách rổ bước ra đường.

Chị Tư đứng trong bếp nhìn theo đũa con gái, yêu-kiều duyên-dáng, mà chị đã vắng bóng lâu ngày. Tuy là lâu ngày, nhưng thật ra chị tính lại cũng mới có bảy tám tháng thôi, thế mà bây giờ trông thấy Ánh như lớn hơn trước nhiều. Chị Tư không để con gái của chị mới hồi nào hầy còn như con-nít mà bây giờ đã có điệu-bộ thướt tha dịu-dàng, coi thiệt dễ ưa. Ánh mặc bộ đồ bà-ba đen càng làm nổi bật gương mặt trái xoan trắng mịn, với đôi má mơn-mỏn đào tơ. Cặp mắt dịu-hiền long-lanh như gợn sóng chiều thu, với bộ ngực nở-nang vun tròn, đôi bàn tay tuy làm-lụng vất-vả nhưng vẫn giữ được nước da trắng-trẻo với mấy ngón tay búp măng của cô gái thư sinh, Ánh đi đứng khoan-thai thùy-mị, nói-năng dịu-dàng. Lúc Ánh cười, đôi môi chỉ hé nở như một nụ hoa hàm-tiểu, tươi-

thắm yêu-kiều, mà lúc nghiêm-nghị thì phớt một vẻ buồn sầu-mơ-man-mác.

10 giờ Ánh đi chợ về, ngạc-nhiên thấy mẹ đi vắng, cửa khép không có ai coi nhà. Ánh ra sau bếp, đứng trong hàng rào phen hỏi qua hàng xóm :

— Thím Năm ơi, Mẹ cháu đi đâu, thím có biết không ?

Chị Năm Béo ở trong nhà nghe tiếng Ánh, liền cất lời hỏi :

— Cô Ánh về bao giờ đó ?..

Chị lật-đật chạy ra sân, vui mừng hỏi han :

— Cô Ánh mới về hả cô ?... Bà Tư đi chợ Cầu-ông-Lãnh, có dặn tôi khi nào cô về thì cô nấu cơm rồi trưa bà Tư về.

— Dạ, cảm ơn thím Năm nhé.

Ánh nói chuyện vui-vẻ với chị Năm Béo bên hàng rào, nhưng vẫn giấu không cho chị biết Ánh ở đâu và làm gì trong thời-gian qua. Một lúc Ánh vào bếp lo cơm nước, chờ Mẹ.

Bồng có tiếng người cha ghé về. Không ngờ gặp Ánh, Cai Mão trông thấy cô, đã niềm-nở :

— Ủa ! Ánh về hồi nào ?

Ánh chau mày làm thinh, cúi đầu làm cá. Cai-Mão đến gần hỏi:

— Anh đi đâu lâu quá vậy?

Anh nhất định không trả lời. Người cha ghé tiếp-tục hỏi dồn, giọng nói thân-mật đều-giã:

— Anh ở đâu, ở nhà ai, tôi biết rồi, nhưng tôi muốn chờ Anh về đây tôi nói chuyện cho Anh nghe. Anh đừng tưởng rằng tôi ghét Anh đâu nghe. Tôi thấy Anh cực - khổ tôi có lòng thương, tôi muốn giúp đỡ cho Anh đó chứ!

Anh vẫn làm thinh. Cai Mão ngồi thụp xuống bên cạnh, để tay trên vai nàng:

— Anh ơi!

Anh hất tay người cha ghé ra. Cai Mão li-lợm, càng ngồi sát vào Anh:

— Anh ở nhà đừng đi đâu nữa nghe. Đạo này tôi nhầy-dù được mấy món đem bán được bộn tiền, Anh muốn đồ nữ-trang gì tôi sắm cho, quần áo đẹp muốn may mấy cái tôi may cho.

Anh chừ-bự cái mặt không thèm trả lời một câu, nhưng Cai - Mão cứ dõ-dành:

— Anh muốn đi ở riêng không, tôi mượn một căn nhà lá bên Khánh-Hội cho Anh ở...?

Người cha ghé khấn-nạn bồng dưng đưa tay ôm choàng lấy Anh. Anh đẩy mạnh ra, đứng dậy la lớn:

— Cái ông này làm gì kỳ - cục vậy?

Anh chạy ra cửa bếp, nhưng Cai Mão chạy theo chụp lấy nàng, một tay khép cửa, một tay lôi nàng lại ghé-bổ. Anh đẩy dựa la to lên:

— Ổi hàng xóm ơi! Ổi hàng xóm ơi!...

Cai Mão rút khăn tay toan bịt miệng Anh, nhưng Anh đã cắn được một vết đau điếng trên bàn tay kẻ vũ phu. Cai Mão phải buông ra, Anh thoát được, nhưng liền bị y thộp lại và đánh một bạt tay này lửa. Anh chạy lao-đào ra đến sau bếp, vừa khóc vừa kêu: « Ổi hàng xóm ôi! » Cai - Mão chạy theo, tay cầm một thanh củi đập túi bụi trên đầu Anh đổ máu. Anh ngã gục xuống sân, cạnh lu nước, còn bị Cai Mão xấn một đạp mạnh vào hông.

Bên hàng xóm có chị Năm Béo và bốn năm thiếu nữ kẹp tóc, đồ xô ra coi. Thấy Cai Mão đã bỏ đi ra khỏi nhà và cô Anh nằm bất tỉnh trong sân, máu chảy một giòng trên trán, mấy người liền leo rào nhảy qua. Chị Năm Béo bảo một thiếu nữ kẹp tóc chạy đi kêu xe rồi chị với mấy người khác xốc cô Anh ra xe để chị đưa

Anh đi nhà thương.

Gần 12 giờ trưa, chị Tư Rõ về nhà, không biết chuyện chi hết. Chị không thấy con gái đâu, đã hăm hứ:

— Cái con này thiệt...! Lại bỏ nhà đi nữa rồi!

Nhưng chị thấy trên bếp đã bắt nồi cơm, lửa tắt mà cơm chưa chín. Trên thớt còn con cá lóc đang làm dở-dang, mới cạo sạch vây. Chị ngó quanh quẩn không thấy gì lạ, bước ra cửa bếp ngó ngoài sân sau, cũng không thấy Anh. Chị Tư liền kêu với sang nhà chị Năm Béo:

— Anh ơi, con ở bên chị Năm hẻo hông?

Không nghe Anh đáp. Chỉ có cô Lộc, một thiếu nữ kẹp tóc ở cạnh nhà chị Năm, kéo guốc lẹp-kẹp ra hè, đứng sau hàng rào phen nói vọng qua:

— Chị Anh đi nhà thương rồi, bà Tư à.

Chị Tư hốt hoảng:

— Ủa! Nó sao mà đi nhà thương?

— Chỉ bị ông Cai Mão đánh lỗ đầu chảy máu, chỉ nằm chết giắc, bà Năm phải khiêng chỉ ra xe đưa đi nhà thương.

Cô Lộc kể đầu đuôi tự sự cho

bà Tư nghe như sự huyền đã xảy ra mà cô với bà Năm Béo và mấy người khác đã nghe thấy từ khi Cai Mão bước về nhà. Chị Tư Rõ ngồi xuống đất, khóc nức nở. Tiếng chị khóc rất thảm - thiết, tưởng như Anh đã chết rồi!...

Hỏi cô Lộc chị Năm đưa Anh đi nhà thương nào, Lộc không biết, chị Tư lại khóc than kẻ-lề rùm-beng cả xóm. Một lát sau, chị Năm Béo về. Chị đi thẳng vô nhà chị Tư, chưa thấy chị này chị Năm nói bô-bô lên một mình:

— Cũng thiệt là may! Gặp cái ông Đốc-tư nhơn đức, chớ không có thì con nhỏ cũng bỏ mạng tám-mươi đời!

Chị đi churen không, bước thui-thui, vừa hỏi trống rỗng:

— Có đôi guốc cùn của tôi bỏ trong này hông hè? May đủ thứ may! Cái anh tài-xế tắc-xi cũng tử tế, mình kêu xe chở đại cô Anh tới nhà thương, mà trong túi hông có tiền trả tiền xe, ảnh thấy cô Anh bị đổ máu ướt nhẹp cái đầu, ảnh cũng hông nỡ đòi tiền... Ủa đôi guốc của tui đâu cà?

Chị vừa kiếm đôi guốc, vừa ra đến cửa bếp thấy chị Tư ngồi khóc sụt-mướt, chị la lên:

— Chị Tư biết hông? Tui

hồng đem cô Hai Ánh vô nhà thương kịp sáng nay thì đừng có nói cớ sống! Trời ơi, chị biết hồng, máu chảy tua-tua ra dễ sợ quá, tưởng cô ta chết trên xe rồi chớ! Ông - nội ơi, nó sưng vù trên đầu trên trán ba bốn cục vầy nè! Chị biết hồng, tới nhà thương thì ông Đốc-tura đã ra xe hơi đi về, tui tui phải năn-nỉ ông, nói cô Ánh chảy máu nhiều quá-xá, sợ cớ chết lịm mất...

Tội nghiệp ông, chị biết hồng, ông thấy cô Ánh như vậy, ông lật đặt biều đem vô buồng thuốc, ông băng-bó cho cô, rồi ông chích cho cô hai mũi thuốc, hồng biết thuốc gì... Nghe ông Đốc-tura nói hồng sao đâu, tui mới hết lo, chớ chị biết hồng, hồi chớ cô đi trên xe, tui cứ sợ cớ chết lịm trên xe thì thấy mồ-tử! Chèng-đéc ông-nội ơi, từ hồi khai-thiên lập-địa tới giờ, tui mới thấy ông Cai-Mão đó là một đạ, chị Tư ơi! Chị biết hồng, chị mà thấy ông cầm cây củi to bằng cớ tay tui vầy nè... kia cà, cây củi ông đánh cô Ánh ông quăng ra kia, chị mà thấy ông đánh cô Ánh chị cũng đứt từng đoạn ruột chớ đừng nói là lú tui... Đạn ông gì mà dữ quá xá là dữ!.. Coi có đôi guốc của tao ở bên hồng, Thợ?

Chị Năm hỏi con Thợ, là cháu kêu bằng Di mà chị vừa thấy đứng bên hàng rào phen, với cô Lộc và ba bốn thiếu-nữ ở hàng xóm. Con Thợ chạy kiểm một lát, trả lời: «Hồng thấy đôi guốc của di đâu hết!»

—Vậy chớ tao bỏ quên nó trên tắc-xi rồi sao, mầy? Ừ! Mà có một chiếc rồi đây nè! Phải guốc của tao hông?

Chị Năm chợt thấy một chiếc guốc ở cạnh lu nước, trong kẹt hàng rào. Chị chạy lại lấy, đúng là của chị. Chị đập chiếc guốc cùn xuống gạch kêu một cái «đốp!», bình như chị tức giận nó lắm:

—Mẹ cha mầy, nầm đây mà để tao kiểm ừ hơi!

Chị ngó quanh-quần trong sân:

—Còn một chiếc nữa đâu?...

Một tay cầm chiếc guốc, chị Năm còn quây lại Chị Tư:

—Chị Tư biết hông, cô Ánh cớ dặn tui đừng nói cho chị biết là cớ nầm nhà thương! Tui đỡ cớ nầm xong xuôi rồi hết tui mới đi bộ dia đây nè. Người ta băng bó cho cớ kín hết troy cái đầu, còn chưa nội cái mặt mà thôi hê!

Chị Năm Béo kêu con Thợ qua tìm một chiếc guốc nữa của chị, rồi chị ngồi bệt xuống đất,

đổi diện chị Tư Rõ. Chị kể hết đầu đuôi câu chuyện vừa xảy ra trong lúc chị Tư đi vắng. Chị kể đi kể lại hai ba lần một đoạn, vừa nói thêm rất nhiều, vừa bình phẩm hành động của Cai Mão với những lời tục-tiêu, thô-kịch nhưng rất là nghiêm-khắc. Nếu có một máy thu-thanh đặt gần đó để ghi lại tất cả những lời nói của chị không sót một tiếng nào, thì chúng ta sẽ có một áng-văn bình-dân kiệt-tác, thú vị đặc-biệt, với tất cả các danh-từ tả chân mà một nhà đại văn-sĩ có tài đến đâu chẳng nữa cũng không thể nào viết được. Chị Năm Béo thuộc về hạng mồm-loa mẹp-dải ở các xóm lao-động, chuyên-môn ngồi lê đôi mách, và rất hay tọc-mạch những chuyện riêng của người ta, nhưng lại rất vui-vẻ, thành-thật, ngay-thẳng và công-bình, không thiên-vị bên nào. Chị bình-phẩm gắt-gao mỗi hành-vi của Cai Mão mà chị không sợ mịch lòng chị Tư Rõ. Chị bênh-vực Ánh. Chị rất thương hại cho cô Ánh và khen-ngợi Ánh từng một cử-chỉ nhỏ mọn. Chị tỏ cho chị Tư thấy Cai Mão là một tên vô-lại khà-ổ, khà-bỉ, còn Ánh là một cô gái rất đáng khen, đáng phục, đáng thương. Chị Tư Rõ ngồi nghe, khóc ròng-rã, không dám bình chông mà

cũng không dám hòa theo chữi chông. Chữi Cai-Mão thì sợ anh ta nghe được sẽ đánh chị như thây. Còn bình Cai-Mão thì chắc là chị Năm Béo và bà-con hàng xóm sẽ cười chị là sợ «thằng-chả» và không biết thương con. Chị Tư làm thinh, không hề có lời cảm ơn chị Năm Béo đã đưa Ánh đi nhà thương. Trong thâm-tâm của chị vẫn thương con gái lắm, nhưng vì chị nghèo quá, và thấy câu chuyện đã lỡ ra như thế rồi, chị không biết làm cách gì để cứu-vớt đứa con gái độc-nhất thân yêu của chị. Chị tức-giận người «chồng» tàn nhẫn và vô liêm-si, mà không dám nói ra, sợ chị Năm cười. Chị định trong thâm tâm là đợi chiều tối anh ta về nhà chị sẽ hỏi chuyện.

Ánh nằm nhà thương gần một tháng trời, chẳng có ai thăm-viếng cả. Ánh buồn tủi cho thân-phận mình và oán-trách mẹ. Nàng không thêm nghĩ đến người cha ghé khốn-nạn. Nghĩ đến làm chi cho thêm nhục, cho thêm hận? Ánh chỉ thề với mình rằng từ nay nhất-định không bước chân về nhà Mẹ nữa. Ánh tự coi mình như một đứa con hoang, và tự an ủi: «Trên đời còn biết bao nhiêu những con mồ-côi không mẹ không cha đó thì sao? Mình đã lớn rồi, phải tự-lập lấy thân chứ».

(Còn nữa)



✧ Lại thơ của Cao-Bá-Quát ?

« (của ông Đỗ-Ý-Linh, Khu Xương-Bình, Đà-nẵng)

... Tình - cờ tôi đọc trong một quyển sách Giáo - khoa của một giáo-sư Việt-văn, nói về cái chết của nhà Thi-hào Cao-Bá-Quát, chép rằng khi Cao-Bá-Quát ngựa cồ đề họ chém, có ứng-khẩu hai câu thơ sau đây :

« Ba hồi trống giục mờ cho kiếp.

« Một nhát gươm đưa bỏ mẹ đời »,

Tôi hết sức ngạc - nhiên vì tôi có một người bạn làm trong ban Thông - dịch chữ Hán ở Viện Đại Học Huế cho biết là theo tài liệu của bộ ĐÀI NAM THỰC LỰC CHÍNH BIÊN thì : « Viên suất đội Đinh-thế-Quang có công bắn chết Cao - bá - Quát tại trận, được thưởng chức cai đội ».

Sử-liệu rành rành như vậy mà các sách giáo-khoa trong nước thì nói Cao-Bá-Quát bị bắt và bị Triều Đình kết tội chết chém, và người ta đã nhặt được ở đâu hai câu thơ và khẩu-khí không thể ở trong một thiên tài về thơ như Cao - bá - Quát để gán cho một nhà thơ đã được coi như là ông thánh trong làng thơ (Thần Siêu, thánh Quát) ? Tại sao vấn đề cho một sự lầm lẫn quan trọng như vậy được tồn tại mãi, cả về Sử-học, cả về Văn-học ?

✧ Một bài thơ của Phan-văn-Trị.

« (của cô Trần - mộng - Lan, sinh viên Đại-học, Đường Phan-đình-Phùng, Sài-gòn)

... Trong thời kỳ Pháp bắt đầu xâm chiếm Việt-Nam, đa số sĩ phu ta không ra hợp tác, trong số đó có Phan văn Trị. Truyền rằng Tổng-đốc Lộc là người Việt-gian hợp tác chặt-chẽ với Pháp và rất hống-hách đối với đồng-bào ta. Biết rằng Phan-văn-Trị là một nhà thơ hay, mà lại không ra hợp tác với Pháp, một hôm gặp ông cử Trị, Tổng-đốc Lộc chỉ đóng phần ở vệ đường, bảo ông này làm một bài thơ vịnh, để tỏ ý ngạo-mạn nhà Thơ. Ông cử Trị liền xuất-khẩu :

Trong cơn lộn-nhộn ló đầu ra.

*Thiên hạ ai mà chẳng góm va !
Ý thế dọc-ngang nằm dít-dốc,
Rồi đây sẽ có chó liềm tha !*

Bài thơ này ông Trị làm có ý mỉa - mai, vịnh tổng-đốc Lộc như cục « bát hảo » đó. Thế mà Tổng-đốc không biết. Đến khi hiểu được thì nhà thơ đã tếch mắt rồi.

Bài thơ này tôi chép theo lời truyền-khẩu của một cụ già ở Trà-Vinh. Không biết có đúng thật vậy không ?

Thưa ông, tôi là người miền Nam, phát âm không đúng lắm, nên khi chép lại tôi ngờ vực chữ « dít-dốc » viết như vậy có đúng với nguyên văn ? Vì chính tôi cũng không hiểu nghĩa chữ đó...

● **ĐÁP** = Bài thơ trên đúng là của ông cử Trị. Hai chữ « dít-dốc », nói lái thì hiểu nghĩa.

✧ Ai lấy ảnh... trong thư ?

(của cô Trần Mộng Lan, Phan-đình-Phùng Sài-gòn)

...Tôi có một người bạn tâm thư ở Pháp. Chúng tôi thường trao đổi thư từ và hình ảnh lẫn nhau, nhưng hình ảnh của bạn tôi gửi cho tôi thường hay bị thất-lạc, chỉ nhận được thư không mà thôi. Vậy tôi có quyền khiếu nại với sở bưu-điện không ? Tôi đã nhiều lần bị mất như thế.

● **Đáp** : Bạn cứ viết thư khiếu-nại gửi lên ông giám-đốc nha Bưu-Điện Sài-gòn, trên thư cho địa-chỉ rõ-ràng của bạn, và nếu có thể được, kèm theo bằng-chứng cụ thể.

✧ Báo bán xôn.

(của Ô. Lương-trọng-Minh, Trương-Minh-Giảng, Sài-gòn)

... Chúng tôi mong rằng « Phở Thông » phát hành, mỗi tháng 2 kỳ chỉ dư độ chừng 100 (một trăm) quyền thôi. để tránh tình trạng bán « Xôn ». Những bạn yêu quý Phở-Thông, ai chẳng đau lòng khi thấy thiên hạ bỏ ra 25\$ (hai mươi lăm) để mua một chực (10 quyền). Phở-Thông cũ trên vỉa hè thành-phố ?

● **Đáp** : Thành thật cảm ơn bạn có thịnh tình chiếu cố đến vấn đề trên, Nhưng tất cả các báo, và ở khắp các nước trên thế giới, không sao tránh được nạn « báo cũ bán xôn ». Riêng Phở thông ở toàn quốc có trên 2.000 đại lý bán báo, kể cả các sạp báo Sài-gòn, thì dự cứ mỗi kỳ phát hành, mỗi đại lý bán hết chỉ còn dư một quyền

thời, thì tổng cộng toàn quốc số báo dư gửi về nhà báo phải là 2000 quyền! Vì số báo bán nơi mỗi đại-lý không thể nhất-định được, thí dụ một Đại-lý ở quận nhận 20 quyền, nhiều khi bán không đủ, có khi lại dư 1, 2, quyền, cho nên họ yêu-cầu nhà báo gửi đến họ 24 quyền, mặc dầu họ bán thường xuyên 20 hoặc 22 quyền. Tại số bán bất thường ấy mà mỗi kỳ báo, các đại-lý gửi báo cũ về mỗi nơi chỉ một vài quyền, nhưng tổng-cộng toàn-quốc thành một hoặc hai ngàn quyền! Số báo dư, nhất định là phải bán lại cho các bạn Hoa-khieu chuyên buôn-bán báo cũ.

Tình trạng đương-nhiên đó, không báo nào tránh khỏi cả. Hoặc phải bán xôn nguyên tập, hoặc phải xé bìa, bán rời từng kí-lo thành giấy gói đồ.

Nhưng riêng Phò-Thông, báo cũ bán xôn chỉ là những số báo đã phát hành cách đây ít nhất là 6 tháng hoặc 8 tháng và mỗi ký dư chỉ trên dưới hai ngàn số mà thôi (cả toàn quốc). Chính những báo và tạp-chí lớn có giá-trị lừng danh của các nước Âu-Mỹ, như Paris Match, Sélection, Constellation, Life, Illustration Time, Post, Réalité, Lecture pour tous, v.v., cũng phải đem hàng vạn số báo cũ ra bán xôn trên lễ đường vậy!!

* Đinh-xuân-Tiểu, Nguyễn-đức-Bính...

(của ông Nguyễn-xuân-Tĩnh, 63/15, Trần-v-Thạch Satgon)

... Có vài đoạn về văn sĩ Tiên - chiến, tôi xin trân trọng bõ-khuyết:

Ô. ĐINH-XUÂN-TIỂU, người Thọ-linh tỉnh Quảng-Bình, học trường Trung-học Vinh, rồi ra Hà-nội học ban tú-tài trường Gia-Long. Sau làm việc tại Đông-Pháp Ngân-Hàng, và phụ-trách mục kinh-tế trong báo L'effort Indochinois.

... Hồi Bùi-ngọc-Ái viết trong tờ *Le Travail*, ông ấy đã vào đảng Xã-Hội Lao-Động SF.I.O. của L. CAPUT, TRẦN-V-LAI, PHẠM-HỮU-CHƯƠNG, VÕ-ĐỨC-DIÊN. Hiện nay, Bùi-ngọc-Ái làm bí-thư đảng Xã-Hội Bắc-Việt...

... NGUYỄN-ĐỨC-BÍNH là anh con ông Bác của Hoài-Thanh, dạy tư ở Vinh, viết báo *Đông-Pháp* của Ngô-văn-Phú, hồi viết *Patrei Annamite* thì đã làm Trung-kỳ nhân-dân đại-biêu rồi, và chủ-nhiệm hai tờ " *Le canard enchainé* " và " *Tuần - Lễ* " xuất bản ở Vinh.



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

* DIỆU-HUYỀN

Xin Bạn Đọc lưu ý



Vì phạm vi có giới-hạn của mục « *Đáp bạn bốn phương* », vì thư-từ của quý Bạn gửi về mỗi ngày rất nhiều, chúng tôi xin quý Bạn lưu ý giùm cho những điểm sau đây:

* Chúng tôi xin lỗi không thể trả lời những vấn-đề cá-nhân, như những chuyện kiện thừa, tình duyên, lương bổng, v.v... Chúng tôi chỉ xin phúc đáp những thắc - mắc tuy riêng của một người nhưng có tính cách học-hỏi chung, có thể lợi ích cho đa số bạn đọc.

* Xin quý Bạn miễn cho chúng tôi việc trả lời thư riêng, trừ những trường hợp đặc-biệt. Xin quý Bạn đừng gửi tem và phong-bì kèm trong thư yêu cầu chúng tôi phúc đáp. Nếu có vấn đề gì thật là cần thiết và quan trọng, không thể đăng câu trả lời trên báo được, thì tự-khắc chúng tôi sẽ có thư riêng đến bạn. Trong trường hợp ấy, chúng tôi đã có sẵn tem và phong-bì, xin quý Bạn đừng ngại.

* Chúng tôi không mở mục « *Những bài đã nhận được* », vì hai lý do:

1) Bài của quý Bạn có nhã ý gửi về tòa soạn nhiều lắm chứ không phải ít, thường thường MỖI NGÀY chúng tôi nhận được

40, 50 thư và bài, gồm đủ loại văn thơ. Như vậy, cứ nửa tháng dồn lại có trên 500 bài, cho nên chúng tôi không thể nào dành riêng mỗi kỳ báo ít nhất là 3 trang giấy để nêu lên một bản danh sách dài thườn-thượt chỉ ghi tên 500 tác giả ở khắp nơi đã gửi bài về tòa soạn.

2) Và lại, theo thiện ý của chúng tôi, nêu tên như thế cũng không ích gì, vì bài nào đăng được thì sớm hay muộn chúng tôi cũng sẽ đăng, còn bài nào không đăng được thì đành phải gát lại. Tin cho quý Bạn rõ là chúng tôi « đã nhận được bài » « chúng tôi đang xem » v.v. rồi vì một lý do nào đó không đăng được những bài ấy, thì phỏng có vui gì cho quý Bạn đâu ?

Vậy, chúng tôi xin thưa chung một lần để quý Bạn biết rõ rằng bài của quý Bạn gửi về tòa soạn chúng tôi đều nhận được cả. Nhưng xin quý Bạn miễn cho chúng tôi việc trả lời trên mặt báo những câu hỏi : « bài, đã nhận được chưa ? Có đăng được không ? Bao giờ sẽ đăng ? Đăng trong số báo nào ? » hay là : « Tại sao không đăng được ? » v.v...

Mong quý Bạn thông cảm cho. Chúng tôi thành thật cảm ơn.

* Những bài nào chúng tôi xét có thể đăng được, tự-nhiên chúng tôi sẽ lần-lượt đăng hết. Chỉ sớm hay muộn mà thôi, vì bài của quý Bạn gửi về rất nhiều, những bài mà chúng tôi lựa chọn có thể đăng được cũng không phải là ít. Riêng những bài của ban Biên-tập Phở-Thông đã chiếm hết 2 phần 3 tập báo, cho nên mỗi kỳ chúng tôi chỉ được hân-hạnh đăng thêm 1 bài của các bạn ký-giả ngoại quốc, và 2 hoặc 3 bài của các bạn đọc trong nước mà thôi. Vì vậy chúng tôi xin quý Bạn đừng viết thư thúc giục.

Nếu bài có tính cách cần gấp, chúng tôi sẽ đăng ngay để giữ được thời gian tính. Nếu bài thiếu-sót tài-liệu, chúng tôi còn phải để thì giờ bổ-túc cho đầy đủ hơn, rồi lần lượt sẽ đăng sau.

* Những thư hỏi thắc mắc trong mục « Đáp bạn bốn phương » vì nhiều quá, chúng tôi cũng chỉ xin trả lời trong mỗi kỳ báo 20, hoặc 30 bạn mà thôi và xin miễn đáp những câu hỏi không ích lợi cho đa số bạn đọc.

Xin quý Bạn thông-cảm cho, thân mến cảm tạ.

PHỒ-THÔNG TẬP-CHÍ



* Một Độc-giả ở Phú Nhuận

Câu trả lời về đặc tính của các loại hoa đã đăng trong P.T. số 22 (Mục đáp bạn bốn phương)

*Bạn Trần thị Hồng-Châu — HỒC MÔN

Ông Q. không phải là biên tập viên thường trực của P.T. Trước kia, ông có viết trong báo nào, chúng tôi không được rõ.

* Ô Nguyễn Phi Hùng — NHA TRANG

Theo các sách Phật giáo của Thế kỷ XIII và XIV, thì thế kỷ II và III sau J.C. ở đất Giao châu (Bắc-việt) đã có hai vị sư Ấn-độ, là MARAJIVAKA, và KALYANARUCI, và hai vị sư Tàu là TĂNG-HỘI và MẬU-TỬ, là 4 vị sư truyền giáo đầu tiên ở Việt-Nam.

MARAJIVAKA từ Ấn-độ qua Founan (Cao miên), lên Giao-châu (Bắc việt), ở đây một thời gian rồi qua Tàu.

KALYANARUCI ở Giao-châu vào khoảng 255-256 rồi cũng qua Tàu.

TĂNG HỘI (僧會) đã ở bên Ấn-độ từ lâu, rồi theo cha mẹ đi buôn bán sang Giao châu. Sau cha mẹ chết, ông cạo đầu tu tại gia, rồi trở về Tàu.

MẬU TỬ (牟子) quê ở Quảng-Đông bên Tàu, sang truyền Phật giáo ở Giao-châu vào khoảng năm 189

Bốn vị trên này chỉ đi qua Việt-nam một thời gian chứ không ở lâu và không lập chùa.

Mãi đến năm 580, một vị Sư Ấn độ là VINITARUCI từ Ấn sang Tàu ở Trường-An, rồi xuống Quảng-châu, qua Giao-châu, Ông dịch các kinh Phật bằng chữ Phạn sang chữ Nho, và thuyết pháp bằng tiếng Việt. Ông lập ngôi chùa đầu tiên trên đất Việt-Nam tên là PHÁP VÂN TỰ hiện bây giờ vẫn còn, nhưng sửa sang lại khác xưa, tức là chùa DIÊN ỨNG ở làng Khương tự, huyện Xiêu-loại, tỉnh Bắc-Ninh.

Ngôi chùa « Pháp-vân » này là nơi đạo-tạo đầu tiên các tăng

già Việt Nam, ảnh hưởng trên 50 năm từ 580 đến 1225, (trải qua mấy thời-gian Ngô, Đinh, Lê, Lý, cho đến đầu nhà Trần. Hai nhà sư danh-tiếng nhất trong Lịch-sử Việt Nam, là TỬ-ĐẠO-HẠNH và NGUYỄN-MINH-KHÔNG đều đã tu luyện Phật-pháp tại chùa « Pháp vân tự ».

★ **Bạn Trần-mộng-Lan — sinh-viên Saigon.**

● Chúng tôi không có tin tức gì về hoạt-động văn-nghệ của nhà văn Lý-văn-Sâm, tác-giả « Sương-gió Biên thùy »

● Về Lịch-sử miền Nam, bạn có thể xem các sách của viện Khảo-cổ Saigon, của Bulletin des Etudes Indochinoises, của Ecole Française d'Extrême-Orient.

★ **Ô. Hà-việt-Thủy, 126 Chi-lăng, GiaĐịnh**

● Mata Hari, tại các tên giống như tên Nhật, nên có người tưởng lầm là người Nhật. Chính là người Holland như trong bài của chúng tôi đã nói rõ (Những người đàn bà lưng danh...)

● Hai câu đầu bài thơ *Tương-Giang* của nàng Dương-y (đời nhà Châu) làm tặng người yêu là Lý Sanh.

Nhân đạo Tương-Giang thâm

Vị để tương-TU' bạn

Câu thứ nhì, là tương-TU', chớ không phải tương-giang.

Nguyên bài và nghĩa như sau đây :

Nhân đạo Tương-giang thâm (Người bảo sông Tương sâu)

Vị để Tương-tư bạn, (Chưa hàng thương nhớ bạn)

Giang thâm chung hữu để, (Sông sâu còn có đáy)

Tương-tư vô biên ngạn. (Thương-nhớ không bến bờ)

Quân tại Tương-gian đầu (Chàng ở đầu sông Tương)

Thiếp tại Tương-gian vĩ, (Thiếp ở cuối sông Tương)

Tương-tư bất tương-kiến, (Nhớ nhau mà không thấy)

Đồng-âm Tương-giang thủy (Cùng uống nước sông Tương)

★ **Bạn Hoàng thị Diễm-Phương, 11/13 Trưng-Trắc, Huế.**

Về bài thơ « Hoa rơi hén vắng » của bà Thu-Vân (Blao) trùng với bài « Thu Xưa » của J. Leiba, đã có người chỉ-trích và đã gây ra một dư-luận không tốt đẹp từ đạo ấy về trường hợp «Đạo văn». Bà Thu-Vân đã có lời công-khai biện-bạch, và nhận lỗi.

★ **Ông L. K. C. VCH.**

● Tinh-chất thiên-nhiên của Nam-châm là bị mặt đất hút theo một chiều nhất-định Bắc-Nam, cho nên người ta dùng nam-châm để làm kim Địa-bàn.

● Về vấn-đề vị-trí của mặt Trăng và mặt trời đối với Quả đất, phải một bài dài về Thiên-văn-học mới giảng-giải rõ-ràng và đầy-đủ. Rất tiếc mục báo này có giới-hạn.

● Siêu-hình học là môn học về những trạng-thái huyền-vi vượt lên trên hình tượng cụ-thể. Tuy vậy, không thể loại bỏ đối-tượng chính là người, mặc dầu người chỉ là một trạng-thái của muôn nghìn trạng-thái của vũ-trụ. Một vài nhà Triết-học luận rằng về vấn-đề siêu-hình người ta « không thể hiểu nó theo nghĩa thu-thập của giác-quan hay tâm-lý », nhưng có thể lĩnh hội được trạng-thái siêu-hình học bằng thông-cảm siêu-việt của trí-óc.

★ **Ông Nguyễn Thành-Lễ, 17 Võ-Tánh, Huế.**

Bị tình-nghi theo một đảng-phái đối-lập, nhưng trong tư-pháp ý-lich mẫu số 3 không có ghi một án-tiết nào cả, và không có hoạt-động nào chống lại chính-phủ, tức là người công-dân vô tội.

★ **Ông. KBC 4476.**

Những chữ *Alpha, beta, gamma, delta, v. v. .* là ở trong mẫu-tự grec (Hylap), chớ không phải là các chữ phiên-âm quốc-tế.

★ **Bạn Phạm sĩ Tấn — ĐÀ NẴNG**

Không thể nói: « Nguyễn Khuyến là một tên lính đảo ngũ trước thời cuộc » như lời phê bình trong quyển sách bạn nói đó, vì sự bất hợp tác của một số đồng các Thân sĩ thời bấy giờ đối với người Pháp mới sang xâm chiếm xứ ta, không thể ví như một tên lính đảo ngũ. Trái lại, đó là một thái độ cao thượng của một Văn nhân.

Cũng không thể nói như giáo sư T.L. : « Nguyễn công Trứ là lòng tổ làng mạn » vì từ thế kỷ XVI, Nguyễn-bình-Khiêm, Nguyễn-Hàng, đã có phong độ làng mạn rồi.

* **Bạn Quỳnh, Viện Hán Học — HUẾ**

● Câu ca-dao : *Tu dân cho bằng tu nhà,*

Thờ cha kính mẹ mới là chân tu.

Chỉ là một câu châm ngôn tốt đẹp về luân-lý, thiên về bổn-phận của người con đối với cha mẹ. Còn câu tục ngữ : « *Việc nước trước việc nhà* » là một châm ngôn về chính-trị, nặng về nghĩa quốc gia hơn là gia tộc. Chúng ta phải tùy trường-hợp mà xử thế, không thể dùng những câu trên làm tiêu chuẩn bắt di dịch của mọi hành động trong thời buổi hiện tại. Tất cả những châm ngôn, tục, ngữ-đều có nghĩa tương đối.

● *Trí thức nửa mùa*, là câu châm-biếm nói về hạng người trí-thức dở dang, tài học chưa giỏi, mà đã tự phụ, tự mãn.

* **Ông Nguyễn Văn An, 615 Bình Trưng — THỦ ĐỨC**

● Chữ *Godautre* không phải là chữ Pháp. Đó là ba chữ Việt « *gô đầu trẻ* » ghép lại và bỏ dấu, bắt chước theo chữ Pháp, do nhà viết tiểu-thuyết Nguyễn công Hoan đặt ra, để chỉ những người làm nghề dạy học.

● *Lanoline* là một thứ dầu, do từ mỡ lông cừu (*graisse de laine*) chế ra, dùng trong việc bào chế một vài thứ thuốc Tây, hoặc xà-phòng.

Hãng : TRẦN-VĂN-XUÂN

Chủ nhân : TRẦN - VĂN - XUÂN

**Đúc, tiện và sửa các loại máy chạy
sông, chạy dầu và chạy hơi**

147, Đại-lộ Trần-hưng-Đạo — SAIGON

CÔNG-TY BẢO-HIỂM

« LE SECOURS »

● Công-ty **BẢO-HIỂM VÀ LIÊN-HIỆP BẢO-HIỂM** những tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro.

TRỤ SỞ CHÍNH : 30-32 đường Laffitte — Paris (9e)

CHI-CUỘC VIỆT-ĐÔNG : 16 đại-lộ NGUYỄN-HUỆ
(Charner cũ) Saigon

Điện-thoại : 20.461

Bồi thường mau lẹ — nghi-thức giản-tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần-ngại — Mọi sự
đề-dãi và tiếp rước niềm-nỡ sẽ dành cho khách bảo-hiểm.

Lúc CÓ THAI

Nếu có xảy ra bệnh bất thường xin đừng bối rối, và cũng khoan vội dùng thuốc nào cả. Hãy hỏi kỹ lại các bà đã sanh nhiều lần rồi, nhờ điềm chỉ thuốc nào thật hay. Vì không có sự giới thiệu nào đáng tin hơn là do người đã dùng rồi nói lại. Thuốc **DƯƠNG THAI «NHÀNH-MẠI»** ra đời trên 25 năm nay, không nghe một ai than phiền, hoặc thất vọng về chúng : ủa... nữa... bốn... thai động... hoặc trẻ thai... hoặc mỗi mệ...

Còn quý Bà có thai may mắn không có những chứng bệnh kể trên, cũng rất cần uống thuốc này để lúc sanh, sanh rất dễ, rất mau ít đau bụng, và đứa nhỏ rất mạnh và dễ nuôi, người mẹ không mỏi mệt, rất khỏe khoắn, tránh được các chứng bệnh có thể xảy ra bất thường, sau khi sanh. khắp cả xứ Việt Nam tiệm thuốc nào cũng có bán!

Đ.d.s. Ng.v.Lượng 36, Tạ-thụ-Thâu, Saigon

KINH.LÝ VĂN.PHÒNG
110, đại lộ Nguyễn-Huê, SAIGON

Điện thoại : 23.187



PHẠM - VĂN - LẠNG

Giám-Định Trắc-địa-sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản — SAIGON

THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

231-233 Phạm Ngũ-Lão — Saigon

Điện thoại . 20.447

Số thương mại : Saigon số 640A

Trương mục kho bạc

Saigon số 9.657

Số Quốc - Gia Danh - Bộ

25	129	54	001
----	-----	----	-----

- ★ In sách báo, các loại sổ sách, giấy tờ, văn phòng bằng Việt, Pháp, Anh, Hoa ngữ.
- ★ In lịch treo — lịch bỏ túi — nhãn hiệu — bao hộp — đóng sách đẹp.
- ★ Cung cấp dài hạn ấn phẩm, dụng cụ văn phòng cho công sở, tư sở tại Saigon và các tỉnh.
- ★ Có xưởng máy cung cấp các thứ phù hiệu, cờ, cho các hiện đoàn, nhãn cỡ áo (étiquettes) lớn, nhỏ, đủ loại, đủ cỡ. Màu đẹp, bền, không phai.

Thư từ, ngân phiếu xin đề :

THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

HÀNG XUẤT - NHẬP - CẢNG

ĐỨC - KÝ

278 ĐƯỜNG - CÔNG - LÝ — SAIGON

ĐIỆN THOẠI : 22.920

Giám-đốc : Nguyễn-Xuân-Nhấn



— Nhập cảng Thực Phẩm

Thân chúc quý vị khách hàng

một lễ Giáng-Sinh vui-vẻ và một

năm mới 1961 hoàn-toàn hạnh-phúc.

Asphélyne



Đặc biệt trị:
SUYỄN

*Không thua gì
thuốc ngoại quốc*

PHARMACIE
KIM-QUAN
SỐ 1 CHỢ BẾN THÀNH
SAIGON

PHỔ - THÔNG số sau (51)

Phát-hành ngày 1-2-1961 tức là ngày 16
tháng Chạp Canh-tý, là số đặc-biệt

XUÂN

TÂN-SỬU

THÊM NHIỀU TRANG.
ĐĂNG NHIỀU BÀI
VỀ CON TRÂU và
XUÂN CON TRÂU



Các bạn đã yêu-mến Phổ-Thông số thường
Các bạn sẽ yêu-mến Phổ-Thông số XUÂN
nhiều nhiều hơn nhiều !

BÌA IN OFFSET 5 MÀU TUYỆT ĐẸP

(coi tiếp trang sau)

K. D. số 651/HĐKD — Saigon, ngày 20-12-1960
In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long — Saigon
Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ